

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM  
NHÀ MÁY IN TIỀN QUỐC GIA  
\*\*\*0\*\*\*

**HỒ SƠ MỜI THẦU**  
**MUA SẮM HÀNG HÓA**

**GÓI THẦU** : CUNG CẤP VÀ LẮP ĐẶT MÁY ĐÓNG GÓI CO MÀNG NYLON  
**DỰ ÁN** : DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG NHÀ MÁY IN TIỀN QUỐC GIA  
(DỰ ÁN NH.09B)  
**ĐỊA ĐIỂM** : KHU CÔNG NGHỆ CAO HÒA LẠC, HÀ NỘI, VIỆT NAM  
**CHỦ ĐẦU TƯ** : NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

Hà Nội - năm 2026



# HỒ SƠ MỜI THẦU

Số hiệu gói thầu: \_\_\_\_\_

Tên gói thầu:

Cung cấp và lắp đặt máy đóng gói co màng nylon

Dự án:

Dự án đầu tư xây dựng Nhà máy In tiền Quốc gia (Dự án NH.09B)

Phát hành ngày:

05/3/2026

Ban hành kèm theo Quyết định:

297/QĐ-NHNN ngày 02/3/2026

ĐVTCĐT



CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN  
**Nguyễn Đức Cường**

0149  
HÀ  
IN  
QU  
PI

## MỤC LỤC

Mô tả tóm tắt

Từ ngữ viết tắt

### **Phần 1. THỦ TỤC ĐẤU THẦU**

Chương I. Chỉ dẫn nhà thầu

Chương II. Bảng dữ liệu đấu thầu

Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu

Chương IV. Biểu mẫu dự thầu

### **Phần 2. YÊU CẦU VỀ PHẠM VI CUNG CẤP**

Chương V. Phạm vi cung cấp

### **Phần 3. ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG VÀ BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG**

Chương VI. Điều kiện chung của hợp đồng

Chương VII. Điều kiện cụ thể của hợp đồng

Chương VIII. Biểu mẫu hợp đồng

## MÔ TẢ TÓM TẮT

### Phần 1. THỦ TỤC ĐẦU THẦU

#### Chương I. Chỉ dẫn nhà thầu

Chương này cung cấp thông tin nhằm giúp nhà thầu chuẩn bị hồ sơ dự thầu. Thông tin bao gồm các quy định về việc chuẩn bị, nộp hồ sơ dự thầu, mở thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu và trao hợp đồng. Chỉ được sử dụng mà không được sửa đổi các quy định tại Chương này.

#### Chương II. Bảng dữ liệu đấu thầu

Chương này quy định cụ thể các nội dung của Chương I khi áp dụng đối với từng gói thầu.

#### Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu

Chương này bao gồm các tiêu chí để đánh giá hồ sơ dự thầu và đánh giá về năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu để thực hiện gói thầu.

#### Chương IV. Biểu mẫu dự thầu

Chương này bao gồm các biểu mẫu mà nhà thầu sẽ phải hoàn chỉnh để thành một phần nội dung của hồ sơ dự thầu.

### Phần 2. YÊU CẦU VỀ PHẠM VI CUNG CẤP

#### Chương V. Phạm vi cung cấp

Chương này bao gồm phạm vi, tiến độ cung cấp hàng hóa, dịch vụ liên quan mà nhà thầu phải thực hiện; yêu cầu về kỹ thuật và bản vẽ để mô tả các đặc tính kỹ thuật của hàng hóa và dịch vụ liên quan; các nội dung về kiểm tra và thử nghiệm hàng hóa (nếu có).

### Phần 3. ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG VÀ BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG

#### Chương VI. Điều kiện chung của hợp đồng

Chương này gồm điều khoản chung được áp dụng cho tất cả các hợp đồng của các gói thầu khác nhau. Chỉ được sử dụng mà không được sửa đổi các quy định tại Chương này.

#### Chương VII. Điều kiện cụ thể của hợp đồng

Chương này bao gồm dữ liệu hợp đồng và Điều kiện cụ thể, trong đó có các điều khoản cụ thể đối với từng hợp đồng. Điều kiện cụ thể của hợp đồng nhằm chi tiết hóa, bổ sung nhưng không được thay thế Điều kiện chung của hợp đồng.

#### Chương VIII. Biểu mẫu hợp đồng

Chương này gồm các biểu mẫu mà sau khi được hoàn chỉnh sẽ trở thành một bộ phận cấu thành của hợp đồng. Các mẫu bảo lãnh thực hiện hợp đồng (Thư bảo lãnh) và Bảo lãnh tiền tạm ứng (nếu có yêu cầu về tạm ứng) do nhà thầu trúng thầu hoàn chỉnh trước khi hợp đồng có hiệu lực.



## TỪ NGỮ VIẾT TẮT

TBMT	Thông báo mời thầu
CDNT	Chỉ dẫn nhà thầu
BDL	Bảng dữ liệu đấu thầu
HSMT	Hồ sơ mời thầu
HSDT	Hồ sơ dự thầu
ĐKC	Điều kiện chung của hợp đồng
ĐKCT	Điều kiện cụ thể của hợp đồng
VND	đồng Việt Nam
JPY	đồng Yên Nhật Bản
EUR	đồng tiền chung Châu Âu
USD	đồng Đô la Mỹ
CFR, EXW.	Là các thuật ngữ về điều kiện giao hàng theo Incoterms 2025
GTGT	Giá trị gia tăng
Hệ thống	Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia tại địa chỉ <a href="https://muasamcong.mpi.gov.vn">https://muasamcong.mpi.gov.vn</a>
Luật Đấu thầu	Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/6/2023; Luật sửa đổi, bổ sung số 57/2024/QH15 ngày 29/11/2024 và số 90/2025/QH15 ngày 25/6/2025
Nghị định số 214/2025/NĐ-CP	Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu
Vietcombank	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam
ĐVTCĐT	Đơn vị tổ chức đấu thầu: Nhà máy In tiền Quốc gia – Đơn vị được Chủ đầu tư giao tổ chức lựa chọn nhà thầu các gói thầu liên quan đến thiết bị sản xuất của dự án NH.09B theo Quyết định số 1373/QĐ-NHNN ngày 01/8/2022 của Thống đốc NHNN.



**Phần 1. THỦ TỤC ĐẤU THẦU**  
**Chương I. CHỈ DẪN NHÀ THẦU**

<b>1. Phạm vi gói thầu</b>	<p>1.1. ĐVTCĐT quy định tại <b>BDL</b> phát hành bộ HSMT này để lựa chọn nhà thầu thực hiện gói thầu mua sắm hàng hóa theo phương thức một giai đoạn một túi hồ sơ.</p> <p>1.2. Tên gói thầu, dự án; số lượng, số hiệu các phần thuộc gói thầu (trường hợp gói thầu chia thành nhiều phần độc lập) được quy định tại <b>BDL</b>.</p>
<b>2. Nguồn vốn</b>	<p>Nguồn vốn (hoặc phương thức thu xếp vốn) để sử dụng cho gói thầu được quy định tại <b>BDL</b>.</p>
<b>3. Hành vi bị cấm</b>	<p>3.1. Đưa, nhận, môi giới hối lộ.</p> <p>3.2. Lợi dụng chức vụ quyền hạn để can thiệp bất hợp pháp vào hoạt động đấu thầu.</p> <p>3.3. Thông thầu, bao gồm các hành vi sau đây:</p> <p>a) Thỏa thuận về việc rút khỏi việc dự thầu hoặc rút đơn dự thầu được nộp trước đó để một hoặc các bên tham gia thỏa thuận thắng thầu;</p> <p>b) Thỏa thuận để một hoặc nhiều bên chuẩn bị HSDT cho các bên tham dự thầu để một bên thắng thầu;</p> <p>c) Thỏa thuận về việc từ chối cung cấp hàng hóa, không ký hợp đồng thầu phụ hoặc các hình thức gây khó khăn khác cho các bên không tham gia thỏa thuận.</p> <p>3.4. Gian lận, bao gồm các hành vi sau đây:</p> <p>a) Trình bày sai một cách cố ý hoặc làm sai lệch thông tin, hồ sơ, tài liệu của một bên trong đấu thầu nhằm thu được lợi ích tài chính hoặc lợi ích khác hoặc nhằm trốn tránh bất kỳ một nghĩa vụ nào;</p> <p>b) Cá nhân trực tiếp đánh giá HSDT, thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu cố ý báo cáo sai hoặc cung cấp thông tin không trung thực làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu;</p> <p>c) Nhà thầu cố ý cung cấp các thông tin không trung thực trong HSDT dẫn đến làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu.</p> <p>3.5. Cản trở, bao gồm các hành vi sau đây:</p> <p>a) Hủy hoại, lừa dối, thay đổi, che giấu chứng cứ hoặc báo cáo sai sự thật; đe dọa, quấy rối hoặc gợi ý đối với bất kỳ bên nào nhằm ngăn chặn việc làm rõ hành vi đưa, nhận, môi giới hối lộ, gian lận hoặc thông đồng đối với cơ quan có chức năng, thẩm quyền về giám sát, kiểm tra, thanh</p>

tra, kiểm toán;

b) Các hành vi cản trở đối với nhà thầu, cơ quan có thẩm quyền về giám sát, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán.

3.6. Không bảo đảm công bằng, minh bạch, bao gồm các hành vi sau đây:

a) Tham dự thầu với tư cách là nhà thầu đối với gói thầu do mình làm ĐVTCĐT, Chủ đầu tư hoặc thực hiện các nhiệm vụ của ĐVTCĐT, Chủ đầu tư;

b) Là cá nhân thuộc ĐVTCĐT, Chủ đầu tư nhưng trực tiếp tham gia quá trình lựa chọn nhà thầu hoặc tham gia tổ chuyên gia, tổ thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu hoặc là người đứng đầu Chủ đầu tư, ĐVTCĐT đối với các gói thầu do cha mẹ đẻ, cha mẹ vợ hoặc cha mẹ chồng, vợ hoặc chồng, con đẻ, con nuôi, con dâu, con rể, anh chị em ruột đứng tên dự thầu hoặc là người đại diện theo pháp luật của nhà thầu tham dự thầu;

c) Nhà thầu tham dự thầu gói thầu mua sắm hàng hóa do mình cung cấp dịch vụ tư vấn trước đó;

d) Đứng tên tham dự thầu gói thầu thuộc dự án do Chủ đầu tư, ĐVTCĐT là cơ quan, tổ chức nơi mình đã công tác trong thời hạn 12 tháng, kể từ khi thôi việc tại cơ quan, tổ chức đó;

đ) Nêu yêu cầu cụ thể về nhãn hiệu, xuất xứ hàng hóa trong HSMT;

3.7. Tiết lộ, tiếp nhận những tài liệu, thông tin sau đây về quá trình lựa chọn nhà thầu, trừ trường hợp cung cấp thông tin theo quy định tại điểm b khoản 8 Điều 77, khoản 11 Điều 78, điểm h khoản 1 Điều 79, khoản 4 Điều 80, khoản 4 Điều 81, khoản 2 Điều 82, điểm b khoản 4 Điều 93 của Luật Đấu thầu:

a) Nội dung HSMT trước thời điểm phát hành theo quy định;

b) Nội dung HSDT, sổ tay ghi chép, biên bản cuộc họp xét thầu, các ý kiến nhận xét, đánh giá đối với từng HSDT trước khi công khai kết quả lựa chọn nhà thầu;

c) Nội dung yêu cầu làm rõ HSDT của ĐVTCĐT và trả lời của nhà thầu trong quá trình đánh giá HSDT trước khi công khai kết quả lựa chọn nhà thầu;

d) Báo cáo của ĐVTCĐT, báo cáo của tổ chuyên gia, báo cáo thẩm định, báo cáo của nhà thầu tư vấn, báo cáo của cơ quan chuyên môn có liên quan trong quá trình lựa chọn nhà thầu trước khi công khai kết quả lựa chọn nhà thầu;

đ) Kết quả lựa chọn nhà thầu trước khi được công khai theo quy định;

.9250

À M  
TIẾ  
ỐC C

PHỒ

	<p>e) Các tài liệu khác trong quá trình lựa chọn nhà thầu được đóng dấu mật theo quy định của pháp luật.</p> <p>3.8. Chuyển nhượng thầu trong trường hợp sau đây:</p> <p>a) Nhà thầu chuyển nhượng cho nhà thầu khác phần công việc thuộc gói thầu ngoài giá trị tối đa dành cho nhà thầu phụ và khối lượng công việc dành cho nhà thầu phụ đặc biệt đã nêu trong hợp đồng;</p> <p>b) Nhà thầu chuyển nhượng cho nhà thầu khác phần công việc thuộc gói thầu chưa vượt mức tối đa giá trị công việc dành cho nhà thầu phụ nêu trong hợp đồng nhưng ngoài phạm vi công việc dành cho nhà thầu phụ đã đề xuất trong HSDT mà không được chủ đầu tư, tư vấn giám sát chấp thuận;</p> <p>c) Chủ đầu tư, tư vấn giám sát chấp thuận để nhà thầu chuyển nhượng công việc quy định tại điểm a khoản này;</p> <p>d) Chủ đầu tư, tư vấn giám sát chấp thuận để nhà thầu chuyển nhượng công việc quy định tại điểm b khoản này mà vượt mức tối đa giá trị công việc dành cho nhà thầu phụ nêu trong hợp đồng.</p>
<p><b>4. Tư cách hợp lệ của nhà thầu</b></p>	<p>4.1. Có Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh (đối với hộ kinh doanh cá thể) hoặc các tài liệu tương đương khác.</p> <p>4.2. Hạch toán tài chính độc lập.</p> <p>4.3. Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định pháp luật của nước mà nhà thầu được cấp Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác.</p> <p>4.4. Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu theo quy định tại <b>BDL</b>.</p> <p>4.5. Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu ở bất kỳ quốc gia, vùng lãnh thổ nào.</p> <p>4.6. Đăng ký trên Hệ thống mạng cho đến trước thời điểm xét duyệt trúng thầu. Việc đăng ký được thực hiện theo hướng dẫn trên Hệ thống mạng.</p> <p>4.7. Không bị kết luận vi phạm nghiêm trọng hoặc thường xuyên các nghĩa vụ quan trọng trong một hoặc nhiều hợp đồng trong vòng 05 năm gần đây.</p> <p>4.8. Không chịu phán quyết cuối cùng của tòa án về việc phạm tội</p>

	<p>nghiêm trọng hoặc các hành vi vi phạm nghiêm trọng khác trong vòng 03 năm trước thời điểm đóng thầu.</p> <p>4.9. Không có bằng chứng về việc nhà thầu có hành vi vi phạm nghiêm trọng đạo đức nghề nghiệp trong vòng 03 năm trước thời điểm đóng thầu.</p>
<p><b>5. Nội dung của HSMT</b></p>	<p>5.1. HSMT bao gồm các Phần 1, 2, 3 và các tài liệu làm rõ, sửa đổi HSMT theo quy định tại Mục 6 và Mục 7 CDNT (nếu có), trong đó:</p> <p><b>Phần 1. Thủ tục đấu thầu:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chương I. Chỉ dẫn nhà thầu</li> <li>- Chương II. Bảng dữ liệu đấu thầu</li> <li>- Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá HSMT</li> <li>- Chương IV. Biểu mẫu dự thầu</li> </ul> <p><b>Phần 2. Yêu cầu về phạm vi cung cấp:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chương V. Phạm vi cung cấp</li> </ul> <p><b>Phần 3. Điều kiện hợp đồng và Biểu mẫu hợp đồng:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chương VI. Điều kiện chung của hợp đồng</li> <li>- Chương VII. Điều kiện cụ thể của hợp đồng</li> <li>- Chương VIII. Biểu mẫu hợp đồng</li> </ul> <p>5.2. Chủ đầu tư sẽ không chịu trách nhiệm về tính chính xác, hoàn chỉnh của HSMT, tài liệu giải thích làm rõ HSMT hay các tài liệu sửa đổi HSMT theo quy định tại Mục 7 CDNT nếu các tài liệu này không được cung cấp bởi Chủ đầu tư. HSMT do Chủ đầu tư phát hành sẽ là cơ sở để xem xét, đánh giá.</p> <p>5.3. Nhà thầu phải nghiên cứu mọi thông tin của HSMT, bao gồm các nội dung sửa đổi, làm rõ HSMT, biên bản hội nghị tiền đấu thầu (nếu có) để chuẩn bị HSMT theo yêu cầu của HSMT cho phù hợp.</p>
<p><b>6. Làm rõ HSMT</b></p>	<p>6.1. Trường hợp cần làm rõ HSMT, nhà thầu phải gửi đề nghị làm rõ đến ĐVTCĐT bằng văn bản trong khoảng thời gian tối thiểu 05 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu để ĐVTCĐT xem xét, xử lý. ĐVTCĐT tiếp nhận nội dung làm rõ để xem xét, làm rõ theo đề nghị của nhà thầu và gửi văn bản làm rõ HSMT cho tất cả các nhà thầu đã nhận HSMT từ ĐVTCĐT trong khoảng thời gian tối thiểu 02 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu, trong đó mô tả nội dung yêu cầu làm rõ nhưng không nêu tên nhà thầu đề nghị làm rõ. Trường hợp việc làm rõ dẫn đến phải sửa đổi HSMT thì ĐVTCĐT phải tiến hành sửa đổi HSMT theo quy định tại Mục 7 CDNT.</p>

	<p>6.2. Trường hợp cần thiết, ĐVTCĐT tổ chức hội nghị tiền đấu thầu để trao đổi về những nội dung trong HSMT mà các nhà thầu chưa rõ theo quy định tại <b>BDL</b>. ĐVTCĐT đăng tải giấy mời tham dự hội nghị tiền đấu thầu trên Hệ thống mạng. Nội dung trao đổi giữa ĐVTCĐT và nhà thầu phải được ĐVTCĐT ghi lại thành biên bản và lập thành văn bản làm rõ HSMT đăng tải trên Hệ thống mạng trong thời gian tối đa 02 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc hội nghị tiền đấu thầu.</p> <p>6.3. Trường hợp HSMT cần phải được sửa đổi sau khi tổ chức hội nghị tiền đấu thầu, ĐVTCĐT sẽ đăng tải văn bản sửa đổi HSMT theo quy định tại Mục 7 CDNT. Biên bản hội nghị tiền đấu thầu không phải là văn bản sửa đổi HSMT.</p> <p>6.4. Việc nhà thầu không tham dự hội nghị tiền đấu thầu hoặc không có giấy xác nhận đã tham dự hội nghị tiền đấu thầu không phải là lý do để loại bỏ HSDT của nhà thầu.</p>
<p><b>7. Sửa đổi HSMT</b></p>	<p>7.1. Việc sửa đổi HSMT được thực hiện trước thời điểm đóng thầu.</p> <p>7.2. Nội dung sửa đổi HSMT được coi là một phần của HSMT và phải được đăng tải trên Hệ thống mạng theo một trong hai cách sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Quyết định sửa đổi HSMT kèm theo những nội dung sửa đổi HSMT;</li> <li>- Quyết định sửa đổi HSMT kèm theo HSMT đã được sửa đổi. Trong HSMT đã được sửa đổi phải thể hiện rõ các nội dung sửa đổi.</li> </ul> <p>7.3. Thời gian đăng tải Quyết định sửa đổi HSMT và gửi các nội dung sửa đổi cho các nhà thầu đã nhận HSMT từ ĐVTCĐT theo quy định tại <b>BDL</b>. Trường hợp không bảo đảm đủ thời gian quy định tại Mục này, ĐVTCĐT phải thực hiện gia hạn thời điểm đóng thầu tương ứng cho phù hợp.</p> <p>7.4. Nhà thầu chịu trách nhiệm theo dõi thông tin trên Hệ thống mạng, văn bản do ĐVTCĐT gửi để cập nhật thông tin về việc sửa đổi HSMT, thay đổi thời điểm đóng thầu (nếu có) để làm cơ sở chuẩn bị HSDT.</p> <p>7.5. Trường hợp xét thấy nhà thầu cần thêm thời gian để chuẩn bị HSDT cho phù hợp với HSMT sửa đổi, ĐVTCĐT có thể gia hạn thời điểm đóng thầu theo quy định tại Mục 21.2 CDNT.</p>
<p><b>8. Chi phí dự thầu</b></p>	<p>Nhà thầu phải chịu các chi phí liên quan đến quá trình tham dự thầu. Trong mọi trường hợp, ĐVTCĐT không chịu trách nhiệm về các chi phí liên quan đến việc tham dự thầu của nhà thầu.</p>
<p><b>9. Ngôn ngữ của</b></p>	<p>HSDT cũng như tất cả văn bản và tài liệu liên quan đến HSDT được viết bằng ngôn ngữ quy định tại <b>BDL</b>. Các tài liệu bổ trợ trong HSDT</p>

<b>HSDT</b>	(catalô...) có thể được viết bằng ngôn ngữ khác, đồng thời kèm theo bản dịch sang ngôn ngữ quy định tại <b>BDL</b> . Trường hợp thiếu bản dịch, ĐVTCĐT có thể yêu cầu nhà thầu gửi bổ sung (nếu cần thiết). Nhà thầu chịu trách nhiệm đối với các sai khác giữa bản gốc và bản dịch của tài liệu (nếu có).
<b>10. Thành phần của HSDT</b>	<p>HSDT phải bao gồm các thành phần sau:</p> <p>10.1. Đơn dự thầu theo quy định tại Mục 11 CDNT;</p> <p>10.2. Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của người ký đơn dự thầu theo quy định tại Mục 19.3 CDNT;</p> <p>10.3. Thỏa thuận liên danh theo Mẫu số 03 Chương IV - Biểu mẫu dự thầu (đối với nhà thầu liên danh);</p> <p>10.4. Bảo đảm dự thầu theo quy định tại Mục 18 CDNT;</p> <p>10.5. Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của nhà thầu theo quy định tại Mục 4 CDNT;</p> <p>10.6. Tài liệu chứng minh năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu theo quy định tại Mục 16 CDNT;</p> <p>10.7. Đề xuất về kỹ thuật và các tài liệu chứng minh sự phù hợp của hàng hóa và dịch vụ liên quan theo quy định tại Mục 15 CDNT;</p> <p>10.8. Đề xuất về tài chính và các bảng biểu được ghi đầy đủ thông tin theo quy định tại Mục 11 và Mục 13 CDNT;</p> <p>10.9. Đề xuất phương án kỹ thuật thay thế trong HSDT theo quy định tại Mục 12 CDNT (nếu có);</p> <p>10.10. Các nội dung khác theo quy định tại <b>BDL</b>.</p>
<b>11. Đơn dự thầu và các bảng biểu</b>	Nhà thầu phải lập đơn dự thầu và các bảng biểu tương ứng theo mẫu quy định tại Chương IV - Biểu mẫu dự thầu. Các biểu mẫu phải được điền đầy đủ thông tin.
<b>12. Đề xuất phương án kỹ thuật thay thế trong HSDT</b>	<p>12.1. Trường hợp HSMT có quy định tại <b>BDL</b> về việc nhà thầu có thể đề xuất phương án kỹ thuật thay thế thì phương án kỹ thuật thay thế đó mới được xem xét.</p> <p>12.2. Phương án kỹ thuật thay thế chỉ được xem xét khi phương án chính được đánh giá là đáp ứng yêu cầu và nhà thầu được xếp hạng thứ nhất. Trong trường hợp này, nhà thầu phải cung cấp tất cả các thông tin cần thiết để ĐVTCĐT có thể đánh giá phương án kỹ thuật thay thế, bao gồm: thuyết minh, bản vẽ, thông số kỹ thuật, tiến độ cung cấp, chi phí và các thông tin liên quan khác.</p>

**13. Giá dự thầu và giảm giá**

13.1. Giá dự thầu ghi trong đơn và trong các bảng giá cùng với các khoản giảm giá phải đáp ứng các quy định trong Mục này:

a) Tất cả các phần (đối với gói thầu chia thành nhiều phần) và các hạng mục phải được chào giá riêng trong các bảng giá dự thầu;

b) Giá dự thầu là giá do nhà thầu ghi trong đơn dự thầu, bao gồm toàn bộ các chi phí để thực hiện gói thầu (chưa tính giảm giá) theo quy định tại Phần 2 - Yêu cầu về phạm vi cung cấp;

c) Nhà thầu phải nộp HSDT cho toàn bộ công việc được mô tả trong Phần 2 - Yêu cầu về phạm vi cung cấp và ghi đơn giá dự thầu, thành tiền cho tất cả các công việc nêu trong các cột “Danh mục hàng hóa”, “Mô tả dịch vụ” theo các Mẫu số 05(a1), 05(b1) Chương IV - Biểu mẫu dự thầu. Giá dự thầu của nhà thầu phải bao gồm toàn bộ các khoản thuế, phí, lệ phí (nếu có) áp theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu và trên cơ sở điều kiện giao hàng nêu tại Mục 13.6 CDNT.

13.2. Trường hợp nhà thầu có đề xuất giảm giá thì phải đề xuất riêng trong thư giảm giá hoặc giảm giá trực tiếp trong đơn dự thầu. Thư giảm giá có thể nộp cùng với HSDT hoặc nộp riêng song phải đảm bảo ĐVTCĐT nhận được trước thời điểm đóng thầu. Trường hợp thư giảm giá nộp cùng với HSDT thì bảng kê thành phần HSDT của nhà thầu phải có thư giảm giá. Trường hợp thư giảm giá nộp riêng thì phải đựng thư giảm giá trong túi có niêm phong, ghi rõ “Thư giảm giá” (cách niêm phong do nhà thầu tự quy định) tuân thủ theo quy định tại Mục 20.2 và Mục 20.3 CDNT. Thư giảm giá sẽ được ĐVTCĐT bảo quản như một phần của HSDT và được mở đồng thời cùng HSDT của nhà thầu. Trường hợp giảm giá, nhà thầu phải nêu rõ nội dung và cách thức giảm giá vào các hạng mục cụ thể nêu trong cột “Danh mục hàng hóa”, “Mô tả dịch vụ”. Trường hợp không nêu rõ cách thức giảm giá thì được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho tất cả hạng mục nêu trong cột “Danh mục hàng hóa”, “Mô tả dịch vụ”.

13.3. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về giá dự thầu để thực hiện, hoàn thành các công việc theo đúng yêu cầu nêu trong HSMT. Trường hợp HSDT có đơn giá thấp khác thường, ảnh hưởng đến chất lượng gói thầu thì ĐVTCĐT yêu cầu nhà thầu giải thích, làm rõ bằng văn bản về tính khả thi của đơn giá thấp khác thường đó. Nếu sự giải thích của nhà thầu không đủ rõ, không có tính thuyết phục thì ĐVTCĐT không chấp nhận đơn giá chào thầu đó, đồng thời coi đây là sai lệch và thực hiện hiệu chỉnh sai lệch theo quy định như đối với nội dung chào thiếu của HSDT

4925

HÀ M  
N TIẾ  
UỐC

PHỔ

so với yêu cầu của HSMT theo quy định tại Mục 31.2 CDNT. Việc hiệu chỉnh sai lệch chỉ nhằm mục đích so sánh các HSDT.

13.4. Trường hợp gói thầu được chia thành nhiều phần độc lập và cho phép dự thầu theo từng phần như quy định tại **BDL** thì nhà thầu có thể dự thầu một hoặc nhiều phần của gói thầu. Nhà thầu phải dự thầu đầy đủ các hạng mục trong phần mà mình tham dự. Trường hợp nhà thầu có đề xuất giảm giá, phải nêu rõ cách thức và giá trị giảm giá cụ thể cho từng phần theo Mục 13.2 CDNT.

13.5. Các điều kiện giao hàng EXW, CIP và các điều kiện khác được thực hiện theo ấn bản Incoterms của Phòng Thương mại Quốc tế theo quy định tại **BDL**.

13.6. Giá dự thầu được chào theo quy định tại các Mẫu số 05, 05(a1), 05(b1) Chương IV - Biểu mẫu dự thầu.

Nhà thầu phải chào giá dự thầu theo hướng dẫn sau đây:

a) Đối với hàng hóa được sản xuất, gia công tại Việt Nam, giá dự thầu bao gồm:

(i) Giá EXW (giá xuất xưởng, giá giao tại nhà máy, giá xuất kho, giá tại phòng trưng bày, giá cho hàng hóa có sẵn tại cửa hàng, tùy theo trường hợp cụ thể) bao gồm thuế, phí, lệ phí liên quan đến nhập khẩu đối với nguyên liệu, bộ phận, linh kiện để sản xuất hoặc lắp ráp hàng hóa;

(ii) Thuế VAT, thuế tiêu thụ đặc biệt và các loại thuế, phí, lệ phí khác (nếu có) phải nộp trong trường hợp nhà thầu được trao hợp đồng;

(iii) Chi phí vận chuyển, bảo hiểm và các dịch vụ cần thiết khác (đã bao gồm thuế VAT) ở Việt Nam để vận chuyển hàng hóa đến địa điểm dự án theo quy định tại **BDL**;

b) Đối với hàng hóa được sản xuất, gia công ngoài nước và sẽ được nhập khẩu vào Việt Nam, giá dự thầu bao gồm:

(i) Đối với nhà thầu trong nước: nhà thầu chào giá dự thầu tương tự theo hướng dẫn tại Mục 13.6.(a).

(ii) Đối với nhà thầu nước ngoài: nhà thầu chào giá dự thầu theo quy định tại **BDL**.

c) Nhà thầu phải chào giá cho các dịch vụ liên quan (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí, nếu có) theo quy định tại Mẫu số 05(b1) Chương IV - Biểu mẫu dự thầu trong trường hợp ĐVTCĐT yêu cầu dịch vụ liên quan quy định tại Phần 2 - Yêu cầu về phạm vi cung cấp. Dịch vụ liên quan không bao gồm dịch vụ vận chuyển và các dịch vụ khác ở Việt Nam để vận chuyển hàng hóa đến địa điểm dự án.

0-C  
ÁY  
IN  
GIA  
HA

<p><b>14. Đồng tiền dự thầu và đồng tiền thanh toán</b></p>	<p>14.1. Đồng tiền dự thầu và đồng tiền thanh toán phải giống nhau và theo quy định tại <b>BDL</b>. Một hạng mục công việc cụ thể thì được chào bằng một loại đồng tiền.</p> <p>14.2. Các chi phí trong nước phải được thanh toán bằng VND, các chi phí bên ngoài lãnh thổ Việt Nam được thanh toán bằng đồng tiền theo quy định tại Mục 14.1 CDNT.</p>
<p><b>15. Tài liệu chứng minh sự phù hợp của hàng hóa, dịch vụ liên quan</b></p>	<p>15.1. Để chứng minh sự phù hợp của hàng hóa và dịch vụ liên quan so với yêu cầu của HSMT, nhà thầu phải cung cấp các tài liệu để chứng minh hàng hóa mà nhà thầu cung cấp đáp ứng các yêu cầu về kỹ thuật quy định tại Chương V - Phạm vi cung cấp. Các tài liệu này là một phần của HSDT.</p> <p>15.2. Thuật ngữ “hàng hóa” được hiểu bao gồm máy móc, thiết bị, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư, phụ tùng.</p> <p>15.3. Thuật ngữ “xuất xứ” được hiểu là quốc gia hoặc vùng lãnh thổ nơi hàng hóa được khai thác, chăn nuôi, trồng trọt, sản xuất, chế tạo hoặc chế biến tại quốc gia hoặc vùng lãnh thổ đó, thông qua quá trình chế tạo, chế biến hoặc lắp ráp để tạo thành một sản phẩm được công nhận về mặt thương mại và có sự khác biệt đáng kể về các đặc điểm căn bản so với các yếu tố cấu thành ban đầu.</p> <p>15.4. Thuật ngữ “dịch vụ liên quan” bao gồm các dịch vụ như lắp đặt, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa ban đầu hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng khác như đào tạo, chuyển giao công nghệ.</p> <p>15.5. Hàng hóa phải có xuất xứ theo quy định tại <b>BDL</b>.</p> <p>15.6. Nhà thầu phải kê khai xuất xứ của hàng hóa trong các Mẫu số 05(a1) Chương IV - Biểu mẫu dự thầu. Trường hợp nhà thầu chào nhiều xuất xứ cho một đơn vị tính của hàng hóa (một cái, một chiếc...) nhưng cùng một hãng sản xuất và có cùng đơn giá thì ĐVTCĐT yêu cầu nhà thầu làm rõ để xác định cụ thể xuất xứ của hàng hóa này.</p> <p>15.7. Tài liệu chứng minh sự phù hợp của hàng hóa và dịch vụ liên quan có thể là hồ sơ, giấy tờ, bản vẽ, số liệu được mô tả chi tiết theo từng khoản mục về đặc tính kỹ thuật, tính năng sử dụng cơ bản của hàng hóa và dịch vụ liên quan, qua đó chứng minh sự đáp ứng cơ bản của hàng hóa, dịch vụ so với các yêu cầu của HSMT và một bảng kê những điểm sai khác và ngoại lệ (nếu có) so với quy định tại Chương V - Phạm vi cung cấp.</p> <p>15.8. Nhà thầu phải cung cấp đầy đủ danh mục, giá cả, nhà cung cấp vật tư, phụ tùng thay thế, dụng cụ chuyên dùng, vật tư tiêu hao... (sau đây</p>



	<p>gọi là vật tư, phụ tùng thay thế) cần thiết để bảo đảm sự vận hành đúng quy cách và liên tục của hàng hóa trong thời hạn quy định tại <b>BDL</b>.</p> <p>15.9. Tiêu chuẩn về chế tạo, quy trình sản xuất các vật tư và thiết bị cũng như các tham chiếu đến nhãn hiệu hàng hóa hoặc số catalô do ĐVTCĐT quy định tại Chương V - Phạm vi cung cấp chỉ nhằm mục đích mô tả và không nhằm mục đích hạn chế nhà thầu. Nhà thầu có thể đưa ra các tiêu chuẩn chất lượng, nhãn hiệu hàng hóa, catalô khác miễn là nhà thầu chứng minh cho ĐVTCĐT thấy rằng những thay thế đó vẫn bảo đảm sự tương đương cơ bản hoặc cao hơn so với quy định tại Chương V - Phạm vi cung cấp.</p>
<p><b>16. Tài liệu chứng minh năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu</b></p>	<p>16.1. Nhà thầu phải ghi các thông tin cần thiết vào các Mẫu trong Chương IV - Biểu mẫu dự thầu để cung cấp thông tin về năng lực và kinh nghiệm theo quy định tại Chương III - Tiêu chuẩn đánh giá HSDT. Nhà thầu phải chuẩn bị sẵn sàng các tài liệu gốc để phục vụ việc xác minh khi có yêu cầu của ĐVTCĐT.</p> <p>16.2. Yêu cầu về tài liệu để chứng minh năng lực thực hiện hợp đồng của nhà thầu nếu được trúng thầu thực hiện theo quy định tại <b>BDL</b>.</p> <p>16.3. Trường hợp gói thầu đã áp dụng sơ tuyển, nếu có sự thay đổi về năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu khi nộp HSDT và khi tham dự sơ tuyển thì phải cập nhật lại năng lực và kinh nghiệm của mình. Trường hợp không có sự thay đổi, nhà thầu phải có cam kết bằng văn bản cho việc vẫn đáp ứng yêu cầu thực hiện gói thầu. Trường hợp năng lực của nhà thầu tại thời điểm đóng thầu không đáp ứng yêu cầu thực hiện gói thầu theo tiêu chuẩn đánh giá nêu trong hồ sơ mời sơ tuyển thì hồ sơ dự thầu của nhà thầu sẽ bị loại.</p>
<p><b>17. Thời hạn có hiệu lực của HSDT</b></p>	<p>17.1. HSDT phải có hiệu lực không ngắn hơn thời hạn quy định tại <b>BDL</b>. HSDT nào có thời hạn hiệu lực ngắn hơn quy định sẽ không được tiếp tục xem xét, đánh giá.</p> <p>17.2. Trường hợp cần thiết, trước khi hết thời hạn hiệu lực của HSDT, ĐVTCĐT có thể đề nghị các nhà thầu gia hạn hiệu lực của HSDT, đồng thời yêu cầu nhà thầu gia hạn tương ứng thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu (bằng thời gian có hiệu lực của HSDT sau khi gia hạn cộng thêm 30 ngày). Nếu nhà thầu không chấp nhận việc gia hạn hiệu lực của HSDT thì HSDT của nhà thầu không được xem xét tiếp và nhà thầu được hoàn trả bảo đảm dự thầu. Nhà thầu chấp nhận đề nghị gia hạn không được phép thay đổi bất kỳ nội dung nào của HSDT. Việc đề nghị gia hạn và chấp thuận hoặc không chấp thuận gia hạn phải được thực</p>

<p><b>18. Bảo đảm dự thầu</b></p>	<p>hiện bằng văn bản.</p> <p>18.1. Khi tham dự thầu, nhà thầu phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu trước thời điểm đóng thầu theo hình thức thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng trong nước, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam theo quy định tại Mục 18.2 CDNT. Thư bảo lãnh phải thực hiện theo Mẫu số 04(a) hoặc Mẫu số 04(b) Chương IV - Biểu mẫu dự thầu hoặc theo một hình thức khác tương tự nhưng phải bao gồm đầy đủ các nội dung cơ bản của bảo lãnh dự thầu. Trường hợp HSDT được gia hạn hiệu lực theo quy định tại Mục 17.2 CDNT thì hiệu lực của bảo đảm dự thầu cũng phải được gia hạn tương ứng.</p> <p>Trường hợp liên danh thì phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu theo một trong hai cách sau:</p> <p>a) Từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện riêng rẽ bảo đảm dự thầu nhưng bảo đảm tổng giá trị không thấp hơn mức quy định tại Mục 18.2 CDNT; nếu bảo đảm dự thầu của một thành viên trong liên danh được xác định là không hợp lệ thì HSDT của liên danh đó sẽ không được xem xét, đánh giá tiếp. Nếu bất kỳ thành viên nào trong liên danh vi phạm quy định của pháp luật dẫn đến không được hoàn trả bảo đảm dự thầu theo quy định tại Mục 18.5 CDNT thì bảo đảm dự thầu của tất cả thành viên trong liên danh sẽ không được hoàn trả;</p> <p>b) Các thành viên trong liên danh thỏa thuận để một thành viên chịu trách nhiệm thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu cho thành viên liên danh đó và cho thành viên khác trong liên danh. Trong trường hợp này, bảo đảm dự thầu có thể bao gồm tên của liên danh hoặc tên của thành viên chịu trách nhiệm thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu cho các thành viên trong liên danh nhưng bảo đảm tổng giá trị không thấp hơn mức quy định tại Mục 18.2 CDNT. Nếu bất kỳ thành viên nào trong liên danh vi phạm quy định của pháp luật dẫn đến không được hoàn trả bảo đảm dự thầu theo quy định tại Mục 18.5 CDNT thì bảo đảm dự thầu của tất cả thành viên trong liên danh sẽ không được hoàn trả.</p> <p>18.2. Giá trị, đồng tiền và thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu theo quy định tại <b>BDL</b>.</p> <p>18.3. Bảo đảm dự thầu được coi là không hợp lệ khi thuộc một trong các trường hợp sau đây: có giá trị thấp hơn, thời gian có hiệu lực ngắn hơn so với quy định tại Mục 18.2 CDNT, không đúng tên đơn vị thụ hưởng, không phải là bản gốc, không có chữ ký hợp lệ, ký trước khi ĐVTCĐT phát hành HSMT, ký trước thời điểm ký thỏa thuận liên danh đối với</p>
-----------------------------------	--

01001  
NH  
IP  
QL  
THÀNH



	<p>Trường hợp nhà thầu vi phạm dẫn đến không được hoàn trả bảo đảm dự thầu theo quy định tại Mục 18.5 CDNT thì việc không hoàn trả bảo đảm dự thầu được tính trên phần mà nhà thầu vi phạm.</p>
<p><b>19. Quy cách HSDT và chữ ký trong HSDT</b></p>	<p>19.1. Nhà thầu phải chuẩn bị HSDT bao gồm: 01 bản gốc HSDT theo quy định tại Mục 10 CDNT và một số bản chụp HSDT theo số lượng quy định tại <b>BDL</b>. Trên trang bìa của các hồ sơ phải ghi rõ “<b>BẢN GỐC HỒ SƠ DỰ THẦU</b>”, “<b>BẢN CHỤP HỒ SƠ DỰ THẦU</b>”.</p> <p>Trường hợp có sửa đổi, thay thế HSDT thì nhà thầu phải chuẩn bị 01 bản gốc và một số bản chụp hồ sơ theo số lượng quy định tại <b>BDL</b>. Trên trang bìa của các hồ sơ phải ghi rõ “<b>BẢN GỐC HỒ SƠ DỰ THẦU SỬA ĐỔI</b>”, “<b>BẢN CHỤP HỒ SƠ DỰ THẦU SỬA ĐỔI</b>”, “<b>BẢN GỐC HỒ SƠ DỰ THẦU THAY THẾ</b>”, “<b>BẢN CHỤP HỒ SƠ DỰ THẦU THAY THẾ</b>”.</p> <p>Trường hợp có đề xuất phương án kỹ thuật thay thế trong HSDT theo quy định tại Mục 12 CDNT thì nhà thầu phải chuẩn bị 01 bản gốc và một số bản chụp hồ sơ theo số lượng quy định tại <b>BDL</b>. Trên trang bìa của các hồ sơ phải ghi rõ “<b>BẢN GỐC ĐỀ XUẤT PHƯƠNG ÁN KỸ THUẬT THAY THẾ</b>”, “<b>BẢN CHỤP ĐỀ XUẤT PHƯƠNG ÁN KỸ THUẬT THAY THẾ</b>”.</p> <p>Trường hợp HSDT của nhà thầu bao gồm cả tài liệu, thông tin có tính chất bí mật đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh của nhà thầu (như thông tin độc quyền, bí mật kinh doanh, thông tin nhạy cảm) thì nhà thầu phải đóng dấu “<b>BẢO MẬT</b>” đối với các tài liệu, thông tin này.</p> <p>19.2. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về tính thống nhất giữa bản gốc và bản chụp. Trường hợp có sự sai khác giữa bản gốc và bản chụp nhưng không làm thay đổi thứ tự xếp hạng nhà thầu thì căn cứ vào bản gốc để đánh giá. Trường hợp có sự sai khác giữa bản gốc và bản chụp dẫn đến kết quả đánh giá trên bản gốc khác kết quả đánh giá trên bản chụp, làm thay đổi thứ tự xếp hạng nhà thầu thì HSDT của nhà thầu bị loại.</p> <p>19.3. Bản gốc của HSDT phải được đánh máy hoặc viết bằng mực không phai, đánh số trang theo thứ tự liên tục. Đơn dự thầu, thư giảm giá (nếu có), các văn bản bổ sung, làm rõ HSDT, bảng giá và các biểu mẫu khác tại Chương IV - Biểu mẫu dự thầu phải được đại diện hợp pháp của nhà thầu (người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền) ký tên và đóng dấu (nếu có), trường hợp ủy quyền phải có giấy ủy quyền theo Mẫu số 02 Chương IV - Biểu mẫu dự thầu hoặc bản chụp Điều lệ công ty, Quyết định thành lập chi nhánh được chứng thực hoặc các tài liệu khác chứng minh thẩm quyền</p>

50-C  
MÁY  
ÈN  
GIA  
HÀ

	<p>của người được ủy quyền và được nộp cùng với HSDT.</p> <p>19.4. Đối với nhà thầu liên danh, HSDT phải có chữ ký của đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh hoặc thành viên đại diện nhà thầu liên danh theo thỏa thuận liên danh. Để bảo đảm tất cả các thành viên liên danh đều bị ràng buộc về pháp lý, văn bản thỏa thuận liên danh phải có chữ ký của các đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh.</p> <p>19.5. Những chữ được ghi thêm, ghi chèn vào giữa các dòng, những chữ bị tẩy xóa hoặc viết đè lên sẽ chỉ được coi là hợp lệ nếu có chữ ký ở bên cạnh hoặc tại trang đó của người ký đơn dự thầu.</p>
<p><b>20. Niêm phong và ghi bên ngoài HSDT</b></p>	<p>20.1. Túi đựng HSDT bao gồm bản gốc và các bản chụp HSDT, bên ngoài phải ghi rõ “HỒ SƠ DỰ THẦU”.</p> <p>Trường hợp nhà thầu sửa đổi, thay thế HSDT thì hồ sơ sửa đổi, thay thế (bao gồm bản gốc và các bản chụp) phải được đựng trong các túi riêng biệt với túi đựng HSDT, bên ngoài phải ghi rõ “HỒ SƠ DỰ THẦU SỬA ĐỔI”, “HỒ SƠ DỰ THẦU THAY THẾ”.</p> <p>Trường hợp nhà thầu có đề xuất phương án kỹ thuật thay thế thì toàn bộ phương án kỹ thuật thay thế, bao gồm cả đề xuất về kỹ thuật và đề xuất về tài chính phải được đựng trong các túi riêng biệt với túi đựng HSDT, bên ngoài phải ghi rõ “ĐỀ XUẤT PHƯƠNG ÁN KỸ THUẬT THAY THẾ”.</p> <p>Các túi đựng: HSDT; HSDT sửa đổi (nếu có); HSDT thay thế (nếu có); đề xuất phương án kỹ thuật thay thế (nếu có) phải được niêm phong. Cách niêm phong theo quy định riêng của nhà thầu.</p> <p>20.2. Trên các túi đựng hồ sơ phải:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Ghi tên và địa chỉ của nhà thầu;</li> <li>Ghi tên và địa chỉ của người nhận là ĐVTCĐT theo quy định tại Mục 21.1 CDNT;</li> <li>Ghi tên gói thầu theo quy định tại Mục 1.2 CDNT;</li> <li>Ghi dòng chữ cảnh báo “Không được mở trước thời điểm mở thầu”.</li> </ol> <p>20.3. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về hậu quả hoặc sự bất lợi nếu không tuân theo quy định của HSMT này như không niêm phong hoặc làm mất niêm phong HSDT trong quá trình chuyển đến ĐVTCĐT, không ghi đúng các thông tin trên túi đựng HSDT theo quy định tại Mục 20.1 và Mục 20.2 CDNT. ĐVTCĐT sẽ không chịu trách nhiệm về tính bảo mật thông tin của HSDT nếu nhà thầu không thực hiện đúng quy định nêu trên.</p>

<p><b>21. Thời điểm đóng thầu</b></p>	<p>21.1. Nhà thầu nộp HSDT theo quy định tại <b>BDL</b> và phải bảo đảm ĐVTCĐT nhận được trước thời điểm đóng thầu theo quy định tại <b>BDL</b>.</p> <p>21.2. ĐVTCĐT có thể gia hạn thời điểm đóng thầu bằng cách sửa đổi HSMT theo quy định tại Mục 7 CDNT. Khi gia hạn thời điểm đóng thầu, tất cả quyền hạn và trách nhiệm của ĐVTCĐT và nhà thầu theo thời điểm đóng thầu trước đó sẽ được thay đổi theo thời điểm đóng thầu mới được gia hạn.</p>
<p><b>22. HSDT nộp muộn</b></p>	<p>HSDT được gửi đến ĐVTCĐT sau thời điểm đóng thầu sẽ không được mở, không hợp lệ và bị loại. Bất kỳ tài liệu nào được nhà thầu gửi đến sau thời điểm đóng thầu để sửa đổi, bổ sung HSDT đã nộp đều không hợp lệ, trừ tài liệu nhà thầu gửi đến để làm rõ HSDT theo yêu cầu của ĐVTCĐT hoặc tài liệu làm rõ, bổ sung nhằm chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu theo quy định tại Mục 26.1 và Mục 26.3 CDNT.</p>
<p><b>23. Sửa đổi, thay thế hoặc rút HSDT</b></p>	<p>23.1. Sau khi nộp HSDT, nhà thầu có thể sửa đổi, thay thế hoặc rút HSDT bằng cách gửi văn bản thông báo có chữ ký của người đại diện hợp pháp của nhà thầu, trường hợp ủy quyền thì phải gửi kèm giấy ủy quyền theo quy định tại Mục 19.3 CDNT. Hồ sơ sửa đổi hoặc thay thế HSDT phải được gửi kèm với văn bản thông báo việc sửa đổi, thay thế tương ứng và phải bảo đảm các điều kiện sau:</p> <p>a) Được nhà thầu chuẩn bị và nộp cho ĐVTCĐT theo quy định tại Mục 19 và Mục 20 CDNT, trên túi đựng văn bản thông báo phải ghi rõ “SỬA ĐỔI HỒ SƠ DỰ THẦU” hoặc “THAY THẾ HỒ SƠ DỰ THẦU” hoặc “RÚT HỒ SƠ DỰ THẦU”;</p> <p>b) Được ĐVTCĐT tiếp nhận trước thời điểm đóng thầu theo quy định tại Mục 21 CDNT.</p> <p>23.2. HSDT mà nhà thầu yêu cầu rút lại theo quy định tại Mục 23.1 CDNT sẽ được trả lại nguyên trạng cho nhà thầu.</p> <p>23.3. Nhà thầu không được sửa đổi, thay thế hoặc rút HSDT sau thời điểm đóng thầu cho đến khi hết hạn hiệu lực của HSDT mà nhà thầu đã ghi trong đơn dự thầu hoặc đến khi hết thời hạn hiệu lực đã gia hạn của HSDT.</p>
<p><b>24. Mở thầu</b></p>	<p>24.1. Trừ trường hợp quy định tại Mục 22 và Mục 23.2 CDNT, ĐVTCĐT phải mở công khai và đọc to, rõ các thông tin quy định tại Mục 24.5(b) CDNT của tất cả HSDT đã nhận được trước thời điểm đóng thầu. Việc mở thầu phải được tiến hành công khai theo thời gian và địa điểm quy định tại <b>BDL</b> trước sự chứng kiến của đại diện của các nhà</p>

thầu tham dự lễ mở thầu và đại diện của các cơ quan, tổ chức có liên quan. Việc mở thầu không phụ thuộc vào sự có mặt hay vắng mặt của đại diện nhà thầu tham dự thầu.

24.2. Trước tiên ĐVTCĐT sẽ mở và đọc to, rõ các thông tin trong túi đựng văn bản thông báo bên ngoài có ghi chữ “RÚT HỒ SƠ DỰ THẦU”, túi đựng HSDT của nhà thầu có đề nghị rút HSDT sẽ được giữ nguyên niêm phong, không được mở và được trả lại nguyên trạng cho nhà thầu. ĐVTCĐT sẽ không chấp nhận cho nhà thầu rút HSDT nếu văn bản thông báo rút HSDT không kèm theo tài liệu chứng minh người ký văn bản đó là đại diện hợp pháp của nhà thầu hoặc các văn bản này không được công khai trong lễ mở thầu. Trong trường hợp này, HSDT vẫn được mở theo quy định tại Mục 24.5 CDNT.

24.3. Tiếp theo, ĐVTCĐT sẽ mở và đọc to, rõ thông tin trong túi đựng văn bản thông báo bên ngoài có ghi chữ “THAY THẾ HỒ SƠ DỰ THẦU” và HSDT thay thế này sẽ được thay cho HSDT bị thay thế. HSDT bị thay thế sẽ không được mở và được trả lại nguyên trạng cho nhà thầu. ĐVTCĐT sẽ không chấp nhận cho nhà thầu thay thế HSDT nếu văn bản thông báo thay thế HSDT không kèm theo tài liệu chứng minh người ký văn bản đó là đại diện hợp pháp của nhà thầu hoặc các văn bản này không được công khai trong lễ mở thầu. Trong trường hợp này, HSDT bị thay thế vẫn được mở theo quy định tại Mục 24.5 CDNT.

24.4. Tiếp theo, đối với các túi đựng văn bản thông báo “SỬA ĐỔI HỒ SƠ DỰ THẦU” thì văn bản thông báo gửi kèm sẽ được mở và đọc to, rõ cùng với HSDT sửa đổi tương ứng. ĐVTCĐT sẽ không chấp nhận cho nhà thầu sửa đổi HSDT nếu văn bản thông báo sửa đổi HSDT không kèm theo tài liệu chứng minh người ký văn bản đó là đại diện hợp pháp của nhà thầu hoặc văn bản này không được công khai trong lễ mở thầu.

24.5. Việc mở thầu được thực hiện đối với từng HSDT theo thứ tự chữ cái tên của nhà thầu và theo trình tự sau đây:

a) Kiểm tra niêm phong;

b) Mở bản gốc HSDT, HSDT sửa đổi (nếu có), HSDT thay thế (nếu có) và đọc to, rõ tối thiểu các thông tin sau: tên nhà thầu, số lượng bản gốc, bản chụp, giá dự thầu ghi trong đơn dự thầu, giá dự thầu ghi trong bảng tổng hợp giá dự thầu, giá trị giảm giá (nếu có), thời gian có hiệu lực của HSDT, giá trị của bảo đảm dự thầu, thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu và các thông tin khác mà ĐVTCĐT thấy cần thiết. Trường hợp gói thầu chia thành nhiều phần độc lập thì còn phải đọc giá dự thầu và giá trị giảm giá (nếu có) cho từng phần. Chỉ có các HSDT được mở và

1001  
NH  
I  
Q  
THANH

	<p>đọc trong lễ mở thầu mới được tiếp tục xem xét và đánh giá. Chỉ những thông tin về giảm giá được đọc trong lễ mở thầu mới được tiếp tục xem xét và đánh giá;</p> <p>c) Đại diện của ĐVTCĐT phải ký xác nhận vào bản gốc đơn dự thầu, bảo đảm dự thầu, bảng tổng hợp giá dự thầu, giấy ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu (nếu có), thư giảm giá (nếu có), thỏa thuận liên danh (nếu có). ĐVTCĐT không được loại bỏ bất kỳ HSDT nào khi mở thầu, trừ các HSDT nộp muộn theo quy định tại Mục 22 CDNT.</p> <p>24.6. ĐVTCĐT phải lập biên bản mở thầu trong đó bao gồm các thông tin quy định tại Mục 24.5(b) CDNT. Biên bản mở thầu phải được ký xác nhận bởi đại diện của ĐVTCĐT và các nhà thầu tham dự lễ mở thầu. Việc thiếu chữ ký của nhà thầu trong biên bản sẽ không làm cho biên bản mất ý nghĩa và mất hiệu lực. Biên bản mở thầu sẽ được gửi cho tất cả các nhà thầu tham dự thầu.</p>
<p><b>25. Bảo mật</b></p>	<p>25.1. Thông tin liên quan đến việc đánh giá HSDT và đề nghị trao hợp đồng phải được giữ bí mật và không được phép tiết lộ cho các nhà thầu hay bất kỳ người nào không có liên quan chính thức đến quá trình lựa chọn nhà thầu cho tới khi công khai kết quả lựa chọn nhà thầu. Trong mọi trường hợp không được tiết lộ thông tin trong HSDT của nhà thầu này cho nhà thầu khác, trừ thông tin được công khai trong biên bản mở thầu.</p> <p>25.2. Trừ trường hợp làm rõ HSDT theo quy định tại Mục 26 CDNT và thương thảo hợp đồng, nhà thầu không được phép tiếp xúc với ĐVTCĐT về các vấn đề liên quan đến HSDT của mình và các vấn đề khác liên quan đến gói thầu trong suốt thời gian từ khi mở thầu cho đến khi công khai kết quả lựa chọn nhà thầu.</p>
<p><b>26. Làm rõ HSDT</b></p>	<p>26.1. Sau khi mở thầu, nhà thầu có trách nhiệm làm rõ HSDT theo yêu cầu của ĐVTCĐT, bao gồm cả làm rõ về tư cách hợp lệ, năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu. Đối với các nội dung đề xuất về kỹ thuật, tài chính nêu trong HSDT của nhà thầu, việc làm rõ phải bảo đảm nguyên tắc không làm thay đổi nội dung cơ bản của HSDT đã nộp, không thay đổi giá dự thầu (trừ trường hợp nhà thầu xác nhận việc sửa lỗi số học đối với HSDT của mình do ĐVTCĐT thực hiện trong quá trình đánh giá HSDT). Nhà thầu phải thông báo cho ĐVTCĐT về việc đã nhận được văn bản yêu cầu làm rõ HSDT bằng một trong những cách sau: gửi văn bản trực tiếp, theo đường bưu điện, fax hoặc thư điện tử.</p> <p>26.2. Việc làm rõ HSDT giữa nhà thầu và ĐVTCĐT được thực hiện</p>

4928

IÀ N  
V TII  
JOC

PHC

	<p>bằng văn bản. Các tài liệu không liên quan đến nội dung yêu cầu làm rõ của ĐVTCĐT sẽ không được xem xét, đánh giá, trừ các tài liệu tự làm rõ theo quy định tại Mục 26.3 CDNT.</p> <p>26.3. Trong khoảng thời gian theo quy định tại <b>BDL</b>, trường hợp nhà thầu phát hiện HSDT của mình thiếu các tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm thì nhà thầu được phép gửi tài liệu đến ĐVTCĐT để làm rõ về tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm của mình. ĐVTCĐT có trách nhiệm tiếp nhận các tài liệu làm rõ của nhà thầu để xem xét, đánh giá; các tài liệu làm rõ về tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm được coi như một phần của HSDT. ĐVTCĐT phải thông báo cho nhà thầu về việc đã nhận được các tài liệu làm rõ của nhà thầu bằng một trong những cách sau: gửi văn bản trực tiếp, theo đường bưu điện, fax hoặc thư điện tử.</p> <p>26.4. Việc làm rõ HSDT chỉ được thực hiện giữa ĐVTCĐT và nhà thầu có HSDT cần phải làm rõ và phải bảo đảm nguyên tắc không làm thay đổi bản chất của nhà thầu tham dự thầu. Nội dung làm rõ HSDT được ĐVTCĐT bảo quản như một phần của HSDT. Đối với các nội dung làm rõ ảnh hưởng trực tiếp đến việc đánh giá tư cách hợp lệ, năng lực, kinh nghiệm và yêu cầu về kỹ thuật, tài chính nếu quá thời hạn làm rõ mà nhà thầu không có văn bản làm rõ hoặc có văn bản làm rõ nhưng không đáp ứng được yêu cầu của ĐVTCĐT thì ĐVTCĐT sẽ đánh giá HSDT của nhà thầu theo HSDT nộp trước thời điểm đóng thầu. ĐVTCĐT phải dành cho nhà thầu một khoảng thời gian hợp lý để nhà thầu thực hiện việc làm rõ HSDT.</p> <p>26.5. Trường hợp cần thiết, ĐVTCĐT có thể gửi văn bản yêu cầu nhà thầu có khả năng trúng thầu đến làm việc trực tiếp với ĐVTCĐT để làm rõ HSDT. Nội dung làm rõ HSDT phải được ghi cụ thể thành biên bản. Việc làm rõ HSDT trong trường hợp này phải bảo đảm tính khách quan, minh bạch.</p>
<p><b>27. Các sai khác, đặt điều kiện và bỏ sót nội dung</b></p>	<p>Các định nghĩa sau đây sẽ được áp dụng cho quá trình đánh giá HSDT:</p> <p>27.1. “Sai khác” là các khác biệt so với yêu cầu nêu trong HSMT;</p> <p>27.2. “Đặt điều kiện” là việc đặt ra các điều kiện có tính hạn chế hoặc thể hiện sự không chấp nhận hoàn toàn đối với các yêu cầu nêu trong HSMT;</p> <p>27.3. “Bỏ sót nội dung” là việc nhà thầu không cung cấp được một phần hoặc toàn bộ thông tin hay tài liệu theo yêu cầu nêu trong HSMT.</p>
<p><b>28. Xác</b></p>	<p>28.1. ĐVTCĐT sẽ xác định tính đáp ứng của HSDT dựa trên nội dung</p>

<p><b>định tính đáp ứng của HSDT</b></p>	<p>của HSDT theo quy định tại Mục 10 CDNT.</p> <p>28.2. HSDT đáp ứng cơ bản là HSDT đáp ứng các yêu cầu nêu trong HSMT mà không có các sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót nội dung cơ bản. Sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót nội dung cơ bản nghĩa là những điểm trong HSDT mà:</p> <p>a) Nếu được chấp nhận thì sẽ gây ảnh hưởng đáng kể đến phạm vi, chất lượng hay tính năng sử dụng của hàng hóa hoặc dịch vụ liên quan; gây hạn chế đáng kể và không thống nhất với HSMT đối với quyền hạn của Chủ đầu tư hoặc nghĩa vụ của nhà thầu trong hợp đồng;</p> <p>b) Nếu được sửa lại thì sẽ gây ảnh hưởng không công bằng đến vị thế cạnh tranh của nhà thầu khác có HSDT đáp ứng cơ bản yêu cầu của HSMT.</p> <p>28.3. ĐVTCĐT phải kiểm tra các khía cạnh kỹ thuật của HSDT theo quy định tại Mục 15 và Mục 16 CDNT nhằm khẳng định rằng tất cả các quy định tại Chương V - Phạm vi cung cấp đã được đáp ứng và HSDT không có những sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót các nội dung cơ bản.</p> <p>28.4. Nếu HSDT không đáp ứng cơ bản các yêu cầu nêu trong HSMT thì HSDT đó sẽ bị loại; không được phép sửa đổi các sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót nội dung cơ bản trong HSDT nhằm làm cho HSDT đáp ứng cơ bản HSMT.</p>
<p><b>29. Sai sót không nghiêm trọng</b></p>	<p>29.1. Với điều kiện HSDT đáp ứng cơ bản yêu cầu nêu trong HSMT thì ĐVTCĐT có thể chấp nhận các sai sót mà không phải là những sai khác, đặt điều kiện hay bỏ sót nội dung cơ bản trong HSDT.</p> <p>29.2. Với điều kiện HSDT đáp ứng cơ bản yêu cầu nêu trong HSMT, ĐVTCĐT có thể yêu cầu nhà thầu cung cấp các thông tin hoặc tài liệu cần thiết trong một thời hạn hợp lý để sửa chữa những sai sót không nghiêm trọng trong HSDT liên quan đến các yêu cầu về tài liệu. Yêu cầu cung cấp các thông tin và các tài liệu để khắc phục các sai sót này không được liên quan đến bất kỳ khía cạnh nào của giá dự thầu; nếu không đáp ứng yêu cầu nêu trên của ĐVTCĐT thì HSDT của nhà thầu sẽ bị loại.</p> <p>29.3. Với điều kiện HSDT đáp ứng cơ bản yêu cầu nêu trong HSMT, ĐVTCĐT sẽ điều chỉnh các sai sót không nghiêm trọng và có thể định lượng được liên quan đến giá dự thầu. Theo đó, giá dự thầu sẽ được điều chỉnh để phản ánh chi phí cho các hạng mục bị thiếu hoặc chưa đáp ứng yêu cầu; việc điều chỉnh này chỉ hoàn toàn nhằm mục đích so sánh các HSDT.</p>
<p><b>30. Nhà</b></p>	<p>30.1. Nhà thầu phụ là nhà thầu ký kết hợp đồng với nhà thầu chính để</p>

<b>thầu phụ</b>	<p>thực hiện các dịch vụ liên quan.</p> <p>30.2. Yêu cầu về nhà thầu phụ nêu tại <b>BDL</b>.</p> <p>30.3. Việc sử dụng nhà thầu phụ sẽ không làm thay đổi các trách nhiệm của nhà thầu chính. Nhà thầu chính phải chịu trách nhiệm về khối lượng, chất lượng, tiến độ và các trách nhiệm khác đối với phần công việc do nhà thầu phụ thực hiện. Năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ sẽ không được xem xét khi đánh giá HSDT của nhà thầu chính. Bản thân nhà thầu chính phải đáp ứng các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm (không xét đến năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ).</p> <p>Trường hợp trong HSDT nhà thầu chính không đề xuất sử dụng nhà thầu phụ cho một công việc cụ thể hoặc không dự kiến các công việc sẽ sử dụng nhà thầu phụ thì được hiểu là nhà thầu chính có trách nhiệm thực hiện toàn bộ các công việc thuộc gói thầu.</p> <p>30.4. Nhà thầu chính không được sử dụng nhà thầu phụ cho công việc khác ngoài công việc đã kê khai sử dụng nhà thầu phụ nêu trong HSDT; việc thay thế, bổ sung nhà thầu phụ ngoài danh sách các nhà thầu phụ đã nêu trong HSDT chỉ được thực hiện khi có lý do xác đáng, hợp lý và được Chủ đầu tư chấp thuận.</p>
<b>31. Sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch</b>	<p>31.1. Sửa lỗi là việc sửa lại những sai sót trong HSDT bao gồm lỗi số học và các lỗi khác được tiến hành theo nguyên tắc sau đây:</p> <p>a) Lỗi số học bao gồm những lỗi do thực hiện các phép tính cộng, trừ, nhân, chia không chính xác khi tính toán giá dự thầu. Đối với hợp đồng theo đơn giá, trường hợp không nhất quán giữa đơn giá và thành tiền thì lấy đơn giá làm cơ sở cho việc sửa lỗi; nếu phát hiện đơn giá có sự sai khác bất thường do lỗi hệ thập phân (10 lần, 100 lần, 1.000 lần) thì thành tiền là cơ sở cho việc sửa lỗi;</p> <p>b) Trường hợp tổng giá trị của các hạng mục không chính xác do lỗi trong khi cộng trừ giá trị của các hạng mục thì giá trị của các hạng mục là cơ sở cho việc sửa lỗi;</p> <p>c) Trường hợp không nhất quán giữa giá dự thầu ghi bằng số và giá dự thầu ghi bằng chữ thì giá dự thầu ghi bằng chữ là cơ sở cho việc sửa lỗi; trường hợp giá dự thầu ghi bằng chữ có sai sót về lỗi số học (trong quá trình hình thành giá dự thầu có sai sót về lỗi số học) thì giá ghi bằng số là cơ sở cho việc sửa lỗi sau khi được chuẩn xác (nếu có) theo Mục 31.1(a) và Mục 31.1(b) CDNT;</p> <p>d) Tại cột thành tiền đã được điền đầy đủ giá trị nhưng không có đơn giá tương ứng thì đơn giá được xác định bằng cách chia thành tiền cho số</p>

lượng; khi có đơn giá nhưng cột thành tiền bỏ trống thì giá trị cột thành tiền sẽ được xác định bằng cách nhân số lượng với đơn giá; nếu một nội dung nào đó có điền đơn giá và giá trị tại cột thành tiền nhưng bỏ trống số lượng thì số lượng bỏ trống được xác định bằng cách chia giá trị tại cột thành tiền cho đơn giá của nội dung đó. Trường hợp số lượng được xác định theo cách nêu trên khác với số lượng nêu trong HSMT thì giá trị sai khác đó là sai lệch về phạm vi cung cấp và được hiệu chỉnh tại bước hiệu chỉnh sai lệch;

đ) Lỗi nhầm đơn vị tính: sửa lại cho phù hợp với yêu cầu của HSMT;

e) Trường hợp nhà thầu có giảm giá, việc sửa lỗi được thực hiện trên cơ sở giá dự thầu chưa trừ đi giá trị giảm giá;

g) Sau khi sửa lỗi, ĐVTCĐT phải thông báo bằng văn bản cho nhà thầu biết về việc sửa lỗi đối với HSDT của nhà thầu. Trong vòng 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo của ĐVTCĐT, nhà thầu phải có văn bản thông báo cho ĐVTCĐT về việc chấp thuận kết quả sửa lỗi theo thông báo của ĐVTCĐT. Trường hợp nhà thầu không chấp thuận với kết quả sửa lỗi theo thông báo của ĐVTCĐT thì HSDT của nhà thầu đó sẽ bị loại, trừ trường hợp việc sửa lỗi của ĐVTCĐT là không phù hợp, chính xác.

### 31.2. Hiệu chỉnh sai lệch:

Với điều kiện HSDT đáp ứng cơ bản yêu cầu nêu trong HSMT, ĐVTCĐT sẽ tiến hành hiệu chỉnh sai lệch không cơ bản như sau:

a) Sai lệch về phạm vi cung cấp:

- Trường hợp nhà thầu liệt kê hàng hóa, hạng mục công việc như yêu cầu trong HSMT nhưng không ghi đơn giá dự thầu và thành tiền cho một hoặc một số hàng hóa, hạng mục công việc thì được coi là sai lệch thiếu và được hiệu chỉnh sai lệch theo quy định tại Mục 31.2(b) CDNT để so sánh HSDT, xếp hạng nhà thầu;

- Phần công việc nêu trong HSMT không được liệt kê trong bảng tổng hợp giá dự thầu của nhà thầu được coi là phần chào thiếu trong HSDT và được hiệu chỉnh sai lệch theo quy định tại Mục 31.2(b) CDNT để so sánh HSDT, xếp hạng nhà thầu. Trường hợp HSDT được xếp thứ nhất thì đơn giá cho phần công việc chào thiếu sẽ được thương thảo với nhà thầu theo quy định tại Mục 34 CDNT. Phần công việc được liệt kê trong bảng tổng hợp giá dự thầu của nhà thầu nằm ngoài phạm vi công việc nêu trong HSMT được coi là phần chào thừa và được hiệu chỉnh sai lệch theo quy định tại Mục 31.2(b) CDNT;



	<p>b) Hiệu chỉnh sai lệch thừa, thiếu về phạm vi cung cấp:          Trường hợp HSDT của nhà thầu chào thiếu một hoặc một số hạng mục nêu tại Mục 31.2(a) CDNT và không có đơn giá của các hạng mục này thì lấy mức đơn giá chào cao nhất đối với nội dung này trong số các HSDT khác vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật để làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch; trường hợp trong HSDT của các nhà thầu vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật không có đơn giá thì lấy đơn giá trong dự toán làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch; trường hợp không có dự toán gói thầu thì căn cứ vào đơn giá hình thành giá gói thầu làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch để làm cơ sở so sánh HSDT, xếp hạng nhà thầu. Việc hiệu chỉnh sai lệch thiếu chỉ nhằm mục đích so sánh HSDT, xếp hạng nhà thầu.</p> <p>Trường hợp HSDT của nhà thầu chào thừa thì giá trị của các hạng mục chào thừa sẽ bị trừ đi theo đơn giá tương ứng trong HSDT;</p> <p>c) Trường hợp nhà thầu có giảm giá, việc hiệu chỉnh sai lệch được thực hiện trên cơ sở giá dự thầu chưa trừ đi giá trị giảm giá. Tỷ lệ phần trăm của sai lệch thiếu được xác định trên cơ sở so với giá dự thầu ghi trong đơn dự thầu (chưa bao gồm giá trị giảm giá);</p> <p>d) HSDT được hiệu chỉnh sai lệch cho những sai lệch không cơ bản về chào thiếu khối lượng, hạng mục hoặc không tuân thủ yêu cầu kỹ thuật;</p> <p>đ) Sau khi hiệu chỉnh sai lệch, ĐVTCĐT phải thông báo bằng văn bản cho nhà thầu biết về việc hiệu chỉnh sai lệch đối với HSDT của nhà thầu. Trong vòng 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo của ĐVTCĐT, nhà thầu phải có văn bản thông báo cho ĐVTCĐT về việc chấp thuận kết quả hiệu chỉnh sai lệch theo thông báo của ĐVTCĐT. Trường hợp nhà thầu không chấp thuận với kết quả hiệu chỉnh sai lệch theo thông báo của ĐVTCĐT thì HSDT của nhà thầu đó sẽ bị loại, trừ trường hợp việc hiệu chỉnh sai lệch của ĐVTCĐT là không phù hợp, chính xác.</p>
<p><b>32. Ưu đãi trong lựa chọn nhà thầu</b></p>	<p>32.1. Đối với gói thầu áp dụng biện pháp ưu đãi trong nước, việc áp dụng biện pháp ưu đãi trong nước thực hiện theo quy định tại <b>BDL</b>.</p> <p>32.2. Nguyên tắc ưu đãi thực hiện theo quy định tại <b>BDL</b>.</p> <p>32.3. Đối tượng ưu đãi thực hiện theo quy định tại <b>BDL</b>.</p> <p>32.4. Việc tính ưu đãi được thực hiện trong quá trình đánh giá HSDT để so sánh HSDT, xếp hạng nhà thầu. Cách tính ưu đãi được thực hiện theo quy định tại <b>BDL</b>.</p> <p>32.5. Nhà thầu phải khai thông tin về loại hàng hóa được hưởng ưu đãi theo các Mẫu số 07(a), 07(a1), 07(a2) Chương IV- Biểu mẫu dự thầu để</p>

2250.

. MÁ  
TIỀN  
ỐC G

PHỒ

	<p>làm cơ sở xem xét, đánh giá ưu đãi.</p> <p>32.6. Trường hợp hàng hóa do các nhà thầu chào đều không thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi thì không tiến hành đánh giá và xác định giá trị ưu đãi. Trường hợp thuộc đối tượng ưu đãi, nhà thầu phải đính kèm tài liệu chứng minh trong HSDT.</p>
<p><b>33. Đánh giá HSDT</b></p>	<p>33.1. ĐVTCĐT sẽ áp dụng các tiêu chí đánh giá liệt kê trong Mục này và phương pháp đánh giá theo quy định tại <b>BDL</b> để đánh giá các HSDT. Không được phép sử dụng bất kỳ tiêu chí hay phương pháp đánh giá nào khác.</p> <p>33.2. Kiểm tra và đánh giá tính hợp lệ của HSDT:</p> <p>a) Việc kiểm tra và đánh giá tính hợp lệ của HSDT được thực hiện theo quy định tại Mục 1 Chương III - Tiêu chuẩn đánh giá HSDT;</p> <p>b) Nhà thầu có HSDT hợp lệ được xem xét, đánh giá tiếp về năng lực và kinh nghiệm.</p> <p>33.3. Đánh giá về năng lực và kinh nghiệm:</p> <p>a) Việc đánh giá về năng lực và kinh nghiệm được thực hiện theo tiêu chuẩn đánh giá quy định tại Mục 2 Chương III - Tiêu chuẩn đánh giá HSDT.</p> <p>Trường hợp nhân sự chủ chốt mà nhà thầu kê khai trong HSDT không đáp ứng yêu cầu của HSMT, ĐVTCĐT cho phép nhà thầu làm rõ, thay đổi, bổ sung nhân sự chủ chốt để đáp ứng yêu cầu của HSMT trong một khoảng thời gian phù hợp. Đối với mỗi nhân sự không đáp ứng, nhà thầu chỉ được thay thế một lần. Trường hợp nhà thầu không có nhân sự thay thế đáp ứng yêu cầu của HSMT thì nhà thầu bị loại;</p> <p>b) Nhà thầu có năng lực và kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu được xem xét, đánh giá tiếp về kỹ thuật.</p> <p>33.4. Đánh giá về kỹ thuật và đánh giá về tài chính:</p> <p>a) Việc đánh giá về kỹ thuật được thực hiện theo tiêu chuẩn quy định tại Mục 3 Chương III - Tiêu chuẩn đánh giá HSDT;</p> <p>b) Nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật được xem xét đánh giá tiếp về tài chính theo quy định tại Mục 4 Chương III - Tiêu chuẩn đánh giá HSDT.</p> <p>33.5. Sau khi đánh giá về tài chính, ĐVTCĐT lập danh sách xếp hạng nhà thầu trình Chủ đầu tư phê duyệt. Việc xếp hạng nhà thầu thực hiện theo quy định tại <b>BDL</b>. Nhà thầu xếp hạng thứ nhất được mời vào thương thảo hợp đồng. Trường hợp có một nhà thầu vượt qua bước đánh giá về tài chính thì không cần phải phê duyệt danh sách xếp hạng nhà</p>

	<p>thầu.</p> <p>33.6. Trong mọi trường hợp, nếu nhà thầu kê khai nhân sự chủ chốt không trung thực thì nhà thầu không được thay thế nhân sự chủ chốt khác, HSDT của nhà thầu bị loại và nhà thầu sẽ bị coi là gian lận theo quy định tại khoản 4 Điều 16 Luật Đấu thầu và bị xử lý theo quy định tại khoản 1 Điều 133 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP và quy định khác của pháp luật có liên quan.</p>
<p><b>34.</b> <b>Thương</b> <b>thảo hợp</b> <b>đồng</b></p>	<p>34.1. Việc thương thảo hợp đồng phải dựa trên các cơ sở sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Báo cáo đánh giá HSDT;</li> <li>HSDT và các tài liệu làm rõ HSDT (nếu có) của nhà thầu;</li> <li>HSMT và các tài liệu làm rõ, sửa đổi HSMT (nếu có).</li> </ol> <p>34.2. Nguyên tắc thương thảo hợp đồng:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Không tiến hành thương thảo đối với các nội dung nhà thầu đã chào thầu theo đúng yêu cầu của HSMT;</li> <li>Việc thương thảo hợp đồng không được làm thay đổi đơn giá dự thầu của nhà thầu sau khi sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch và trừ đi giá trị giảm giá (nếu có), trừ trường hợp quy định tại Mục 34.2(c) CDNT;</li> <li>Việc thương thảo đối với phần sai lệch thiếu thực hiện theo quy định tại Mục 34.3 CDNT.</li> </ol> <p>34.3. Nội dung thương thảo hợp đồng:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Thương thảo về những nội dung chưa đủ chi tiết, chưa rõ hoặc chưa phù hợp, chưa thống nhất giữa HSMT và HSDT, giữa các nội dung khác nhau trong HSDT có thể dẫn đến các phát sinh, tranh chấp hoặc ảnh hưởng đến trách nhiệm của các bên trong quá trình thực hiện hợp đồng;</li> <li>Thương thảo về các sai lệch do nhà thầu phát hiện và đề xuất trong HSDT (nếu có), bao gồm cả các đề xuất thay đổi hoặc phương án kỹ thuật thay thế của nhà thầu nếu trong HSMT có quy định cho phép nhà thầu chào phương án kỹ thuật thay thế. Trường hợp HSDT có sai lệch nêu tại Mục 31.2 CDNT thì khi thương thảo hợp đồng phải lấy mức đơn giá chào thấp nhất trong số các HSDT khác vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật (hoặc đơn giá dự toán được duyệt nếu đơn giá này thấp hơn) và áp dụng tỷ lệ giảm giá của giá dự thầu của nhà thầu (nếu có) để thương thảo đối với phần sai lệch bị chào thiếu khối lượng, hạng mục hoặc không tuân thủ yêu cầu kỹ thuật;</li> <li>Trong quá trình thương thảo, nhà thầu không được thay đổi nhân sự chủ chốt (nhân sự đã đề xuất trong HSDT hoặc nhân sự đã được thay thế trước khi thương thảo hợp đồng), trừ trường hợp do thời gian đánh giá</li> </ol>

	<p>HSDT kéo dài hơn so với quy định hoặc vì lý do bất khả kháng mà các vị trí nhân sự chủ chốt do nhà thầu đã đề xuất không thể tham gia thực hiện hợp đồng. Trong trường hợp đó, nhà thầu được quyền thay đổi nhân sự khác nhưng phải bảo đảm nhân sự dự kiến thay thế có trình độ, kinh nghiệm, năng lực tương đương hoặc cao hơn nhân sự đã đề xuất và nhà thầu không được thay đổi giá dự thầu;</p> <p>d) Thương thảo về các vấn đề phát sinh trong quá trình lựa chọn nhà thầu (nếu có) nhằm mục tiêu hoàn thiện các nội dung chi tiết của gói thầu;</p> <p>đ) Xác định rõ các khoản thuế nhà thầu phải nộp theo quy định của pháp luật về thuế bao gồm: thuế, phí, lệ phí liên quan đến nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế VAT, thuế nhà thầu (nếu có), phương thức nộp thuế (nhà thầu trực tiếp nộp thuế hoặc chủ đầu tư giữ lại một khoản tiền tương đương với giá trị thuế để nộp thay cho nhà thầu theo quy định của pháp luật hiện hành), giá trị nộp thuế và các vấn đề liên quan khác đến nghĩa vụ nộp thuế phải được nêu cụ thể trong hợp đồng;</p> <p>e) Thương thảo về các sai sót không nghiêm trọng quy định tại Mục 29 CDNT;</p> <p>g) Thương thảo về các nội dung cần thiết khác.</p> <p>34.4. Trong quá trình thương thảo hợp đồng, các bên tham gia thương thảo tiến hành hoàn thiện dự thảo văn bản hợp đồng; ĐKCT, phụ lục hợp đồng gồm danh mục chi tiết về phạm vi cung cấp, bảng giá, tiến độ cung cấp (nếu có).</p> <p>34.5. Trường hợp thương thảo không thành công, ĐVTCĐT báo cáo Chủ đầu tư xem xét, quyết định mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào thương thảo; trường hợp thương thảo với các nhà thầu xếp hạng tiếp theo không thành công thì ĐVTCĐT báo cáo Chủ đầu tư xem xét, quyết định hủy thầu theo quy định tại Mục 36.1(a) CDNT.</p> <p>34.6. Trường hợp vì lý do khách quan, bất khả kháng dẫn đến nhà thầu không thể thương thảo hợp đồng trực tiếp với ĐVTCĐT, ĐVTCĐT có thể xem xét thương thảo trực tuyến.</p>
<p><b>35. Điều kiện xét duyệt trúng thầu</b></p>	<p>Nhà thầu được xem xét, đề nghị trúng thầu khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:</p> <p>35.1. Có HSDT hợp lệ theo quy định tại Mục 1 Chương III - Tiêu chuẩn đánh giá HSDT;</p> <p>35.2. Có năng lực và kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 2 Chương III - Tiêu chuẩn đánh giá HSDT;</p>

	<p>35.3. Có đề xuất về kỹ thuật đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 3 Chương III - Tiêu chuẩn đánh giá HSDT;</p> <p>35.4. Có sai lệch thiếu không quá 10% giá dự thầu;</p> <p>35.5. Có lỗi số học với tổng giá trị tuyệt đối không quá 30% giá dự thầu;</p> <p>35.6. Đáp ứng điều kiện theo quy định tại <b>BDL</b>;</p> <p>35.7. Có giá đề nghị trúng thầu (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) không vượt giá gói thầu được phê duyệt. Trường hợp dự toán của gói thầu được phê duyệt thấp hơn hoặc cao hơn giá gói thầu được phê duyệt thì dự toán này sẽ thay thế giá gói thầu để làm cơ sở xét duyệt trúng thầu. Đối với gói thầu được chia làm nhiều phần (lô), việc đánh giá HSDT và xét duyệt trúng thầu sẽ được thực hiện trên cơ sở bảo đảm giá đề nghị trúng thầu của cả gói thầu không vượt giá gói thầu được duyệt mà không so sánh với ước tính chi phí của từng phần.</p>
<p><b>36. Hủy thầu</b></p>	<p>36.1. ĐVTCĐT sẽ thông báo hủy thầu trong trường hợp sau đây:</p> <p>a) Tất cả HSDT không đáp ứng được các yêu cầu cơ bản của HSMT;</p> <p>b) Thay đổi mục tiêu, phạm vi đầu tư đã phê duyệt trong Quyết định đầu tư ảnh hưởng tới HSMT;</p> <p>c) HSMT không tuân thủ quy định của pháp luật về đấu thầu hoặc quy định khác của pháp luật có liên quan dẫn đến nhà thầu được lựa chọn không đáp ứng yêu cầu để thực hiện gói thầu, dự án; HSMT hoặc việc tổ chức lựa chọn nhà thầu không tuân thủ quy định của pháp luật về đấu thầu hoặc quy định khác của pháp luật dẫn đến làm hạn chế sự cạnh tranh giữa các nhà thầu và không bảo đảm mục tiêu hiệu quả kinh tế của gói thầu;</p> <p>d) Có bằng chứng về việc đưa, nhận, môi giới hối lộ, thông thầu, gian lận, lợi dụng chức vụ, quyền hạn để can thiệp trái pháp luật vào hoạt động đấu thầu dẫn đến làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu.</p> <p>36.2. Tổ chức, cá nhân vi phạm quy định pháp luật về đấu thầu dẫn đến hủy thầu theo quy định tại Mục 36.1(c) và Mục 36.1(d) CDNT phải đền bù chi phí cho các bên liên quan để bù đắp chi phí tổ chức đấu thầu lại và bị xử lý theo quy định của pháp luật.</p> <p>36.3. Trường hợp hủy thầu theo quy định tại Mục 36.1 CDNT, trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày ban hành quyết định hủy thầu, ĐVTCĐT phải hoàn trả hoặc giải tỏa bảo đảm dự thầu cho các nhà thầu dự thầu, trừ trường hợp nhà thầu vi phạm quy định tại Mục 36.1(d) CDNT.</p>



<p><b>37. Thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu</b></p>	<p>37.1. Sau khi có quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu, ĐVTCĐT đăng tải thông tin về kết quả lựa chọn nhà thầu trên Hệ thống mạng trong vòng 07 ngày làm việc, kể từ ngày Chủ đầu tư phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu. Nội dung thông tin đăng tải bao gồm:</p> <p>a) Thông tin về gói thầu</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tên gói thầu, mô tả tóm tắt về gói thầu;</li> <li>- Giá gói thầu hoặc dự toán được duyệt (nếu có);</li> <li>- Tên và địa chỉ cơ quan mua sắm;</li> <li>- Hình thức lựa chọn nhà thầu;</li> <li>- Loại hợp đồng;</li> <li>- Thời gian thực hiện hợp đồng.</li> </ul> <p>b) Thông tin về nhà thầu trúng thầu</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tên và địa chỉ nhà thầu trúng thầu;</li> <li>- Giá trúng thầu;</li> <li>- Loại hợp đồng;</li> <li>- Thời gian giao hàng.</li> </ul> <p>c) Đối với mỗi chủng loại hàng hóa, thiết bị trong gói thầu, ĐVTCĐT đăng tải các thông tin sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tên hàng hóa;</li> <li>- Công suất (nếu có);</li> <li>- Tính năng, thông số kỹ thuật; ký, mã hiệu, nhãn mác;</li> <li>- Xuất xứ;</li> <li>- Đơn giá trúng thầu.</li> </ul> <p>d) Ngày phê duyệt, số quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;</p> <p>đ) Danh sách nhà thầu không được lựa chọn và tóm tắt về lý do không được lựa chọn của từng nhà thầu hoặc giải thích ưu thế tương đối của nhà thầu trúng thầu.</p> <p>37.2. Sau khi có quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu, ĐVTCĐT gửi văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu cho các nhà thầu tham dự thầu thông qua địa chỉ hòm thư điện tử của nhà thầu trong vòng 07 ngày làm việc, kể từ ngày văn bản được ban hành. Nội dung thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu bao gồm:</p> <p>a) Tên nhà thầu trúng thầu;</p> <p>b) Giá trúng thầu;</p> <p>c) Loại hợp đồng;</p>
---	---

.4921

HÀ M  
N T I  
UỐC

PHC

	<p>d) Thời gian giao hàng;</p> <p>đ) Danh sách nhà thầu không được lựa chọn và tóm tắt về lý do không được lựa chọn của từng nhà thầu hoặc giải thích ưu thế tương đối của nhà thầu trúng thầu;</p> <p>e) Kế hoạch hoàn thiện, ký kết hợp đồng với nhà thầu được lựa chọn.</p> <p>37.3. Trường hợp hủy thầu theo quy định tại Mục 36.1 CDNT, trong văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu nêu rõ lý do hủy thầu.</p> <p>37.4. Sau khi thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu theo quy định tại Mục 37.2 CDNT, nếu nhà thầu không được lựa chọn có văn bản hỏi về lý do không được lựa chọn thì trong thời gian tối đa là 05 ngày làm việc, kể từ ngày thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu ĐVTCĐT phải có văn bản trả lời gửi cho nhà thầu.</p>
<p><b>38. Thay đổi khối lượng hàng hóa và dịch vụ; tùy chọn mua thêm</b></p>	<p>38.1. Vào thời điểm trao hợp đồng, ĐVTCĐT có quyền tăng hoặc giảm khối lượng hàng hóa và dịch vụ nêu trong Chương V - Phạm vi cung cấp với điều kiện sự thay đổi đó không vượt quá tỷ lệ quy định tại <b>BDL</b> và không có bất kỳ thay đổi nào về đơn giá hay các điều kiện, điều khoản khác của HSDT và HSMT.</p> <p>38.2. Trước thời điểm kết thúc hợp đồng, ĐVTCĐT có thể thông báo áp dụng tùy chọn mua thêm đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc phạm vi của gói thầu theo khối lượng quy định tại <b>BDL</b>, phù hợp với kế hoạch lựa chọn nhà thầu được phê duyệt.</p>
<p><b>39. Thông báo chấp thuận HSDT và trao hợp đồng</b></p>	<p>Đồng thời với văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu, ĐVTCĐT gửi thông báo chấp thuận HSDT và trao hợp đồng, bao gồm cả yêu cầu về biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng, thời gian hoàn thiện, ký kết hợp đồng theo quy định tại Mẫu số 15 Chương VIII - Biểu mẫu hợp đồng cho nhà thầu trúng thầu. Thông báo chấp thuận HSDT và trao hợp đồng là một phần của hồ sơ hợp đồng. Trường hợp nhà thầu trúng thầu không hoàn thiện, ký kết hợp đồng hoặc không nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo thời hạn nêu trong thông báo chấp thuận HSDT và trao hợp đồng thì nhà thầu sẽ bị loại và không được hoàn trả bảo đảm dự thầu theo quy định tại Mục 18.5(c) và Mục 18.5(d) CDNT; thời hạn nêu trong thông báo chấp thuận HSDT được tính kể từ ngày ĐVTCĐT gửi thông báo chấp thuận này cho nhà thầu trúng thầu.</p>
<p><b>40. Điều kiện ký kết hợp đồng</b></p>	<p>40.1. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, HSDT của nhà thầu được lựa chọn phải còn hiệu lực.</p> <p>40.2. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, nhà thầu được lựa chọn phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về năng lực kỹ thuật, tài chính để thực hiện gói</p>

30-C.1  
TÁY  
ÊN  
GIA  
HA

	<p>thầu. Trường hợp thực tế nhà thầu không còn đáp ứng cơ bản yêu cầu về năng lực và kinh nghiệm theo quy định nêu trong HSMT thì Chủ đầu tư sẽ từ chối ký kết hợp đồng với nhà thầu. Chủ đầu tư sẽ hủy quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu, thông báo chấp thuận HSĐT và trao hợp đồng trước đó và mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào thương thảo hợp đồng.</p>
<p><b>41. Bảo đảm thực hiện hợp đồng</b></p>	<p>41.1. Trước khi ký kết hợp đồng hoặc trước thời điểm hợp đồng có hiệu lực, nhà thầu trúng thầu phải nộp thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng trong nước, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam theo quy định tại Mục 5.1 ĐKCT. Thư bảo lãnh thực hiện hợp đồng phải áp dụng Mẫu số 17 Chương VIII - Biểu mẫu hợp đồng hoặc một mẫu khác được Chủ đầu tư chấp thuận.</p> <p>41.2. Nhà thầu không được hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng trong trường hợp sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a) Từ chối thực hiện hợp đồng khi hợp đồng có hiệu lực;</li> <li>b) Vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng;</li> <li>c) Thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của mình nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng.</li> </ul> <p>41.3. Trường hợp nhà thầu trúng thầu không nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng hoặc không ký kết hợp đồng, Chủ đầu tư có thể hủy kết quả lựa chọn nhà thầu và mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào thương thảo.</p>
<p><b>42. Giải quyết kiến nghị trong đấu thầu</b></p>	<p>Khi thấy quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị ảnh hưởng, nhà thầu có quyền gửi đơn kiến nghị về các vấn đề trong quá trình lựa chọn nhà thầu, kết quả lựa chọn nhà thầu đến Chủ đầu tư, Người có thẩm quyền, Hội đồng tư vấn theo địa chỉ quy định tại <b>BDL</b>. Việc giải quyết kiến nghị trong đấu thầu được thực hiện theo quy định tại Mục 2 Chương IX Luật Đấu thầu và Chương XII Nghị định số 214/2025/NĐ-CP.</p>
<p><b>43. Theo dõi, giám sát quá trình lựa chọn nhà thầu</b></p>	<p>Khi phát hiện hành vi, nội dung không phù hợp quy định của pháp luật đấu thầu, nhà thầu có trách nhiệm thông báo cho tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ theo dõi, giám sát theo quy định tại <b>BDL</b>.</p>



## Chương II. BẢNG DỮ LIỆU ĐẦU THẦU

<b>CDNT 1.1</b>	Tên ĐVTCĐT: Nhà máy In tiền Quốc gia.
<b>CDNT 1.2</b>	Tên gói thầu: Cung cấp và lắp đặt máy đóng gói co màng nylon. Tên dự án: Dự án đầu tư xây dựng Nhà máy In tiền Quốc gia (Dự án NH.09B).
<b>CDNT 2</b>	Nguồn vốn: Quỹ thực hiện chính sách tiền tệ quốc gia.
<b>CDNT 4.4</b>	<p>Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu theo quy định như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhà thầu tham dự thầu không có cổ phần hoặc vốn góp trên 30% với:</li> <li>+ Chủ đầu tư: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam Địa chỉ: Số 49 Lý Thái Tổ - phường Hoàn Kiếm - Thành phố Hà Nội - Việt Nam</li> <li>+ ĐVTCĐT: Nhà máy In tiền Quốc gia Địa chỉ: Số 30 đường Phạm Văn Đồng - phường Nghĩa Đô - Thành phố Hà Nội - Việt Nam</li> <li>- Nhà thầu tham dự thầu không có cổ phần hoặc vốn góp với các nhà thầu tư vấn; không cùng có cổ phần hoặc vốn góp trên 20% của một tổ chức, cá nhân khác với từng bên, cụ thể như sau:</li> <li>+ Tư vấn lập hồ sơ thiết kế, dự toán: Công ty TNHH MTV Tư vấn thiết kế và Đầu tư xây dựng - Bộ Quốc Phòng (DCCD) Địa chỉ: số 21 Lê Văn Lương - Thanh Xuân - Hà Nội - Việt Nam</li> <li>+ Tư vấn thẩm tra hồ sơ thiết kế, dự toán: Viện Khoa học Công nghệ Xây dựng (IBST) Địa chỉ: số 81 Trần Cung - Nghĩa Đô - Hà Nội - Việt Nam</li> </ul> <p>Nhà thầu tham dự thầu không cùng thuộc một cơ quan hoặc tổ chức trực tiếp quản lý với nhà thầu tư vấn (đã nêu trên).</p> <p>Tỷ lệ cổ phần, vốn góp giữa các bên được xác định tại thời điểm đóng thầu và theo tỷ lệ ghi trong giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập, các giấy tờ khác có giá trị tương đương.</p> <p>Trường hợp nhà thầu tham dự thầu với tư cách liên danh hoặc nhà thầu tư vấn được lựa chọn với tư cách liên danh, tỷ lệ sở hữu vốn của tổ chức, cá nhân khác trong liên danh được xác định theo công thức sau:</p> $\text{Tỷ lệ sở hữu vốn} = \sum_{i=1}^n X_i \times Y_i$

	<p>Trong đó:</p> <p><math>X_i</math>: Tỷ lệ sở hữu vốn của tổ chức, cá nhân khác trong thành viên liên danh thứ <math>i</math>;</p> <p><math>Y_i</math>: Tỷ lệ phần trăm (%) khối lượng công việc của thành viên liên danh thứ <math>i</math> trong thỏa thuận liên danh;</p> <p><math>n</math>: Số thành viên tham gia trong liên danh.</p> <p>- Nhà thầu trong nước thuộc trường hợp quy định tại điểm g khoản 1 Điều 10 của Luật Đấu thầu khi chào thầu sản phẩm do nhà thầu đó sản xuất không phải đáp ứng quy định về bảo đảm cạnh tranh quy định tại Mục này.</p>
<b>CDNT 6.2</b>	Hội nghị tiền đấu thầu: không.
<b>CDNT 7.3</b>	Thời gian đăng tải Quyết định sửa đổi HSMT và gửi các nội dung sửa đổi cho các nhà thầu đã nhận HSMT từ ĐVTCĐT trước ngày có thời điểm đóng thầu tối thiểu là: 15 ngày.
<b>CDNT 9</b>	<p>Ngôn ngữ quy định của HSMT là: tiếng Việt và tiếng Anh. Nếu có bất kỳ sự khác biệt giữa bản tiếng Việt và bản tiếng Anh thì căn cứ vào bản tiếng Việt.</p> <p>Căn cứ HSMT được phát hành, nhà thầu lập HSDT. Ngôn ngữ quy định là:</p> <p>- Đối với nhà thầu nước ngoài:</p> <p>HSDT cũng như tất cả các thư từ liên quan đến HSDT trao đổi giữa nhà thầu với ĐVTCĐT được viết bằng tiếng Anh và tiếng Việt.</p> <p>Các tài liệu và tư liệu bổ trợ trong HSDT có thể được viết bằng ngôn ngữ khác đồng thời kèm theo bản dịch công chứng sang tiếng Việt và tiếng Anh. Nếu có bất kỳ sự khác biệt giữa bản tiếng Việt và bản tiếng Anh thì căn cứ vào bản tiếng Việt. Trường hợp thiếu bản dịch, nếu cần thiết, ĐVTCĐT có thể yêu cầu nhà thầu gửi bổ sung.</p> <p>- Đối với nhà thầu trong nước:</p> <p>HSDT cũng như tất cả các thư từ liên quan đến HSDT trao đổi giữa nhà thầu với ĐVTCĐT được viết bằng tiếng Việt.</p> <p>- Các tài liệu kỹ thuật (thông số kỹ thuật, catalog, bản vẽ): tiếng Anh và/hoặc tiếng Việt.</p>
<b>CDNT 10.10</b>	Nhà thầu phải nộp cùng với HSDT các tài liệu sau đây: Không yêu cầu.
<b>CDNT 12.1</b>	Nhà thầu không được phép nộp đề xuất phương án kỹ thuật thay thế.

CDNT 13.4	Các phần của gói thầu: Không áp dụng.
CDNT 13.5	Ấn bản Incoterms: Incoterms 2025.
CDNT 13.6(a)(iii)	Địa điểm dự án: Khu Công nghệ cao Hòa Lạc, Hà Nội, Việt Nam.
CDNT 13.6(b)(ii)	<p><b>A.</b> Trong bảng giá, nhà thầu nước ngoài phải chào giá theo các yêu cầu sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đối với hàng hoá được sản xuất, gia công ở nước ngoài: nhà thầu chào giá của hàng hoá theo giá CFR cảng biển Hải Phòng, Việt Nam, Incoterms 2025 theo Mẫu số 05(a1) Chương IV – Biểu mẫu dự thầu”.</li> <li>- Nhà thầu chào các chi phí cho các dịch vụ kỹ thuật liên quan để thực hiện gói thầu theo Mẫu số 05(b1) Chương IV - Biểu mẫu dự thầu.</li> </ul> <p>Trong biểu giá, nhà thầu phải phân tích các nội dung cấu thành của giá chào theo các yêu cầu sau:</p> <p style="text-align: center;"><b>Thực hiện theo Mẫu số 05(a1) và Mẫu số 05(b1) Chương IV – Biểu mẫu dự thầu, nhà thầu tách rõ các khoản mục chi phí như:</b></p> <p style="text-align: center;"><b>1. Cơ cấu giá</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chào giá hàng hóa theo giá CFR cảng biển Hải Phòng, Việt Nam, Incoterms 2025;</li> <li>- Chào đầy đủ các chi phí cho vận chuyển và chi phí khác có liên quan đến vận chuyển từ cảng Bên bán đến cảng biển Hải Phòng, Việt Nam;</li> <li>- Chào đầy đủ các chi phí cho dịch vụ kỹ thuật kèm theo.</li> </ul> <p><b>Lưu ý:</b> Giá dự thầu phải bao gồm tất cả các chi phí cho các yếu tố rủi ro và chi phí trượt giá có thể xảy ra trong quá trình thực hiện hợp đồng.</p> <p style="text-align: center;"><b>2. Chi tiết giá chào thầu như sau:</b></p> <p style="text-align: center;"><b>Giá chào thầu = A + B + C</b></p> <p>A: Giá máy đóng gói co màng nylon theo giá FOB cảng biển Bên Bán, bao gồm: Giá máy móc thiết bị đồng bộ hoàn chỉnh; vật tư chạy thử nghiệm thu và các vật tư, thiết bị, phụ tùng bắt buộc phải có;</p> <p>B: Cước phí vận chuyển đường biển từ cảng Bên bán đến cảng biển Hải Phòng, Việt Nam;</p> <p style="text-align: center;"><b>TÍNH TỔNG GIÁ CFR CẢNG BIỂN HẢI PHÒNG, VIỆT NAM = A + B.</b></p> <p>C: Chi phí lắp đặt, đào tạo, chạy thử và nghiệm thu tại cơ sở Bên mua; Chi phí bảo trì, bảo hành thiết bị.</p>

492  
IA  
V T  
JOC  
PH

**B. Thuế nhà thầu nước ngoài phải nộp theo quy định của pháp luật Việt Nam:**

Tổng thuế nhà thầu phải nộp: (I) + (II) + (III)

Trong đó:

(I): Thuế thu nhập doanh nghiệp cho phần giá hàng hóa;

(II): Thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp cho phần cước vận chuyển hàng hóa;

(III): Thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp tính cho phần giá dịch vụ.

(I), (II), (III) được tính như sau:

**3.1. Thuế thu nhập doanh nghiệp cho phần giá hàng hóa (I):**

- Thuế thu nhập doanh nghiệp cho phần giá hàng hóa:

$$= A \times 1\%$$

**3.2. Thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp cho phần cước vận chuyển hàng hóa (II):**

- Thuế giá trị gia tăng:

$$= B \times 3\% = B1$$

- Doanh thu tính thuế thu nhập doanh nghiệp:

$$= B - B1$$

+ Thuế thu nhập doanh nghiệp:

$$= (B - B1) \times 2\%$$

**3.3. Thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp cho phần giá dịch vụ (III):**

- Thuế giá trị gia tăng:  $= C \times 5\% = C1$

- Doanh thu tính thuế thu nhập doanh nghiệp:

$$= C - C1$$

+ Thuế thu nhập doanh nghiệp:

$$= (C - C1) \times 5\%$$

Thuế Nhà thầu: Bao gồm thuế TNDN và GTGT nói trên là số tiền Nhà thầu nước ngoài phải nộp theo quy định tại Thông tư số 103/2014/TT-BTC ngày 06/8/2014 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện nghĩa vụ thuế áp dụng đối với tổ chức, cá nhân nước ngoài kinh doanh tại Việt Nam hoặc có thu nhập tại Việt Nam. ĐVTCDT kê khai, nộp thay cho Nhà thầu và khấu trừ số tiền thuế nhà thầu khi thanh toán hợp đồng.

	<p>Số tiền thuế cụ thể sẽ được hai bên xác định khi thương thảo hợp đồng. Số tiền thuế phát sinh tăng hoặc giảm theo thông báo quyết toán của cơ quan thuế Việt Nam, bên Mua sẽ thông báo cho bên Bán để nộp bổ sung hoặc hoàn trả số tiền đã nộp thừa.</p> <p>Ngoài các khoản thuế nêu trên, khi có yêu cầu của cơ quan thuế Việt Nam đối với việc thực hiện các khoản thuế khác theo quy định của pháp luật Việt Nam, nhà thầu phải có trách nhiệm nộp đầy đủ các khoản thuế này.</p> <p><b>Lưu ý:</b> Nhà thầu không phải kê khai các loại thuế nêu trên trong biểu giá chào.</p> <p>Trường hợp Nhà thầu nước ngoài thuộc diện được miễn thuế, giảm thuế do áp dụng Hiệp định tránh đánh thuế hai lần giữa Việt Nam và các nước, vùng lãnh thổ khác thì thực hiện theo Thông tư 80/2021/TT-BTC ngày 29/9/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư 40/2025/TT-BTC ngày 13/6/2025; và Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế; Luật Quản lý thuế năm 2019 được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 91/2022/NĐ-CP ngày 30/10/2022.</p> <p>Trong vòng 07 ngày sau khi ký hợp đồng, Nhà thầu nước ngoài gửi ĐVTCDT các giấy tờ để làm Hồ sơ thông báo thuộc diện miễn, giảm thuế.</p>
<p><b>CDNT 14.1</b></p>	<p>Đồng tiền dự thầu: Nhà thầu có thể chào giá cho gói thầu bằng một hoặc một số các đồng tiền sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Đồng Việt Nam (VND);</li> <li>+ Đồng EURO (EUR);</li> <li>+ Đồng Yên Nhật Bản (JPY).</li> </ul> <p>- Đồng tiền dự thầu phải bảo đảm nguyên tắc một hạng mục công việc cụ thể thì nhà thầu chỉ được chào thầu bằng một đồng tiền.</p> <p>- Đồng tiền thanh toán cho các hạng mục công việc phải tương ứng với đồng tiền dự thầu cho hạng mục công việc đó. Các chi phí trong nước chỉ được thanh toán bằng VND.</p> <p>- Đồng tiền được sử dụng để quy đổi tất cả các giá dự thầu từ nhiều loại tiền khác nhau thành một loại tiền duy nhất (đồng tiền quy đổi) nhằm phục vụ việc đánh giá và so sánh HSDT là: đồng Việt Nam (VND) theo tỷ giá bán ra của Vietcombank công bố vào thời điểm mở HSDT.</p>



<b>CDNT 15.5</b>	Xuất xứ của hàng hóa phải từ các quốc gia và vùng lãnh thổ: Không áp dụng
<b>CDNT 15.8</b>	Thời hạn sử dụng dự kiến của hàng hóa (để yêu cầu vật tư, phụ tùng thay thế): 20 năm. Trường hợp nhà thầu trúng thầu, trong quá trình thực hiện vì lý do bất khả kháng mà nhà thầu không thể cung cấp phụ tùng thay thế trong thời hạn cam kết thì nhà thầu phải gửi văn bản tới ĐVTCĐT và cùng phối hợp xử lý, đảm bảo quyền lợi các bên.
<b>CDNT 16.2</b>	<p>Yêu cầu về tài liệu để chứng minh năng lực thực hiện hợp đồng của nhà thầu:</p> <p>Trường hợp nhà thầu không tự sản xuất hoặc chế tạo hàng hóa được chào trong HSDT của mình thì nhà thầu phải nộp giấy phép bán hàng, giấy ủy quyền bán hàng của nhà sản xuất hoặc của đại lý phân phối hoặc giấy chứng nhận quan hệ đối tác hoặc giấy cam kết hỗ trợ kỹ thuật, bảo hành của nhà sản xuất hoặc của đại lý phân phối hoặc tài liệu khác có giá trị tương đương nhằm chứng minh nhà thầu được ủy quyền hợp lệ của nhà sản xuất, đại lý phân phối để cung cấp hàng hóa đó ở Việt Nam. Nhà thầu có thể đính kèm hoặc không đính kèm tài liệu này trong HSDT, kể cả trường hợp HSMT có yêu cầu nhà thầu phải có tài liệu này. Việc nhà thầu không đính kèm tài liệu nêu trên không phải là lý do loại bỏ nhà thầu. Nhà thầu vẫn được tiếp tục xem xét, đánh giá để được xét duyệt trúng thầu. Trường hợp nhà thầu trúng thầu, nhà thầu phải xuất trình được tài liệu nêu trên trước khi ký hợp đồng và chịu trách nhiệm về tính chính xác của những tài liệu, thông tin do mình cung cấp. Trường hợp nhà thầu không xuất trình được giấy phép bán hàng, giấy ủy quyền bán hàng của nhà sản xuất hoặc của đại lý phân phối hoặc giấy chứng nhận quan hệ đối tác hoặc giấy cam kết hỗ trợ kỹ thuật, bảo hành của nhà sản xuất hoặc của đại lý phân phối hoặc tài liệu khác có giá trị tương đương để ký hợp đồng thì mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào thương thảo hợp đồng.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cam kết có chế độ bảo hành hàng hóa từ 12 tháng trở lên, kể từ ngày ký biên bản nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng.</li> <li>- Cam kết có năng lực tự thực hiện các nghĩa vụ bảo hành, bảo trì, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, cung cấp phụ tùng thay thế hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng theo yêu cầu của HSMT.</li> </ul>
<b>CDNT 17.1</b>	Thời hạn hiệu lực của HSDT là: $\geq 180$ ngày, kể từ ngày có thời điểm đóng thầu.



<b>CDNT 18.2</b>	<p>Nội dung bảo đảm dự thầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giá trị và đồng tiền bảo đảm dự thầu: 106.800.000 VND (một trăm linh sáu triệu tám trăm nghìn đồng) hoặc 3.300 EUR (ba nghìn ba trăm Euro) hoặc 582.200 JPY (năm trăm tám mươi hai nghìn hai trăm JPY).</li> <li>- Thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu: <math>\geq 210</math> ngày, kể từ ngày có thời điểm đóng thầu (Thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu được xác định bằng thời gian có hiệu lực của HSDT cộng thêm 30 ngày).</li> </ul> <p>Đối với nhà thầu có tên trong danh sách nhà thầu có các hành vi quy định tại khoản 1 Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP và được đăng tải trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu với giá trị gấp 03 lần giá trị yêu cầu nêu trên trong thời hạn 02 năm kể từ lần cuối cùng thực hiện các hành vi này. Trường hợp nhà thầu liên danh, thành viên liên danh có các hành vi quy định tại khoản 1 Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP nêu trên phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu với giá trị gấp 03 lần giá trị bảo đảm dự thầu tương ứng với tỷ lệ giá trị công việc thành viên đó đảm nhận trong liên danh trong thời hạn 02 năm kể từ lần cuối cùng thực hiện hành vi này.</p>
<b>CDNT 18.4</b>	<p>Nhà thầu không được lựa chọn sẽ được hoàn trả hoặc giải tỏa bảo đảm dự thầu trong thời hạn tối đa là 14 ngày, kể từ ngày kết quả lựa chọn nhà thầu được phê duyệt.</p>
<b>CDNT 19.1</b>	<p>Số lượng bản chụp HSDT là:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Đối với nhà thầu nước ngoài: 04 bản chụp bằng tiếng Việt và 04 bản chụp bằng tiếng Anh;</li> <li>+ Đối với nhà thầu trong nước: 04 bản chụp bằng tiếng Việt.</li> </ul> <p>Trường hợp sửa đổi, thay thế HSDT hoặc đề xuất phương án kỹ thuật thay thế thì nhà thầu phải nộp các bản chụp hồ sơ sửa đổi, thay thế hoặc đề xuất phương án kỹ thuật thay thế với số lượng bằng số lượng bản chụp HSDT.</p>
<b>CDNT 21.1</b>	<p>1. Nhà thầu có trách nhiệm đến địa chỉ của ĐVTCĐT để nhận bản HSMT đầy đủ của gói thầu để làm cơ sở lập HSDT. Nhà thầu nộp HSDT tại địa chỉ của ĐVTCĐT. Địa chỉ của ĐVTCĐT như sau:</p> <p>Nhà máy In tiền Quốc gia Số 30 - đường Phạm Văn Đồng - phường Nghĩa Đô - thành phố Hà Nội - Việt Nam</p>

	2. Thời điểm đóng thầu là: <u>14</u> giờ <u>00</u> phút, ngày <u>23</u> tháng <u>3</u> năm 2026
<b>CDNT 24.1</b>	Việc mở HSDT sẽ được tiến hành công khai vào lúc: <u>14</u> giờ <u>30</u> phút, ngày <u>23</u> tháng <u>3</u> năm 2026, tại địa điểm mở thầu theo địa chỉ như sau: Nhà máy In tiền Quốc gia Số 30 - đường Phạm Văn Đồng - phường Nghĩa Đô - thành phố Hà Nội - Việt Nam
<b>CDNT 26.3</b>	Nhà thầu được tự gửi tài liệu để làm rõ HSDT đến ĐVTCĐT trong vòng: 05 ngày làm việc, kể từ ngày có thời điểm đóng thầu.
<b>CDNT 30.2</b>	Sử dụng nhà thầu phụ: Không được sử dụng.
<b>CDNT 32.1</b>	Biện pháp ưu đãi: Nhà thầu được hưởng ưu đãi khi cung cấp hàng hóa mà hàng hóa đó có chi phí sản xuất trong nước chiếm tỷ lệ từ 25% trở lên hoặc là sản phẩm đổi mới sáng tạo có xuất xứ Việt Nam, sản phẩm quy định tại điểm i khoản 1 Điều 10 của Luật Đấu thầu.
<b>CDNT 32.2</b>	Nguyên tắc ưu đãi: a) Trường hợp nhà thầu thuộc đối tượng được áp dụng nhiều hơn một loại ưu đãi thì khi tính ưu đãi chỉ được hưởng một loại ưu đãi cao nhất theo quy định của HSMT; b) Trường hợp sau khi tính ưu đãi, nếu các HSDT xếp hạng ngang nhau thì ưu tiên cho nhà thầu có đề xuất chi phí trong nước cao hơn hoặc sử dụng nhiều lao động trong nước hơn (tính trên giá trị tiền lương, tiền công chi trả).
<b>CDNT 32.3</b>	Đối tượng ưu đãi: Nhà thầu được hưởng ưu đãi khi hàng hóa mà nhà thầu chào có chi phí sản xuất trong nước chiếm tỷ lệ từ 25% trở lên. Tỷ lệ % chi phí sản xuất trong nước của hàng hóa được tính theo công thức sau đây: $D (\%) = G^*/G (\%)$ Trong đó: - G*: Chi phí sản xuất trong nước được tính bằng cách lấy giá chào của hàng hóa trong HSDT trừ đi các chi phí nhập ngoại bao gồm cả giá trị thuế, phí, lệ phí; hoặc được tính bằng tổng các chi phí sản xuất trong nước; - G: Giá chào của hàng hóa trong HSDT trừ đi giá trị thuế;

<p><b>CDNT 32.4</b></p>	<p>- D: Tỷ lệ % chi phí sản xuất trong nước của hàng hóa.</p> <p>Cách tính ưu đãi:</p> <p>a) Ưu đãi đối với hàng hóa có xuất xứ Việt Nam có tỷ lệ chi phí sản xuất trong nước dưới 50% và không có hàng hóa nào có chi phí sản xuất trong nước từ 50% trở lên được xác định như sau:</p> <p>Hàng hóa không thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi phải cộng thêm một khoản tiền bằng 7,5% giá dự thầu trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) của hàng hóa đó vào giá đánh giá của nhà thầu để so sánh, xếp hạng;</p> <p>Đối với trường hợp nhà thầu chào hàng hóa có xuất xứ Việt Nam có tỷ lệ chi phí sản xuất trong nước dưới 50% mà cơ sở sản xuất có từ 50% lao động là người khuyết tật, thương binh, dân tộc thiểu số có hợp đồng lao động với thời gian thực hiện hợp đồng từ 03 tháng trở lên và đến thời điểm đóng thầu hợp đồng vẫn còn hiệu lực thì được hưởng hệ số ưu đãi 10% thay cho hệ số ưu đãi 7,5%.</p> <p>b) Ưu đãi đối với hàng hóa có xuất xứ Việt Nam có tỷ lệ chi phí sản xuất trong nước từ 50% trở lên được xác định như sau:</p> <p>Hàng hóa không thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi phải cộng thêm một khoản tiền bằng 10% giá dự thầu trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) của hàng hóa đó vào giá đánh giá của nhà thầu để so sánh, xếp hạng; hàng hóa thuộc đối tượng ưu đãi mà có tỷ lệ chi phí sản xuất trong nước dưới 50% phải cộng thêm một khoản tiền bằng 2,5% giá dự thầu trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) của hàng hóa đó vào giá đánh giá của nhà thầu để so sánh, xếp hạng; hàng hóa có xuất xứ Việt Nam có tỷ lệ chi phí sản xuất trong nước dưới 50% mà cơ sở sản xuất có từ 50% lao động là người khuyết tật, thương binh, dân tộc thiểu số có hợp đồng lao động với thời gian thực hiện hợp đồng từ 03 tháng trở lên và đến thời điểm đóng thầu hợp đồng vẫn còn hiệu lực thì không phải cộng thêm tiền vào giá đánh giá của nhà thầu để so sánh, xếp hạng;</p> <p>Đối với các trường hợp nhà thầu chào hàng hóa có xuất xứ Việt Nam có tỷ lệ chi phí sản xuất trong nước từ 50% trở lên mà cơ sở sản xuất có từ 50% lao động là người khuyết tật, thương binh, dân tộc thiểu số có hợp đồng lao động với thời gian thực hiện hợp đồng từ 03 tháng trở lên, đến thời điểm đóng thầu hợp đồng vẫn còn hiệu lực thì được hưởng hệ số ưu đãi 12% thay cho hệ số ưu đãi 10%.</p> <p>c) Ưu đãi đối với hàng hóa là sản phẩm đổi mới sáng tạo có xuất xứ Việt Nam, sản phẩm quy định tại điểm i khoản 1 Điều 10 của Luật Đấu thầu như sau:</p>
-------------------------	---

Hàng hóa không thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi phải cộng thêm một khoản tiền bằng 15% giá dự thầu trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) của hàng hóa đó vào giá đánh giá của nhà thầu để so sánh, xếp hạng; hàng hóa thuộc đối tượng ưu đãi mà có tỷ lệ chi phí sản xuất trong nước dưới 50% phải cộng thêm một khoản tiền bằng 7,5% giá dự thầu trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) của hàng hóa đó vào giá đánh giá của nhà thầu để so sánh, xếp hạng; hàng hóa thuộc đối tượng ưu đãi mà có tỷ lệ chi phí sản xuất trong nước từ 50% trở lên phải cộng thêm một khoản tiền bằng 5% giá dự thầu trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) của hàng hóa đó vào giá đánh giá của nhà thầu để so sánh, xếp hạng;

Đối với các hàng hóa không phải là sản phẩm đổi mới sáng tạo xuất xứ Việt Nam, sản phẩm quy định tại điểm i khoản 1 Điều 10 của Luật Đấu thầu, trường hợp nhà thầu chào hàng hóa có xuất xứ Việt Nam có tỷ lệ chi phí sản xuất trong nước dưới 50% thì khi tính ưu đãi, hệ số 15% được thay bằng 7,5%; hàng hóa có xuất xứ Việt Nam có tỷ lệ chi phí sản xuất trong nước từ 50% trở lên thì khi tính ưu đãi, hệ số 15% được thay bằng 10%.

d) Sản phẩm đổi mới sáng tạo được hưởng ưu đãi theo quy định tại điểm c khoản này khi đáp ứng một trong các điều kiện sau:

- Sản phẩm thuộc danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển hoặc danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ;
- Sản phẩm, hàng hóa từ kết quả của nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đặc biệt, sản phẩm, hàng hóa từ kết quả của nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong nước theo quy định của pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;
- Sản phẩm được tạo ra trên cơ sở sáng chế, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn, giống cây trồng của chính nhà thầu được cấp văn bằng bảo hộ trong thời hạn không quá 05 năm kể từ ngày được cấp hoặc chương trình máy tính của chính nhà thầu trong thời hạn không quá 05 năm kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả;
- Sản phẩm chip bán dẫn;
- Sản phẩm đạt giải thưởng Hồ Chí Minh, giải thưởng nhà nước về khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật về giải thưởng thi đua khen thưởng và pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;
- Sản phẩm mới tạo ra từ kết quả nghiên cứu và phát triển tại một trong các cơ sở của Trung tâm Đổi mới sáng tạo Quốc gia hoặc trung tâm đổi



	<p>mới sáng tạo cấp quốc gia, trung tâm đổi mới sáng tạo cấp tỉnh;</p> <p>- Sản phẩm mới tạo ra từ kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ.</p> <p>Sản phẩm đổi mới sáng tạo quy định tại khoản này được hưởng ưu đãi trong thời hạn 06 năm kể từ lần đầu được sản xuất và đủ điều kiện để đưa ra thị trường.</p>
<b>CDNT 33.1</b>	<p>Phương pháp đánh giá HSDT là:</p> <p>a) Đánh giá về năng lực và kinh nghiệm: sử dụng tiêu chí đạt/không đạt;</p> <p>b) Đánh giá về kỹ thuật: áp dụng phương pháp đánh giá theo tiêu chí đạt/không đạt;</p> <p>c) Đánh giá về tài chính: áp dụng phương pháp giá đánh giá.</p>
<b>CDNT 33.5</b>	<p>Xếp hạng nhà thầu: Nhà thầu có giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có), được quy đổi các chi phí về cùng một mặt bằng để so sánh có giá thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.</p> <p>Nhà thầu có giá đánh giá thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.</p>
<b>CDNT 35.6</b>	<p>Nhà thầu có giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giảm giá (nếu có), được quy đổi các chi phí về cùng một mặt bằng để so sánh có giá đánh giá là thấp nhất.</p> <p>Nhà thầu có giá đánh giá thấp nhất.</p>
<b>CDNT 38.1</b>	<p>Tỷ lệ tăng khối lượng tối đa là: 0%;</p> <p>Tỷ lệ giảm khối lượng tối đa là: 0%.</p>
<b>CDNT 38.2</b>	<p>Khối lượng tùy chọn mua thêm: không áp dụng.</p>
<b>CDNT 42</b>	<p>- Địa chỉ của Chủ đầu tư: <b>NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM</b> Số 49 Lý Thái Tổ - phường Hoàn Kiếm - Thành phố Hà Nội – Việt Nam. Điện thoại: +84 243 9351311</p> <p>- Địa chỉ của Người có thẩm quyền: <b>THỐNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM</b> Số 49 Lý Thái Tổ - phường Hoàn Kiếm - Thành phố Hà Nội – Việt Nam. Điện thoại: +84 243 8243019</p> <p>- Địa chỉ của bộ phận thường trực giúp việc Hội đồng tư vấn:</p>

	<p><b>NHÀ MÁY IN TIỀN QUỐC GIA</b> Số 30 đường Phạm Văn Đồng - phường Nghĩa Đô - Thành phố Hà Nội – Việt Nam. Điện thoại: +84 24 37548244. Fax: +84 24 37548430.</p>
<b>CDNT 43</b>	<p>Địa chỉ của tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ giám sát: <b>VỤ TÀI CHÍNH KẾ TOÁN</b> <b>NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM</b> Số 49 Lý Thái Tổ - phường Hoàn Kiếm - Thành phố Hà Nội – Việt Nam Điện thoại: +84 243 8268776</p>

### Chương III. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ HSDT

#### Mục 1. Kiểm tra và đánh giá tính hợp lệ của HSDT

##### 1.1. Kiểm tra tính hợp lệ của HSDT:

- a) Kiểm tra số lượng bản gốc, bản chụp HSDT;
- b) Kiểm tra các thành phần của bản gốc HSDT, trong đó có: đơn dự thầu, thỏa thuận liên danh (nếu có), tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của người ký đơn (nếu có); bảo đảm dự thầu; tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ; tài liệu chứng minh năng lực và kinh nghiệm; đề xuất về kỹ thuật; đề xuất về tài chính và các thành phần khác thuộc HSDT theo quy định tại Mục 10 CDNT;
- c) Kiểm tra sự thống nhất nội dung giữa bản gốc và bản chụp để phục vụ quá trình đánh giá chi tiết HSDT.

Việc kiểm tra HSDT không phải là lý do để loại HSDT.

##### 1.2. Đánh giá tính hợp lệ của HSDT:

HSDT của nhà thầu được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:

- a) Có bản gốc HSDT;
- b) Có đơn dự thầu được đại diện hợp pháp của nhà thầu ký tên, đóng dấu (nếu có) theo yêu cầu của HSMT; thời gian ký đơn dự thầu phải phù hợp với thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu; giá dự thầu ghi trong đơn dự thầu phải cụ thể, cố định bằng số, bằng chữ và giá dự thầu bằng số hoặc bằng chữ phải phù hợp, logic với tổng giá dự thầu ghi trong bảng tổng hợp giá dự thầu, không đề xuất các giá dự thầu khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho cơ quan mua sắm. Đối với nhà thầu liên danh, đơn dự thầu phải do đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có) hoặc thành viên được phân công thay mặt liên danh ký đơn dự thầu theo phân công trách nhiệm trong văn bản thỏa thuận liên danh;
- c) Thời hạn hiệu lực của HSDT đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 17.1 CDNT;
- d) Có bảo đảm dự thầu không vi phạm một trong các trường hợp quy định tại Mục 18.3 CDNT. Thư bảo lãnh phải được đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng trong nước hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam ký tên, đóng dấu (nếu có) với giá trị bảo lãnh, thời hạn có hiệu lực và đơn vị thụ hưởng theo yêu cầu của HSMT. Thư bảo lãnh không được ký trước khi ĐVTCĐT phát hành HSMT; không được ký trước thời điểm ký thỏa thuận liên danh đối với trường hợp liên danh; không được kèm theo các điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư, ĐVTCĐT (trong đó bao gồm việc không đáp ứng đủ các cam kết theo quy định tại Mẫu số 04(a), Mẫu số 04(b) Chương IV - Biểu mẫu dự thầu);

225C  
M/ TIẾ  
ỔC  
PHỔ

đ) Nhà thầu không có tên trong hai hoặc nhiều HSDT với tư cách là nhà thầu chính (nhà thầu độc lập hoặc thành viên trong liên danh). Trường hợp gói thầu chia thành nhiều phần độc lập thì nhà thầu không có tên trong hai hoặc nhiều HSDT với tư cách là nhà thầu chính đối với phần mà nhà thầu tham dự thầu;

e) Trường hợp nhà thầu liên danh thì thỏa thuận liên danh phải được đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có) và trong thỏa thuận liên danh phải nêu rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện theo Mẫu số 03 Chương IV - Biểu mẫu dự thầu. Việc phân chia công việc trong liên danh phải căn cứ các hạng mục nêu trong bảng giá dự thầu của hàng hóa quy định tại các Mẫu số 05(a1) Chương IV - Biểu mẫu dự thầu và dịch vụ liên quan quy định tại Mẫu số 05(b1) Chương IV - Biểu mẫu dự thầu và không được phân chia các công việc không thuộc các hạng mục này. Trường hợp phạm vi cung cấp chỉ bao gồm một đơn vị hàng hóa (một chiếc, một cái...) và không có dịch vụ liên quan thì nhà thầu không được liên danh với nhà thầu khác; trường hợp nhà thầu vẫn liên danh thì thỏa thuận liên danh được coi là không hợp lệ, nhà thầu sẽ bị loại;

g) Nhà thầu không đang trong thời gian bị cấm tham gia hoạt động đấu thầu; Không trong trạng thái bị tạm ngừng, chấm dứt tham gia Hệ thống.

h) Nhà thầu bảo đảm tư cách hợp lệ theo quy định tại Mục 4 CDNT.

i) Trong thời hạn 03 năm trước thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có nhân sự (ký kết hợp đồng lao động với nhà thầu tại thời điểm nhân sự thực hiện hành vi vi phạm) bị tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng theo quy định của pháp luật về hình sự nhằm mục đích cho nhà thầu đó trúng thầu.

Nhà thầu có HSDT hợp lệ được xem xét, đánh giá tiếp về năng lực và kinh nghiệm.

## **Mục 2. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm**

Tiêu chuẩn đánh giá năng lực và kinh nghiệm thực hiện theo quy định tại Bảng số 01 (đối với nhà thầu không phải là nhà sản xuất ra hàng hóa thuộc phạm vi của gói thầu) hoặc Bảng số 02 (đối với nhà thầu là nhà sản xuất ra hàng hóa thuộc phạm vi của gói thầu); nhà thầu được đánh giá là đạt về năng lực và kinh nghiệm khi đáp ứng tất cả các tiêu chuẩn đánh giá.

Trường hợp đồng tiền nêu trong các hợp đồng tương tự hoặc xác nhận thanh toán của Chủ đầu tư đối với những hợp đồng cung cấp hàng hóa đã thực hiện hoặc tờ khai nộp thuế hoặc các tài liệu liên quan chứng minh năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu không phải đồng tiền nêu tại Bảng tiêu chuẩn đánh giá năng lực, kinh nghiệm trong HSMT tương ứng với từng tiêu chí thì khi lập HSDT, nhà thầu phải quy đổi về đồng tiền tương ứng nêu tại HSMT để làm cơ sở đánh giá HSDT. Việc quy đổi được thực hiện như sau:

- Thời điểm xác định tỷ giá quy đổi: đối với doanh thu hằng năm hoặc thông tin về tình hình tài chính của nhà thầu trong năm, áp dụng tỷ giá quy đổi được công bố tại ngày cuối cùng của năm đó; đối với giá trị của hợp đồng tương tự, áp dụng tỷ giá quy đổi tại ngày ký hợp đồng tương tự đó.

- Căn cứ xác định tỷ giá quy đổi: tỷ giá bán ra của ngân hàng Vietcombank.

- Đồng tiền trung gian: USD.

Trường hợp nhà thầu tham dự thầu là công ty mẹ (ví dụ như Tổng công ty) có huy động công ty con, công ty thành viên thực hiện một phần công việc của gói thầu thì nhà thầu phải kê khai cụ thể phần công việc dành cho các công ty con, công ty thành viên theo Mẫu số 14 Chương IV - Biểu mẫu dự thầu. Việc đánh giá kinh nghiệm thực hiện hợp đồng tương tự căn cứ vào giá trị, khối lượng công việc do công ty mẹ, công ty con, công ty thành viên đảm nhiệm trong gói thầu.



## BẢNG TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ VỀ NĂNG LỰC VÀ KINH NGHIỆM

*(Đối với nhà thầu không phải là nhà sản xuất<sup>(1)</sup> ra hàng hóa thuộc phạm vi của gói thầu)*

TT	Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm		Các yêu cầu cần tuân thủ			Tài liệu cần nộp
	Mô tả	Yêu cầu	Nhà thầu độc lập	Tổng các thành viên liên danh	Từng thành viên liên danh	
1	Lịch sử không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu	Từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có hợp đồng không hoàn thành do lỗi của nhà thầu <sup>(2)</sup> .	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Mẫu số 11
2	Thực hiện nghĩa vụ thuế	Đã thực hiện nghĩa vụ thuế <sup>(3)</sup> của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Cam kết trong đơn dự thầu
3	<b>Năng lực tài chính</b>					
3.1	<b>Kết quả hoạt động tài chính</b>	Giá trị tài sản ròng của nhà thầu trong năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu phải dương. (Giá trị tài sản ròng = Tổng tài sản - Tổng nợ).	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Mẫu số 12
3.2	<b>Doanh thu bình</b>	Doanh thu bình quân hàng năm (không	Phải thỏa	Phải thỏa	Không áp	Mẫu số

	<p><b>quản hàng năm (không bao gồm thuế VAT)</b></p> <p>bao gồm thuế VAT) của 03 năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu của nhà thầu có giá trị tối thiểu là: 10.684.000.000 VND (mười tỉ sáu trăm tám mươi bốn triệu đồng) hoặc 334.000 EUR (ba trăm ba mươi bốn nghìn EUR) hoặc 58.224.000 JPY (năm mươi tám triệu hai trăm hai mươi bốn nghìn JPY) hoặc 404.000 USD (bốn trăm linh bốn nghìn USD).</p>	mãn yêu cầu này	mãn yêu cầu này	12
<p><b>4</b></p> <p><b>Kinh nghiệm thực hiện hợp đồng cung cấp hàng hóa tương tự</b></p>	<p>Nhà thầu đã hoàn thành tối thiểu 01 hợp đồng tương tự với tư cách là nhà thầu chính (độc lập hoặc thành viên liên danh) hoặc nhà thầu phụ<sup>(4)</sup> trong khoảng thời gian kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 đến thời điểm đóng thầu.</p> <p>Trong đó hợp đồng tương tự là:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có tính chất tương tự: là hợp đồng thực hiện các công việc Cung cấp và lắp đặt máy đóng gói co màng nylon dùng trong ngành công nghiệp in tiền hoặc hợp đồng thực hiện các công việc cung cấp và lắp đặt máy đóng gói co màng nylon các sản phẩm khác hoặc thiết bị có cùng mã HS;</li> <li>- Đã hoàn thành có quy mô (giá trị) tối thiểu: 3.561.000.000 VND (ba tỷ năm trăm sáu mươi một triệu đồng) hoặc</li> </ul>	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu (tương ứng với phần công việc đảm nhận)	Mẫu số 09(a)

5	<p><b>Khả năng bảo hành, bảo trì, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, cung cấp phụ tùng thay thế hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng khác<sup>(5)</sup></b></p>	<p>111.300 EUR (một trăm mười một nghìn ba trăm Euro) hoặc 19.408.000 JPY (mười chín triệu bốn trăm linh tám nghìn JPY) hoặc 134.600 USD (một trăm ba mươi bốn nghìn sáu trăm USD).</p> <p>Nhà thầu phải chứng minh khả năng thực hiện nghĩa vụ bảo hành, bảo trì, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, cung cấp phụ tùng thay thế hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng bằng một trong các cách sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhà thầu cam kết có năng lực tự thực hiện các nghĩa vụ bảo hành, bảo trì, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, cung cấp phụ tùng thay thế hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng theo yêu cầu của HSMT.</li> <li>- Nhà thầu ký hợp đồng nguyên tắc với đơn vị có đủ khả năng thực hiện nghĩa vụ bảo hành, bảo trì, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, cung cấp phụ tùng thay thế hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng theo yêu cầu của HSMT.</li> </ul>	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Cam kết của nhà thầu hoặc hợp đồng nguyên tắc
---	---	---	---------------------------	---------------------------	---------------	---

Ghi chú:

(1) Nhà sản xuất được hiểu là nhà máy sản xuất hoặc công ty con, công ty mẹ phụ trách việc phân phối, tiêu thụ sản phẩm do công ty mẹ, công ty con khác trong Tập đoàn, Tổng công ty sản xuất.

(2) Hợp đồng không hoàn thành do lỗi của nhà thầu bao gồm:

- Hợp đồng bị Chủ đầu tư kết luận nhà thầu không hoàn thành và nhà thầu không phản đối;

- Hợp đồng bị Chủ đầu tư kết luận nhà thầu không hoàn thành, không được nhà thầu chấp thuận nhưng đã được trọng tài hoặc tòa án kết luận theo hướng bất lợi cho nhà thầu.

Các hợp đồng không hoàn thành không bao gồm các hợp đồng mà quyết định của Chủ đầu tư đã bị bác bỏ bằng cơ chế giải quyết tranh chấp. Việc xác định hợp đồng không hoàn thành phải dựa trên tất cả những thông tin về tranh chấp hoặc kiện tụng được giải quyết theo quy định của cơ chế giải quyết tranh chấp của hợp đồng tương ứng và khi mà nhà thầu đã hết tất cả các cơ hội có thể khiếu nại. Đối với các hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của nhà thầu nhưng vẫn hoàn thành hợp đồng thì không được coi là hợp đồng không hoàn thành.

(3) Nhà thầu cung cấp tài liệu chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ thuế của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu.

(4) Đối với các hợp đồng mà nhà thầu đã tham gia với tư cách là thành viên liên danh hoặc nhà thầu phụ thì chỉ tính giá trị phần việc do nhà thầu thực hiện.

(5) Trường hợp nhà thầu thiếu cam kết thì được bổ sung trong quá trình đánh giá HSDT. Trường hợp nhà thầu không bổ sung cam kết trong khoảng thời gian hợp lý theo yêu cầu của ĐVTCĐT thì HSDT của nhà thầu được coi là không đáp ứng yêu cầu về khả năng bảo hành, cung cấp phụ tùng thay thế hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng khác và bị loại.

Đ-C.T  
 ÁY  
 N  
 GIA  
 HÀ

**BẢNG TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ VỀ NĂNG LỰC VÀ KINH NGHIỆM***(Đối với nhà thầu là nhà sản xuất<sup>(1)</sup> ra hàng hóa thuộc phạm vi của gói thầu)*

Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm		Các yêu cầu cần tuân thủ			Tài liệu cần nộp
		Nhà thầu độc lập	Tổng các thành viên liên danh	Từng thành viên liên danh	
<b>TT</b>	<b>Mô tả</b>	<b>Yêu cầu</b>			
1	Lịch sử không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Mẫu số 11
2	Thực hiện nghĩa vụ thuế	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Cam kết trong đơn dự thầu
3	<b>Năng lực tài chính</b>				
3.1	<b>Kết quả hoạt động tài chính</b>	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Mẫu số 12
3.2	<b>Doanh thu bình quân hàng năm (không bao gồm</b>	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Mẫu số 12

	<b>thuế VAT)</b>	trị tối thiểu là: 10.684.000.000 VND (mười tỉ sáu trăm tám mươi bốn triệu đồng) hoặc 334.000 EUR (ba trăm ba mươi bốn nghìn EUR) hoặc 58.224.000 JPY (năm mươi tám triệu hai trăm hai mươi bốn nghìn JPY) hoặc 404.000 USD (bốn trăm linh bốn nghìn USD).			
4	<b>Năng lực sản xuất hàng hóa</b>	<p>Nhà thầu cung cấp tài liệu chứng minh năng lực sản xuất hàng hóa thuộc gói thầu đáp ứng yêu cầu theo một trong các cách sau đây:</p> <p>(i) Công suất thiết kế của nhà máy, dây chuyền sản xuất đạt tối thiểu: 0,166 máy/01 tháng;</p> <p>Hoặc:</p> <p>(ii) Sản lượng sản xuất cao nhất của 01 tháng trong vòng 05 năm gần nhất tính đến thời điểm đóng thầu đạt tối thiểu: 0,166 máy;</p> <p>Hoặc:</p> <p>(iii) Nhà thầu đã hoàn thành tối thiểu 01 hợp đồng với tư cách là nhà thầu chính (độc lập hoặc thành viên liên danh) hoặc nhà thầu phụ<sup>(4)</sup> trong khoảng thời gian kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 đến thời điểm đóng thầu. Tài liệu chứng minh là Hợp đồng mua bán (hoặc Biên bản nghiệm thu) hoặc Thư xác nhận của Chủ đầu tư/Đơn vị ký hợp đồng về hàng hóa đã sản xuất cung cấp, trong đó thể hiện rõ nội dung:</p> <p>- Phạm vi cung cấp: là hợp đồng thực hiện các công việc Cung cấp và lắp đặt máy đóng gói co</p>	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu (tương đương với phân công việc đảm nhận)

Mẫu số  
09(b)



		<p>màng nylon dùng trong ngành công nghiệp in tiền hoặc hợp đồng thực hiện các công việc cung cấp và lắp đặt máy đóng gói co màng nylon các sản phẩm khác hoặc thiết bị có cùng mã HS;</p> <p>- Số lượng: tối thiểu 01 máy.</p>	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	
5	<p><b>Khả năng bảo hành, cung cấp phụ tùng thay thế hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng khác<sup>(5)</sup></b></p>	<p>Nhà thầu phải chứng minh khả năng thực hiện nghĩa vụ bảo hành, cung cấp phụ tùng thay thế hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng bằng một trong các cách sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhà thầu cam kết có năng lực tự thực hiện các nghĩa vụ bảo hành, cung cấp phụ tùng thay thế hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng theo yêu cầu của HSMT.</li> <li>- Nhà thầu ký hợp đồng nguyên tắc với đơn vị có đủ khả năng thực hiện nghĩa vụ bảo hành, cung cấp phụ tùng thay thế hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng theo yêu cầu của HSMT.</li> </ul>	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Cam kết của nhà thầu hoặc hợp đồng nguyên tắc

Ghi chú:

(1) Nhà sản xuất được hiểu là nhà máy sản xuất hoặc công ty con, công ty mẹ phụ trách việc phân phối, tiêu thụ sản phẩm do công ty mẹ, công ty con khác trong Tập đoàn, Tổng công ty sản xuất.

(2) Hợp đồng không hoàn thành do lỗi của nhà thầu bao gồm:

- Hợp đồng bị Chủ đầu tư kết luận nhà thầu không hoàn thành và nhà thầu không phản đối;

- Hợp đồng bị Chủ đầu tư kết luận nhà thầu không hoàn thành, không được nhà thầu chấp thuận nhưng đã được trọng tài hoặc tòa án kết luận theo hướng bất lợi cho nhà thầu.

Các hợp đồng không hoàn thành không bao gồm các hợp đồng mà quyết định của Chủ đầu tư đã bị bác bỏ bằng cơ chế giải quyết tranh chấp. Việc xác định hợp đồng không hoàn thành phải dựa trên tất cả những thông tin về tranh chấp hoặc kiện tụng được giải quyết theo quy định của cơ chế giải quyết tranh chấp của hợp đồng tương ứng và khi mà nhà thầu đã hết tất cả các cơ hội có thể khiếu nại. Đối với các hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của nhà thầu nhưng vẫn hoàn thành hợp đồng thì không được coi là hợp đồng không hoàn thành.

(3) Nhà thầu cung cấp tài liệu chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ thuế của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu.

(4) Đối với các hợp đồng mà nhà thầu đã tham gia với tư cách là thành viên liên danh hoặc nhà thầu phụ thì chỉ tính giá trị phần việc do nhà thầu thực hiện.

(5) Trường hợp nhà thầu thiếu cam kết thì được bổ sung trong quá trình đánh giá HSDT. Trường hợp nhà thầu không bổ sung cam kết trong khoảng thời gian hợp lý theo yêu cầu của ĐVTCĐT thì HSDT của nhà thầu được coi là không đáp ứng yêu cầu về khả năng bảo hành, cung cấp phụ tùng thay thế hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng khác và bị loại.

### **Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật**

Áp dụng tiêu chuẩn đánh giá theo tiêu chí “đạt”, “không đạt”.

Nội dung đánh giá	Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt
-------------------	---------------------------------

492  
 A T  
 J T  
 JOC  
 PH

<b>Nội dung đánh giá</b>		<b>Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt</b>
<b>1. Số lượng của hàng hóa</b>		
Số lượng, chủng loại	Đáp ứng yêu cầu về Phạm vi cung cấp theo quy định tại Mục 1 Chương V HSMT.	<b>Đạt</b>
	Không đáp ứng yêu cầu về Phạm vi cung cấp theo quy định tại Mục 1 Chương V HSMT.	<b>Không đạt</b>
<b>2. Đặc tính kỹ thuật của hàng hóa</b>		
Thông số kỹ thuật của hàng hóa, tiêu chuẩn sản xuất, tiêu chuẩn chế tạo và công nghệ.	Đáp ứng yêu cầu về các thông số kỹ thuật của hàng hóa, tiêu chuẩn sản xuất, tiêu chuẩn chế tạo và công nghệ theo quy định tại Chương V HSMT.	<b>Đạt</b>
	Không đáp ứng một trong các yêu cầu về các thông số kỹ thuật của hàng hóa, tiêu chuẩn sản xuất, tiêu chuẩn chế tạo và công nghệ theo quy định tại Chương V HSMT.	<b>Không đạt</b>
<b>3. Giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp, lắp đặt hàng hóa</b>		
Tính hợp lý và hiệu quả kinh tế của các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp, lắp đặt hàng hóa.	- Giải pháp kỹ thuật: + Máy có khả năng lắp đặt thêm các thiết bị mở rộng, kết nối với hệ thống phụ trợ như: nâng hạ, vận chuyển... - Biện pháp tổ chức cung cấp, lắp đặt hàng hóa: có kế hoạch cụ thể.	<b>Đạt</b>
	Không có các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp, lắp đặt hàng hóa hợp lý và hiệu quả kinh tế.	<b>Không đạt</b>
<b>4. Tiến độ cung cấp hàng hóa</b>		
Bảng tiến độ cung cấp hàng hóa hợp lý, khả	Bảng tiến độ cung cấp hàng hóa hợp lý, khả thi và phù hợp với đề xuất kỹ thuật và đáp ứng yêu cầu của Chương V HSMT.	<b>Đạt</b>

Nội dung đánh giá		Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt
thi phù hợp với đề xuất kỹ thuật và đáp ứng yêu cầu của HSMT.	Bảng tiến độ cung cấp hàng hóa không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất kỹ thuật và không đáp ứng yêu cầu của Chương V HSMT.	<b>Không đạt</b>
<b>5. Khả năng thích ứng về địa lý</b>		
Khả năng thích ứng về địa lý.	Thiết bị phải được chế tạo chịu được khí hậu nhiệt đới, độ ẩm cao của Việt Nam.	<b>Đạt</b>
	Thiết bị không chịu được khí hậu nhiệt đới, độ ẩm cao của Việt Nam.	<b>Không đạt</b>
<b>6. Bảo hành, bảo trì</b>		
Thời gian bảo hành, bảo trì	Thời gian bảo hành, bảo trì $\geq 12$ tháng kể từ ngày ký biên bản nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng thiết bị đồng bộ và hoàn chỉnh.	<b>Đạt</b>
	Thời gian bảo hành, bảo trì $< 12$ tháng kể từ ngày ký biên bản nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng thiết bị đồng bộ và hoàn chỉnh.	<b>Không đạt</b>
<b>7. Uy tín của nhà thầu</b>		
Uy tín của nhà thầu thông qua việc thực hiện các hợp đồng trong thời gian gần đây.	Từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có hợp đồng không hoàn thành.	<b>Đạt</b>
	Có hợp đồng không hoàn thành trong các năm gần đây kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2023.	<b>Không đạt</b>
<b>8. Các yếu tố về thời gian thực hiện, đào tạo chuyển giao công nghệ</b>		
Thời gian thực hiện, đào tạo, chuyển giao công nghệ hợp lý, khả thi, phù hợp với	Có thời gian thực hiện, đào tạo, chuyển giao công nghệ hợp lý, khả thi, đáp ứng yêu cầu của HSMT.	<b>Đạt</b>
	Thời gian thực hiện, đào tạo, chuyển giao công	<b>Không đạt</b>



Nội dung đánh giá		Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt
đề xuất về tiến độ cung cấp.	nghệ không hợp lý, không khả thi, không đáp ứng yêu cầu của HSMT.	
<b>9. Các yêu cầu khác</b>		
Các yêu cầu khác	Đáp ứng các nội dung theo yêu cầu nêu tại Chương V HSMT	<b>Đạt</b>
	Không đáp ứng các nội dung theo yêu cầu nêu tại Chương V HSMT	<b>Không đạt</b>
<b>Kết luận</b>		_____

Ghi chú:

HSMT được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi có tất cả các tiêu chí được đánh giá là đạt. Trường hợp nhà thầu không đạt một trong các tiêu chí thì được đánh giá là không đạt và không được xem xét, đánh giá bước tiếp theo.

#### **Mục 4. Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính**

Cách xác định giá đánh giá theo các bước sau đây:

**Bước 1.** Xác định giá dự thầu;

**Bước 2.** Sửa lỗi (thực hiện theo quy định tại Mục 31.1 CDNT);

**Bước 3.** Hiệu chỉnh sai lệch (thực hiện theo quy định tại Mục 31.2 CDNT);

**Bước 4.** Xác định giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giảm giá (nếu có);

**Bước 5.** Chuyển đổi giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) sang đồng tiền chung VND;

**Bước 6.** Xác định giá đánh giá:

Việc xác định giá đánh giá được thực hiện theo công thức sau đây:

$$G_{DG} = G + \Delta_{G1} + \Delta_{G2} + (\Delta_{UD})$$

Trong đó:

a)  $G_{DG}$ : giá đánh giá;

b)  $G = (\text{giá dự thầu} \pm \text{giá trị sửa lỗi} \pm \text{giá trị hiệu chỉnh sai lệch}) - \text{giá trị giảm giá (nếu có)}$  và được chuyển đổi sang đồng tiền chung VND;

Đối với nhà thầu trong nước:  $G$  là giá chào của nhà thầu.

Đối với nhà thầu nước ngoài:  $G$  được quy đổi và ký hiệu là  $G_{\text{NNQD}}$

- Đối với nhà thầu nước ngoài thì cách tính  $G_{\text{NNQD}}$  như sau:

$$G_{\text{NNQD}} = g + \Delta_g$$

*Trong đó:*

+  $G_{\text{NNQD}}$  là giá của nhà thầu nước ngoài được quy đổi các chi phí về cùng một mặt bằng với nhà thầu chào hàng hóa được sản xuất, gia công tại Việt Nam.

+  $g = (\text{giá dự thầu} \pm \text{giá trị sửa lỗi} \pm \text{giá trị hiệu chỉnh sai lệch}) - \text{giá trị giảm giá (nếu có)}$  và đã chuyển đổi sang đồng tiền chung VND (nếu có);  $g$  của hàng hóa nhập khẩu theo điều kiện giao hàng CFR Hải Phòng/ Nội Bài (Incoterm 2025).

+  $\Delta_g$  là giá trị các yếu tố được quy về một mặt bằng chi phí của hàng hóa (áp dụng đối với hàng hóa nhập khẩu theo điều kiện giao hàng CFR) bao gồm:

(i)  $\Delta_g = \text{thuế GTGT hàng nhập khẩu theo quy định hiện hành tại biểu thuế xuất nhập khẩu của Việt Nam (10\%)} + \text{chi phí tiếp nhận, vận chuyển, bảo hiểm nội địa tại Việt Nam và các chi phí khác để vận chuyển hàng hóa nhập khẩu từ cảng (Hải Phòng/Nội Bài, Việt Nam) về địa điểm của dự án NH.09B (mức 0,5\% tính trên cơ sở giá dự thầu CFR Hải Phòng/ Nội Bài, Việt Nam và thuế GTGT hàng nhập khẩu), áp dụng theo mức trung bình thống kê thực tế các năm gần đây đối với máy móc thiết bị phụ trợ tại ĐVTCĐT);$

Có nghĩa là:  $\Delta_g = g_{\text{NK}} \times 10\% + (g_{\text{NK}} + g_{\text{NK}} \times 10\%) \times 0,5\%$

c)  $\Delta_{G1}$ ;  $\Delta_{G2}$  là giá trị các yếu tố được quy về một mặt bằng so sánh và được tính như sau:

- Điều kiện về thời gian bảo hành:  $\Delta_{G1} = (12 - T) \times 2.000.000 \text{ VND}$  nhưng trong mọi trường hợp, giá trị tuyệt đối của  $\Delta_{G1}$  không vượt quá 24.000.000 VND

Trong đó:  $T$  là thời gian bảo hành của các thiết bị dự thầu tính theo tháng ( $T \geq 12$  tháng).

- Điều kiện về xuất xứ hàng hoá  $\Delta_{G2} = k \cdot G$  trong đó:

$k$  là hệ số điều chỉnh theo nguồn gốc xuất xứ tương ứng với từng phân thiết bị. Cụ thể:



+  $k = 0$  với máy của các nhà sản xuất thuộc các nước công nghiệp phát triển G7, sản xuất tại các nước G7;

+  $k = 0,5$  với máy của các nhà sản xuất thuộc các nước công nghiệp phát triển G7, sản xuất tại nước khác ngoài G7;

+  $k = 2$  với các trường hợp ngoài hai trường hợp trên;

d)  $\Delta_{\text{USD}}$  là giá trị phải cộng thêm đối với đối tượng không được hưởng ưu đãi theo quy định tại Mục 32 CDNT (nếu có).

**Bước 7.** Xếp hạng nhà thầu:

HSDT có giá đánh giá thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

## Chương IV. BIỂU MẪU DỰ THẦU

Mẫu số 01. Đơn dự thầu

Mẫu số 02. Giấy ủy quyền

Mẫu số 03. Thỏa thuận liên danh

Mẫu số 04(a). Bảo lãnh dự thầu (*áp dụng đối với nhà thầu độc lập*)

Mẫu số 04(b). Bảo lãnh dự thầu (*áp dụng đối với nhà thầu liên danh*)

Mẫu số 05. Bảng tổng hợp giá dự thầu

Mẫu số 05(a1). Bảng giá dự thầu của hàng hóa (*áp dụng loại hợp đồng trọn gói*)

Mẫu số 05(b1). Bảng giá dự thầu cho các dịch vụ liên quan (*áp dụng loại hợp đồng trọn gói*)

Mẫu số 05(c2). Bảng giá chào các vật tư chạy thử, nghiệm thu tại ĐVTCĐT/vật tư, thiết bị, phụ tùng bắt buộc phải có

Mẫu số 06. Bảng tiến độ giao hàng

Mẫu số 07(a). Bảng kê khai hàng hóa được hưởng ưu đãi (*trường hợp áp dụng ưu đãi trong nước*)

Mẫu số 07(a1). Bảng kê khai chi phí sản xuất tại Việt Nam đối với hàng hóa được hưởng ưu đãi (*trường hợp kê khai chi phí sản xuất tại Việt Nam*)

Mẫu số 07(a2). Bảng kê khai chi phí sản xuất tại Việt Nam đối với hàng hóa được hưởng ưu đãi (*trường hợp kê khai chi phí nhập ngoại*)

Mẫu số 08(a1). Bản kê khai thông tin về nhà thầu (*trường hợp nhà thầu không phải là nhà sản xuất ra hàng hóa thuộc phạm vi của gói thầu*)

Mẫu số 08(a2). Bản kê khai thông tin về nhà thầu (*trường hợp nhà thầu là nhà sản xuất ra hàng hóa thuộc phạm vi của gói thầu*)

Mẫu số 08(b1). Bản kê khai thông tin về thành viên của nhà thầu liên danh (*trường hợp thành viên của nhà thầu liên danh không phải là nhà sản xuất ra hàng hóa thuộc phạm vi của gói thầu*)

Mẫu số 08(b2). Bản kê khai thông tin về thành viên của nhà thầu liên danh (*trường hợp thành viên của nhà thầu liên danh là nhà sản xuất ra hàng hóa thuộc phạm vi của gói thầu*)

50-C  
MÁY  
IÊN  
C GIẤ  
HỒ H

Mẫu số 09(a). Hợp đồng tương tự do nhà thầu thực hiện (*trường hợp nhà thầu không phải là nhà sản xuất ra hàng hóa thuộc phạm vi của gói thầu*)

Mẫu số 09(b). kê khai năng lực sản xuất hàng hóa (*trường hợp nhà thầu là nhà sản xuất ra hàng hóa thuộc phạm vi của gói thầu*)

Mẫu số 11. Hợp đồng không hoàn thành do lỗi của nhà thầu trong quá khứ

Mẫu số 12. Tình hình tài chính của nhà thầu

Mẫu số 14. Danh sách các công ty con, công ty thành viên đảm nhận phần công việc của gói thầu



**ĐƠN DỰ THẦU<sup>(1)</sup>**

Ngày: \_\_\_\_\_ [ghi ngày, tháng, năm ký đơn dự thầu]

Tên gói thầu: \_\_\_\_\_ [ghi tên gói thầu theo thông báo mời thầu]

Tên dự án: \_\_\_\_\_ [ghi tên dự án]

Kính gửi: \_\_\_\_\_ [ghi đầy đủ và chính xác tên của ĐVTCDT]

Sau khi nghiên cứu hồ sơ mời thầu và văn bản sửa đổi hồ sơ mời thầu số \_\_\_\_ [ghi số của văn bản sửa đổi, nếu có] do ĐVTCDT đăng tải trên Hệ thống mạng, chúng tôi, \_\_\_\_ [ghi tên nhà thầu], cam kết thực hiện gói thầu \_\_\_\_ [ghi tên gói thầu] theo đúng yêu cầu nêu trong hồ sơ mời thầu với tổng số tiền là \_\_\_\_ [ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền dự thầu]<sup>(2)</sup> cùng với bảng tổng hợp giá dự thầu kèm theo<sup>(3)</sup>.

Chúng tôi cam kết:<sup>(4)</sup>

1. Chỉ tham gia trong một hồ sơ dự thầu này với tư cách là nhà thầu chính.
2. Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định pháp luật của nước mà nhà thầu được cấp Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác.
3. Không vi phạm quy định về bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu.
4. Đã thực hiện nghĩa vụ thuế của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu.
5. Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu ở bất kỳ quốc gia, vùng lãnh thổ nào.
6. Không thực hiện các hành vi tham nhũng, hối lộ, thông thầu, cản trở và các hành vi vi phạm quy định khác của pháp luật đấu thầu khi tham dự gói thầu này.
7. Những thông tin kê khai trong hồ sơ dự thầu là trung thực.
8. Không bị kết luận vi phạm nghiêm trọng hoặc thường xuyên các nghĩa vụ quan trọng trong một hoặc nhiều hợp đồng trong vòng 05 năm gần đây.

9. Không chịu phán quyết cuối cùng của tòa án về việc phạm tội nghiêm trọng hoặc các hành vi vi phạm nghiêm trọng khác trong vòng 03 năm trước thời điểm đóng thầu.

10. Không có bằng chứng về việc nhà thầu có hành vi vi phạm nghiêm trọng đạo đức nghề nghiệp trong vòng 03 năm trước thời điểm đóng thầu. Trong thời hạn 03 năm trước thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có nhân sự (ký kết hợp đồng lao động với nhà thầu tại thời điểm nhân sự thực hiện hành vi vi phạm) bị tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng theo quy định của pháp luật về hình sự nhằm mục đích cho nhà thầu đó trúng thầu.

11. Trường hợp trúng thầu, hồ sơ dự thầu và các văn bản bổ sung, làm rõ hồ sơ dự thầu tạo thành thỏa thuận ràng buộc trách nhiệm giữa hai bên cho tới khi hợp đồng được ký kết.

12. Nếu hồ sơ dự thầu của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Mục 41 - Chỉ dẫn nhà thầu trong hồ sơ mời thầu. Hồ sơ dự thầu này có hiệu lực trong thời gian \_\_\_\_<sup>(5)</sup> ngày, kể từ ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_<sup>(6)</sup>.

**Đại diện hợp pháp của nhà thầu<sup>(7)</sup>**

*[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng  
dấu]*

Ghi chú:

(1) Nhà thầu lưu ý, đơn dự thầu phải được ghi đầy đủ và chính xác các thông tin về tên của ĐVTCĐT, nhà thầu, tên gói thầu, tên dự án.

Đơn dự thầu phải được đại diện hợp pháp của nhà thầu ký tên, đóng dấu (nếu có), thời gian có hiệu lực của HSDT phải đáp ứng yêu cầu của HSMT, thời gian ký đơn dự thầu phải phù hợp với thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu theo quy định tại Mục 1 Chương III - Tiêu chuẩn đánh giá HSDT.

(2) Giá dự thầu ghi trong đơn dự thầu phải cụ thể, cố định bằng số, bằng chữ và giá dự thầu bằng số hoặc bằng chữ phải phù hợp, logic với tổng giá dự thầu ghi trong bảng tổng hợp giá dự thầu, không đề xuất các giá dự thầu khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư, ĐVTCĐT. Trường hợp gói thầu chia



thành nhiều phần độc lập thì nhà thầu phải ghi giá dự thầu cho từng phần và tổng giá dự thầu cho các phần mà nhà thầu tham dự thầu.

(3) Trường hợp nhà thầu có đề xuất giảm giá thì nộp thư giảm giá riêng hoặc ghi giá trị giảm giá vào đơn dự thầu.

(4) Trường hợp Chủ đầu tư phát hiện nhà thầu vi phạm các cam kết này thì HSDT bị loại, đồng thời nhà thầu sẽ bị xử lý vi phạm theo quy định.

(5) Thời gian có hiệu lực của HSDT được tính kể từ ngày có thời điểm đóng thầu đến ngày cuối cùng có hiệu lực theo quy định trong HSMT. Từ thời điểm đóng thầu đến hết 24 giờ của ngày có thời điểm đóng thầu được tính là 01 ngày.

(6) Ghi ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định tại Mục 21.1 BDL.

(7) Trường hợp đại diện theo pháp luật của nhà thầu ủy quyền cho cấp dưới ký đơn dự thầu thì phải gửi kèm theo Giấy ủy quyền theo Mẫu số 02 Chương này; trường hợp tại điều lệ công ty hoặc tại các tài liệu khác liên quan có phân công trách nhiệm cho cấp dưới ký đơn dự thầu thì phải gửi kèm theo các văn bản này (không cần lập Giấy ủy quyền theo Mẫu số 02 Chương này). Trường hợp nhà thầu là liên danh thì đơn dự thầu phải do đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký hoặc thành viên được phân công thay mặt liên danh ký theo phân công trách nhiệm trong văn bản thỏa thuận liên danh theo Mẫu số 03 Chương này. Trường hợp từng thành viên liên danh có ủy quyền thì việc ủy quyền thực hiện như đối với nhà thầu độc lập.

Trường hợp nhà thầu nước ngoài không có con dấu thì phải cung cấp xác nhận của tổ chức có thẩm quyền là chữ ký trong đơn dự thầu và các tài liệu khác trong HSDT là của người đại diện hợp pháp của nhà thầu.

GIẤY ỦY QUYỀN <sup>(1)</sup>

Hôm nay, ngày \_\_\_ tháng \_\_\_ năm \_\_\_, tại \_\_\_

Tôi là \_\_\_ [ghi tên, số chứng minh nhân dân, căn cước công dân hoặc số hộ chiếu, chức danh của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu], là người đại diện theo pháp luật của \_\_\_ [ghi tên nhà thầu] có địa chỉ tại \_\_\_ [ghi địa chỉ của nhà thầu] bằng văn bản này ủy quyền cho \_\_\_ [ghi tên, số chứng minh nhân dân, căn cước công dân hoặc số hộ chiếu, chức danh của người được ủy quyền] thực hiện các công việc sau đây trong quá trình tham dự thầu gói thầu \_\_\_ [ghi tên gói thầu] thuộc dự án \_\_\_ [ghi tên dự án] do \_\_\_ [ghi tên ĐVTCDT] tổ chức:

[- Ký đơn dự thầu;

- Ký thỏa thuận liên danh (nếu có);

- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với ĐVTCDT trong quá trình tham gia đấu thầu, kể cả văn bản đề nghị làm rõ HSMT và văn bản giải trình, làm rõ HSDT hoặc văn bản đề nghị sửa đổi, thay thế, rút HSDT;

- Tham gia quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;

- Ký đơn kiến nghị trong trường hợp nhà thầu có kiến nghị;

- Ký kết hợp đồng với Chủ đầu tư nếu được lựa chọn<sup>(2)</sup>.

Người được ủy quyền nêu trên chỉ thực hiện các công việc trong phạm vi ủy quyền với tư cách là đại diện hợp pháp của \_\_\_ [ghi tên nhà thầu]. \_\_\_ [ghi tên người đại diện theo pháp luật của nhà thầu] chịu trách nhiệm hoàn toàn về những công việc do \_\_\_ [ghi tên người được ủy quyền] thực hiện trong phạm vi ủy quyền.

Giấy ủy quyền có hiệu lực kể từ ngày \_\_\_ đến ngày \_\_\_<sup>(3)</sup>. Giấy ủy quyền này được lập thành \_\_\_ bản có giá trị pháp lý như nhau, người ủy quyền giữ \_\_\_ bản, người được ủy quyền giữ \_\_\_ bản, ĐVTCDT giữ \_\_\_ bản.

**Người được ủy quyền**

[ghi tên, chức danh, ký tên và  
đóng dấu (nếu có)]

**Người ủy quyền**

[ghi tên người đại diện theo pháp  
luật của nhà thầu, chức danh, ký tên  
và đóng dấu]



**Ghi chú:**

- (1) Trường hợp ủy quyền thì bản gốc giấy ủy quyền phải được gửi cho ĐVTCĐT cùng với đơn dự thầu theo quy định tại Mục 19.3 CDNT. Việc ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu cho cấp phó, cấp dưới, giám đốc công ty con hạch toán phụ thuộc, giám đốc chi nhánh, người đứng đầu văn phòng đại diện của nhà thầu để thay mặt cho người đại diện theo pháp luật của nhà thầu thực hiện một hoặc các nội dung công việc nêu trên. Việc sử dụng con dấu trong trường hợp được ủy quyền có thể là dấu của nhà thầu hoặc dấu của đơn vị mà cá nhân liên quan được ủy quyền (dấu của chi nhánh, công ty con hạch toán phụ thuộc...).
- (2) Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.
- (3) Ghi ngày có hiệu lực và ngày hết hiệu lực của giấy ủy quyền phù hợp với quá trình tham gia đấu thầu.



THỎA THUẬN LIÊN DANH<sup>(1)</sup>

\_\_\_\_\_, ngày \_\_\_ tháng \_\_\_ năm \_\_\_

Gói thầu: \_\_\_\_\_ [ghi tên gói thầu]

Thuộc dự án: \_\_\_\_\_ [ghi tên dự án]

Căn cứ<sup>(2)</sup> \_\_\_\_\_ [Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/6/2023 của Quốc hội];Căn cứ<sup>(2)</sup> \_\_\_\_\_ [Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu];

Căn cứ hồ sơ mời thầu gói thầu \_\_\_\_\_ [ghi tên gói thầu] ngày \_\_\_ tháng \_\_\_ năm \_\_\_ [ghi ngày phát hành HSMT];

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký thỏa thuận liên danh, gồm có:

**Tên thành viên liên danh thứ nhất:** \_\_\_\_\_ [ghi tên thành viên liên danh thứ nhất]

Đại diện là ông/bà: \_\_\_\_\_

Chức vụ: \_\_\_\_\_

Địa chỉ: \_\_\_\_\_

Điện thoại: \_\_\_\_\_

Fax: \_\_\_\_\_

E-mail: \_\_\_\_\_

Tài khoản: \_\_\_\_\_

Mã số thuế: \_\_\_\_\_

Giấy ủy quyền số \_\_\_ ngày \_\_\_ tháng \_\_\_ năm \_\_\_ (trường hợp được ủy quyền).

**Tên thành viên liên danh thứ hai:** \_\_\_\_\_ [ghi tên thành viên liên danh thứ hai]

Đại diện là ông/bà: \_\_\_\_\_

Chức vụ: \_\_\_\_\_

Địa chỉ: \_\_\_\_\_

Điện thoại: \_\_\_\_\_

Fax: \_\_\_\_\_



E-mail: \_\_\_\_\_

Tài khoản: \_\_\_\_\_

Mã số thuế: \_\_\_\_\_

Giấy ủy quyền số \_\_\_ ngày \_\_\_ tháng \_\_\_ năm \_\_\_ (trường hợp được ủy quyền).

.....

**Tên thành viên liên danh thứ n:** \_\_\_ [ghi tên thành viên liên danh thứ n]

Đại diện là ông/bà: \_\_\_\_\_

Chức vụ: \_\_\_\_\_

Địa chỉ: \_\_\_\_\_

Điện thoại: \_\_\_\_\_

Fax: \_\_\_\_\_

E-mail: \_\_\_\_\_

Tài khoản: \_\_\_\_\_

Mã số thuế: \_\_\_\_\_

Giấy ủy quyền số \_\_\_ ngày \_\_\_ tháng \_\_\_ năm \_\_\_ (trường hợp được ủy quyền).

Các bên (sau đây gọi là thành viên) thống nhất ký kết thỏa thuận liên danh với các nội dung sau:

### **Điều 1. Nguyên tắc chung**

1. Các thành viên tự nguyện hình thành liên danh để tham dự thầu gói thầu \_\_\_ [ghi tên gói thầu] thuộc dự án \_\_\_ [ghi tên dự án].

2. Các thành viên thống nhất tên gọi của liên danh cho mọi giao dịch liên quan đến gói thầu này là: \_\_\_ [ghi tên của liên danh theo thỏa thuận].

3. Các thành viên cam kết không thành viên nào được tự ý tham gia độc lập hoặc liên danh với nhà thầu khác để tham gia gói thầu này. Trường hợp trúng thầu, không thành viên nào có quyền từ chối thực hiện các trách nhiệm và nghĩa vụ đã quy định trong hợp đồng. Trường hợp thành viên của liên danh từ chối hoàn thành trách nhiệm riêng của mình như đã thỏa thuận thì thành viên đó bị xử lý như sau:

[ - Bồi thường thiệt hại cho các bên trong liên danh;

- Bồi thường thiệt hại cho Chủ đầu tư theo quy định nêu trong hợp đồng;



- Hình thức xử lý khác \_\_\_\_ (ghi rõ hình thức xử lý khác)].

## Điều 2. Phân công trách nhiệm

Các thành viên thống nhất phân công trách nhiệm để thực hiện gói thầu \_\_\_\_ [ghi tên gói thầu] thuộc dự án \_\_\_\_ [ghi tên dự án] đối với từng thành viên như sau:

### 1. Thành viên đứng đầu liên danh:

Các bên nhất trí phân công \_\_\_\_ [ghi tên một bên] làm thành viên đứng đầu liên danh, đại diện cho liên danh trong những phần việc sau<sup>(3)</sup>:

[- Ký đơn dự thầu;

- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với DVTCĐT trong quá trình tham dự thầu, kể cả văn bản đề nghị làm rõ HSMT và văn bản giải trình, làm rõ HSĐT hoặc văn bản đề nghị sửa đổi, thay thế, rút HSĐT;

- Thực hiện bảo đảm dự thầu cho một số thành viên trong liên danh hoặc cho cả liên danh;

- Tham gia quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;

- Ký đơn kiến nghị trong trường hợp nhà thầu có kiến nghị;

- Các công việc khác trừ việc ký kết hợp đồng \_\_\_\_ [ghi rõ nội dung các công việc khác (nếu có)].

2. Các thành viên trong liên danh thỏa thuận phân công trách nhiệm thực hiện công việc theo bảng dưới đây<sup>(4)</sup>:

STT	Tên các thành viên trong liên danh	Nội dung công việc đảm nhận	Tỷ lệ % giá trị đảm nhận so với tổng giá dự thầu
1	Tên thành viên đứng đầu liên danh	- ____ - ____	- ____ % - ____ %
2	Tên thành viên thứ 2	- ____ - ____	- ____ % - ____ %
....	....	....	....
<b>Tổng cộng</b>		<b>Toàn bộ công việc của gói thầu</b>	<b>100%</b>

## Điều 3. Hiệu lực của thỏa thuận liên danh

1. Thỏa thuận liên danh có hiệu lực kể từ ngày ký.
2. Thỏa thuận liên danh chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau:
  - Các bên hoàn thành trách nhiệm, nghĩa vụ của mình và tiến hành thanh lý hợp đồng;
  - Các bên cùng thỏa thuận chấm dứt;
  - Nhà thầu liên danh không trúng thầu;
  - Hủy thầu gói thầu \_\_\_\_ [*ghi tên gói thầu*] thuộc dự án \_\_\_\_ [*ghi tên dự án*] theo thông báo của ĐVTCĐT.

Thỏa thuận liên danh được lập trên sự chấp thuận của tất cả các thành viên.

Thỏa thuận liên danh được lập thành \_\_\_\_ bản, mỗi bên giữ \_\_\_\_ bản, các bản thỏa thuận có giá trị pháp lý như nhau.

### **ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN ĐỨNG ĐẦU LIÊN DANH**

*[ghi tên từng thành viên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

Ghi chú:

- (1) Trường hợp gói thầu chia thành nhiều phần độc lập thì trong thỏa thuận liên danh phải nêu rõ tên, số hiệu của các phần mà nhà thầu liên danh tham dự thầu, trong đó nêu rõ trách nhiệm chung và trách nhiệm riêng của từng thành viên liên danh đối với phần tham dự thầu.
- (2) Cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật theo quy định hiện hành.
- (3) Việc phân công trách nhiệm bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên. Trường hợp liên danh phân công cho thành viên không phải thành viên đứng đầu liên danh ký đơn dự thầu thì phải nêu rõ trong Điều 2.
- (4) Nhà thầu phải ghi rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện, trách nhiệm chung, trách nhiệm riêng của từng thành viên, kể cả thành viên đứng đầu liên danh. Việc phân chia công việc trong liên danh phải căn cứ các hạng mục nêu trong bảng giá dự thầu của hàng hóa quy định tại các Mẫu số 05(a1) Chương này và dịch vụ liên quan quy định tại Mẫu số 05(b1) Chương này; không được phân chia các công việc không thuộc các hạng mục quy định tại Mẫu số 05(a1), 05(b1) Chương này.

Đ-C.T  
 ÁY  
 ỜN  
 GIA  
 HA

**BẢO LÃNH DỰ THẦU<sup>(1)</sup>***(áp dụng đối với nhà thầu độc lập)***Bên thụ hưởng:** \_\_\_ [ghi tên và địa chỉ của ĐVTCDT quy định tại Mục 1.1 BDL hoặc tên và địa chỉ của Chủ đầu tư quy định tại Mục 4.4 BDL]**Ngày phát hành bảo lãnh:** \_\_\_ [ghi ngày phát hành bảo lãnh]**BẢO LÃNH DỰ THẦU số:** \_\_\_ [ghi số trích yếu của Bảo lãnh dự thầu]**Bên bảo lãnh:** \_\_\_ [ghi tên và địa chỉ nơi phát hành, nếu những thông tin này chưa được thể hiện ở phần tiêu đề trên giấy in]

Chúng tôi được thông báo rằng \_\_\_ [ghi tên nhà thầu] (sau đây gọi là “Nhà thầu”) sẽ tham dự thầu để thực hiện gói thầu \_\_\_ [ghi tên gói thầu] thuộc dự án \_\_\_ [ghi tên dự án] theo Thư mời thầu/thông báo mời thầu số \_\_\_ [ghi số trích yếu của Thư mời thầu/thông báo mời thầu].

Chúng tôi đồng ý vô điều kiện, không hủy ngang, cam kết với Bên thụ hưởng rằng chúng tôi bảo lãnh cho Nhà thầu bằng một khoản tiền là \_\_\_ [ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng].

Bảo lãnh này có hiệu lực trong \_\_\_<sup>(2)</sup> ngày, kể từ ngày \_\_\_ tháng \_\_\_ năm \_\_\_<sup>(3)</sup>.

Theo yêu cầu của Nhà thầu, chúng tôi, với tư cách là Bên bảo lãnh, đồng ý vô điều kiện, không hủy ngang, cam kết<sup>(4)</sup> sẽ thanh toán cho Bên thụ hưởng một khoản tiền là \_\_\_ [ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng] khi nhận được văn bản thông báo từ Bên thụ hưởng về vi phạm của Nhà thầu trong các trường hợp sau đây:

1. Sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của HSĐT, nhà thầu có văn bản rút HSĐT hoặc từ chối thực hiện một hoặc các công việc đã đề xuất trong HSĐT theo yêu cầu của HSMT;
2. Nhà thầu vi phạm pháp luật về đấu thầu dẫn đến phải hủy thầu theo quy định tại điểm d Mục 36.1 - Chỉ dẫn nhà thầu của hồ sơ mời thầu;
3. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối tiến hành thương thảo hợp đồng trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày được mời đến thương thảo hợp đồng hoặc đã thương thảo hợp đồng nhưng từ chối hoàn thiện, ký hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng theo quy định của pháp luật dân sự;



4. Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Mục 41.1 - Chỉ dẫn nhà thầu của hồ sơ mời thầu.

Trường hợp Nhà thầu trúng thầu, bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi Nhà thầu ký kết hợp đồng và nộp bảo lãnh thực hiện hợp đồng cho Bên thụ hưởng theo thỏa thuận trong hợp đồng đó.

Trường hợp Nhà thầu không trúng thầu, bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi chúng tôi nhận được bản chụp văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu hoặc trong vòng 30 ngày kể từ ngày hết thời hạn hiệu lực của hồ sơ dự thầu, tùy theo thời điểm nào đến trước.

Bất cứ yêu cầu bồi thường nào theo bảo lãnh này đều phải được gửi đến văn phòng chúng tôi trước hoặc trong ngày đó.

**Đại diện hợp pháp của ngân hàng**

*[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

Ghi chú:

(1) Áp dụng trong trường hợp biện pháp bảo đảm dự thầu là thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng trong nước, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam. Khuyến khích các ngân hàng sử dụng Mẫu này. Trường hợp bảo lãnh dự thầu vi phạm một trong các quy định như: có giá trị thấp hơn, thời gian hiệu lực ngắn hơn so với quy định tại Mục 18.2 CDNT, không đúng tên đơn vị thụ hưởng, không phải là bản gốc, không có chữ ký hợp lệ, ký trước khi ĐVTCĐT phát hành HSMT, hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư, ĐVTCĐT thì bảo lãnh dự thầu được coi là không hợp lệ.

(2) Ghi theo quy định tại Mục 18.2 BDL.

(3) Ghi ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định tại Mục 21.1 BDL.

(4) Trường hợp bảo lãnh dự thầu thiếu một hoặc một số cam kết trong các nội dung cam kết nêu trên thì bị coi là điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư, ĐVTCĐT theo quy định tại Mục 18.3 CDNT và thư bảo lãnh được coi là không hợp lệ.

**BẢO LÃNH DỰ THẦU<sup>(1)</sup>***(áp dụng đối với nhà thầu liên danh)***Bên thụ hưởng:** \_\_\_ [ghi tên và địa chỉ của ĐVTCDT quy định tại Mục 1.1 BDL hoặc tên và địa chỉ của Chủ đầu tư quy định tại Mục 4.4 BDL]**Ngày phát hành bảo lãnh:** \_\_\_ [ghi ngày phát hành bảo lãnh]**BẢO LÃNH DỰ THẦU số:** \_\_\_ [ghi số trích yếu của Bảo lãnh dự thầu]**Bên bảo lãnh:** \_\_\_ [ghi tên và địa chỉ nơi phát hành, nếu những thông tin này chưa được thể hiện ở phần tiêu đề trên giấy in]

Chúng tôi được thông báo rằng \_\_\_ [ghi tên nhà thầu]<sup>(2)</sup> (sau đây gọi là “Nhà thầu”) sẽ tham dự thầu để thực hiện gói thầu \_\_\_ [ghi tên gói thầu] thuộc dự án \_\_\_ [ghi tên dự án] theo Thư mời thầu/thông báo mời thầu số \_\_\_ [ghi số trích yếu của Thư mời thầu/thông báo mời thầu].

Chúng tôi đồng ý vô điều kiện, không hủy ngang, cam kết với Bên thụ hưởng rằng chúng tôi bảo lãnh cho Nhà thầu tham dự thầu gói thầu này bằng một khoản tiền là \_\_\_ [ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng].

Bảo lãnh này có hiệu lực trong \_\_\_<sup>(3)</sup> ngày, kể từ ngày \_\_\_ tháng \_\_\_ năm \_\_\_<sup>(4)</sup>.

Theo yêu cầu của Nhà thầu, chúng tôi, với tư cách là Bên bảo lãnh, đồng ý vô điều kiện, không hủy ngang, cam kết<sup>(5)</sup> sẽ thanh toán cho Bên thụ hưởng một khoản tiền là \_\_\_ [ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng] khi nhận được văn bản thông báo từ Bên thụ hưởng về vi phạm của Nhà thầu trong các trường hợp sau đây:

1. Sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của HSDT, nhà thầu có văn bản rút HSDT hoặc từ chối thực hiện một hoặc các công việc đã đề xuất trong HSDT theo yêu cầu của HSMT;
2. Nhà thầu vi phạm pháp luật về đấu thầu dẫn đến phải hủy thầu theo quy định tại điểm d Mục 36.1 - Chỉ dẫn nhà thầu của hồ sơ mời thầu;
3. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối tiến hành thương thảo hợp đồng trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày được mời đến thương thảo hợp đồng hoặc đã thương thảo hợp đồng nhưng từ chối hoàn thiện, ký hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng theo quy định của pháp luật dân sự;



4. Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Mục 41.1 - Chỉ dẫn nhà thầu của hồ sơ mời thầu.

5. Nếu bất kỳ thành viên nào trong liên danh \_\_\_ [*ghi đầy đủ tên của nhà thầu liên danh*] vi phạm quy định của pháp luật dẫn đến không được hoàn trả bảo đảm dự thầu theo quy định tại Mục 18.5 - Chỉ dẫn nhà thầu của hồ sơ mời thầu thì bảo đảm dự thầu của tất cả thành viên trong liên danh sẽ không được hoàn trả.

Trường hợp Nhà thầu trúng thầu, bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi Nhà thầu ký kết hợp đồng và nộp bảo lãnh thực hiện hợp đồng cho Bên thụ hưởng theo thỏa thuận trong hợp đồng đó.

Trường hợp Nhà thầu không trúng thầu, bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi chúng tôi nhận được bản chụp văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu hoặc trong vòng 30 ngày kể từ khi hết thời hạn hiệu lực của hồ sơ dự thầu, tùy theo thời điểm nào đến trước.

Bất cứ yêu cầu bồi thường nào theo bảo lãnh này đều phải được gửi đến văn phòng chúng tôi trước hoặc trong ngày đó.

**Đại diện hợp pháp của ngân hàng**  
[*ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu*]

Ghi chú:

(1) Áp dụng trong trường hợp biện pháp bảo đảm dự thầu là thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng trong nước, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam. Khuyến khích các ngân hàng sử dụng Mẫu này. Trường hợp bảo lãnh dự thầu vi phạm một trong các quy định như: có giá trị thấp hơn, thời gian hiệu lực ngắn hơn so với quy định tại Mục 18.2 CDNT, không đúng tên đơn vị thụ hưởng, không phải là bản gốc, không có chữ ký hợp lệ, ký trước khi ĐVTCĐT phát hành HSMT, ký trước thời điểm ký thỏa thuận liên danh, hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư, ĐVTCĐT thì bảo lãnh dự thầu được coi là không hợp lệ.

(2) Tên nhà thầu có thể là một trong các trường hợp sau đây:

149:  
HÀ  
NT  
UỐC  
PH

- Tên của cả nhà thầu liên danh, ví dụ nhà thầu liên danh A + B tham dự thầu thì tên nhà thầu ghi là “Nhà thầu liên danh A + B”;
- Tên của thành viên chịu trách nhiệm thực hiện bảo lãnh dự thầu cho cả liên danh hoặc cho thành viên khác trong liên danh, ví dụ nhà thầu liên danh A + B + C tham dự thầu, trường hợp trong thỏa thuận liên danh phân công cho nhà thầu A thực hiện bảo đảm dự thầu cho cả liên danh thì tên nhà thầu ghi là “nhà thầu A (thay mặt cho nhà thầu liên danh A + B + C)”, trường hợp trong thỏa thuận liên danh phân công nhà thầu B thực hiện bảo đảm dự thầu cho nhà thầu B và C thì tên nhà thầu ghi là “Nhà thầu B (thay mặt cho nhà thầu B và C)”;
- Tên của thành viên liên danh thực hiện riêng rẽ bảo lãnh dự thầu.

(3) Ghi theo quy định tại Mục 18.2 BDL.

(4) Ghi ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định tại Mục 21.1 BDL.

(5) Trường hợp bảo lãnh dự thầu thiếu một hoặc một số cam kết trong các nội dung cam kết nêu trên thì bị coi là điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư, ĐVTCĐT theo quy định tại Mục 18.3 CDNT và thư bảo lãnh được coi là không hợp lệ.

**BẢNG TỔNG HỢP GIÁ DỰ THẦU**

<b>STT</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Giá dự thầu</b>
1	Giá hàng hóa	(M)
2	Dịch vụ liên quan	(I)
	<b>Tổng cộng giá dự thầu</b> <i>Kết chuyển sang đơn dự thầu</i>	<b>(M) + (I)</b>

**Đại diện hợp pháp của nhà thầu** [*ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu*]



**BẢNG GIÁ DỰ THẦU CỦA HÀNG HÓA***(áp dụng loại hợp đồng trọn gói)***I. Hàng hóa được sản xuất, gia công tại Việt Nam**

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
STT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Ký mã hiệu, nhãn mác của sản phẩm	Xuất xứ	Đơn giá	Thành tiền (4) x (7)
1	Máy đóng gói co màng nylon: Máy móc thiết bị cấu hình bắt buộc cấu thành máy đồng bộ và hoàn chỉnh.	Máy	01				A1
Thuế GTGT ... %							V1
2	Vật tư cần thiết cho chạy thử, nghiệm thu bàn giao tại cơ sở ĐVTCĐT. <i>(Biểu giá chi tiết theo Mẫu số 05(c2))</i>	Bộ	01				A2
Thuế GTGT ... %							V2
3	Vật tư, thiết bị, phụ tùng bắt buộc phải có theo yêu cầu. <i>(Biểu giá chi tiết theo Mẫu số 05(c2))</i>	Bộ	01				A3
Thuế GTGT ... %							V3
Tổng cộng giá dự thầu của hàng hóa (chưa bao gồm thuế GTGT)							$A = A1 + A2 + A3$
Tổng cộng thuế GTGT							$V = V1 + V2 + V3$
Tổng cộng giá dự thầu của hàng hóa (đã bao gồm thuế GTGT) <i>(Kết chuyển sang bảng tổng hợp giá dự thầu)</i>							$M = A + V$

**Đại diện hợp pháp của nhà thầu**  
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]



Ghi chú:

Các cột (1), (2), (3), (4) ĐVTCĐT ghi phù hợp với Danh mục hàng hóa quy định tại Phần 2 - Yêu cầu về phạm vi cung cấp.

Các cột (5), (6), (7), (8) nhà thầu chào. Nhà thầu chào đơn giá dự thầu tại cột (7) theo quy định tại Mục 13.5 CDNT, bao gồm tất cả các chi phí về giá hàng hóa, vận chuyển, thuế, phí, lệ phí (nếu có) và các chi phí liên quan để giao hàng tới địa điểm của dự án NH.09B; không bao gồm chi phí của các dịch vụ liên quan tại Mẫu số 05(b1).

## II. Hàng hóa được sản xuất, gia công ngoài nước và sẽ được nhập khẩu vào Việt Nam

**1. Đối với nhà thầu trong nước:** nhà thầu chào giá dự thầu tương tự theo hướng dẫn tại Mục I Mẫu số 05(a1).

**2. Đối với nhà thầu nước ngoài:**

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
STT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Ký mã hiệu, nhãn mác của sản phẩm	Xuất xứ	Đơn giá (FOB)	Thành tiền (4) x (7)
1	Máy đóng gói co màng nylon: Máy móc thiết bị cấu hình bắt buộc cấu thành máy đồng bộ và hoàn chỉnh..	Máy	01	.			A1
2	Vật tư cần thiết cho chạy thử, nghiệm thu bàn giao tại cơ sở ĐVTCĐT. (Biểu giá chi tiết theo Mẫu số 5(c2))	Bộ	01				A2
3	Vật tư, thiết bị, phụ tùng bắt buộc phải có theo yêu cầu. (Biểu giá chi tiết theo Mẫu số 5(c2))	Bộ	01				A3
Tổng cộng giá dự thầu của hàng hóa							A = A1 + A2 + A3

3149  
HÀ  
IN T  
QUO  
H PI

Chi phí vận chuyển và các chi phí khác liên quan đến việc vận chuyển hàng hóa từ cảng Bên bán đến cảng biển Hải Phòng - Việt Nam, Incoterms 2025	T
Tổng cộng giá CFR cảng biển Hải Phòng, Việt Nam, Incoterms 2025 ( <i>Kết chuyển sang bảng tổng hợp giá dự thầu</i> )	<b>M=A+T</b>

**Đại diện hợp pháp của nhà thầu**  
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

Các cột (1), (2), (3), (4) ĐVTCĐT ghi phù hợp với Danh mục hàng hóa quy định tại Phần 2 - Yêu cầu về phạm vi cung cấp.

Các cột (5), (6), (7), (8) nhà thầu chào. Nhà thầu chào đơn giá dự thầu tại cột (7) theo quy định tại Mục 13.6(a) **BDL**, bao gồm tất cả các chi phí cho các yếu tố rủi ro và chi phí trượt giá có thể xảy ra trong quá trình thực hiện hợp đồng, không bao gồm chi phí của các dịch vụ liên quan tại Mẫu số 05(b1).

Mẫu số 05(b1)

**BẢNG GIÁ DỰ THẦU CHO CÁC DỊCH VỤ LIÊN QUAN***(áp dụng loại hợp đồng trọn gói)***I. Đối với nhà thầu trong nước:**

1	2	3	4	5	6	7	8
STT	Mô tả dịch vụ	Khối lượng mời thầu	Đơn vị tính	Địa điểm thực hiện dịch vụ	Ngày hoàn thành dịch vụ	Đơn giá dự thầu	Thành tiền (cột 3x7)
1							
2							
...							
n							
<b>Thuế GTGT ... %</b>							
<b>Tổng giá dự thầu cho các dịch vụ liên quan đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)</b> <i>(Kết chuyển sang bảng tổng hợp giá dự thầu)</i>							<b>(I)</b>

**Đại diện hợp pháp của nhà thầu**  
*[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

Ghi chú:

Nhà thầu điền vào bảng này phù hợp với Biểu dịch vụ liên quan quy định tại Mục 1 Chương V - Phạm vi cung cấp.

**II. Đối với nhà thầu nước ngoài:**

1	2	3	4	5	6	7	8
STT	Mô tả dịch vụ	Khối lượng mời thầu	Đơn vị tính	Địa điểm thực hiện dịch vụ	Ngày hoàn thành dịch vụ	Đơn giá dự thầu	Thành tiền (cột 3x7)
1							
2							

05  
 Y  
 V  
 IA  
 HA

...							
n							
<b>Tổng giá dự thầu cho các dịch vụ liên quan</b> <i>(Kết chuyển sang bảng tổng hợp giá dự thầu)</i>							<b>(I)</b>

**Đại diện hợp pháp của nhà thầu**  
*[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

Ghi chú:

Nhà thầu điền vào bảng này phù hợp với Biểu dịch vụ liên quan quy định tại Mục 1 Chương V - Phạm vi cung cấp.



**BẢNG GIÁ CHÀO CÁC VẬT TƯ CHẠY THỬ, NGHIỆM THU TẠI ĐVTCĐT / VẬT TƯ, THIẾT BỊ, PHỤ TÙNG BẮT BUỘC PHẢI CÓ**

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
STT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Ký mã hiệu, nhãn mác	Xuất xứ	Đơn giá (FOB)	Thành tiền (4) x (7)
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	
						<b>Thuế GTGT ... %</b>	
						<b>Tổng</b>	

**Đại diện hợp pháp của nhà thầu**

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

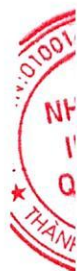
**Ghi chú:**

Nhà thầu điền vào bảng này phù hợp với quy định tại Mục 2 Chương V – Yêu cầu về kỹ thuật. Nhà thầu chào giá thành từng bảng riêng cho: vật tư cần thiết cho chạy thử, nghiệm thu bàn giao tại cơ sở ĐVTCĐT; vật tư, thiết bị, phụ tùng bắt buộc phải có theo yêu cầu.

**BẢNG TIẾN ĐỘ GIAO HÀNG**

Nhà thầu đề xuất tiến độ cung cấp phù hợp với yêu cầu về tiến độ giao hàng quy định tại Chương V - Phạm vi cung cấp.

<b>STT</b>	<b>Danh mục hàng hóa</b>	<b>Đơn vị tính</b>	<b>Khối lượng</b>	<b>Địa điểm dự án</b>	<b>Ngày giao hàng do nhà thầu đề xuất</b> <i>[ghi số ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực]</i>
1					
2					
...					



**BẢNG KÊ KHAI HÀNG HÓA ĐƯỢC HƯỞNG ƯU ĐÃI**

Nhà thầu chỉ được hưởng ưu đãi đối với các nội dung mà nhà thầu kê khai theo bảng dưới đây. Trường hợp nhà thầu không tích chọn thì không được hưởng ưu đãi về nội dung này.

STT	Tên hàng hóa	Xuất xứ [ghi tên quốc gia, vùng lãnh thổ, ký mã hiệu, nhãn hiệu, hãng sản xuất]	Hàng hóa có chi phí sản xuất trong nước từ 25% trở lên		Hàng hóa của cơ sở sản xuất có từ 50% lao động là người khuyết tật, thương binh, dân tộc thiểu số có hợp đồng lao động với thời gian thực hiện hợp đồng từ 03 tháng trở lên và đến thời điểm đóng thầu hợp đồng vẫn còn hiệu lực	Hàng hóa là sản phẩm đổi mới sáng tạo của mình quy định tại khoản 4 Điều 6 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP mà sản phẩm lần đầu được sản xuất và đủ điều kiện để đưa ra thị trường trong 6 năm gần đây; sản phẩm quy định tại điểm i khoản 1 Điều 10 của Luật Đầu thầu	Kê khai chi phí trong nước	
			Tỷ lệ chi phí sản xuất trong nước dưới 50%	Tỷ lệ chi phí sản xuất trong nước trên 50%			Theo Mẫu 07(a1)	Theo Mẫu 07(a2)
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Hàng hóa thứ 1		<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
2	Hàng hóa thứ 2		<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
...	...							
n	Hàng hóa thứ n		<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

Ghi chú: Nhà thầu phải cung cấp tài liệu chứng minh hàng hóa của nhà thầu thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi

(1), (2): Nhà thầu ghi đầy đủ thông tin.

(3), (4), (5), (6): Nhà thầu đánh dấu vào ô tương ứng với từng loại hàng hóa.

(7), (8): Đối với hàng hóa có chi phí sản xuất trong nước từ 25% trở lên nhà thầu chọn cách kê khai chi phí sản xuất trong nước theo Mẫu số 07(a1) (trường hợp kê khai chi phí sản xuất tại Việt Nam) hoặc Mẫu số 07(a2) (trường hợp kê khai chi phí nhập ngoại).

**BẢNG KÊ KHAI CHI PHÍ SẢN XUẤT TRONG NƯỚC ĐỐI VỚI HÀNG HÓA ĐƯỢC HƯỞNG ƯU ĐÃI**  
(trường hợp kê khai chi phí sản xuất tại Việt Nam)

STT	Tên hàng hóa	Nhà thầu là nhà thương mại		Nhà thầu là nhà sản xuất	Chi phí sản xuất trong nước	Tỷ lệ % chi phí sản xuất trong nước	
		Giá chào của hàng hóa (I)	Giá trị thuế các loại <sup>(2)</sup> (II)			Nhà thầu là nhà thương mại	Nhà thầu là nhà sản xuất
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Hàng hóa thứ 1			Giá xuất xưởng (giá EXW) của hàng hóa (G)	G*	$D(\%)=G^*/G$ Trong đó G = (I) - (II)	$D(\%)=G^*/G$
2	Hàng hóa thứ 2						
...	...						
n	Hàng hóa thứ n						

Ghi chú: Nhà thầu phải cung cấp tài liệu chứng minh hàng hóa của nhà thầu thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi

(1), (2), (4): Nhà thầu ghi đầy đủ thông tin.

(3), (5): Nhà thầu tự kê khai.

(6), (7): Nhà thầu tự tính.



**BẢN KÊ KHAI THÔNG TIN VỀ NHÀ THẦU**

*(trường hợp nhà thầu không phải là nhà sản xuất ra hàng hóa thuộc phạm vi của gói thầu)*

1. Tên nhà thầu: ____ <i>[ghi tên đầy đủ của nhà thầu]</i>
2. Quốc gia nơi nhà thầu đăng ký thành lập: ____ <i>[ghi tên quốc gia nơi nhà thầu đăng ký thành lập]</i> Nơi nhà thầu đăng ký kinh doanh, hoạt động: ____ <i>[ghi tên tỉnh/thành phố, quốc gia nơi nhà thầu đăng ký kinh doanh, hoạt động]</i>
3. Năm thành lập: ____ <i>[ghi năm thành lập của nhà thầu]</i>
4. Địa chỉ tại quốc gia nơi đăng ký thành lập: ____ <i>[ghi địa chỉ của nhà thầu tại quốc gia nơi đăng ký thành lập]</i>
5. Thông tin về đại diện theo pháp luật của nhà thầu: Tên: _____ Địa chỉ: _____ Số điện thoại/fax: _____ Địa chỉ thư điện tử: _____
6. Kèm theo là bản sao của một trong các tài liệu sau đây: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh, Quyết định thành lập hoặc tài liệu có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền của quốc gia mà nhà thầu đang hoạt động cấp.
7. Trình bày cơ cấu tổ chức của nhà thầu.

**BẢN KÊ KHAI THÔNG TIN VỀ NHÀ THẦU**

(trường hợp nhà thầu là nhà sản xuất ra hàng hóa thuộc phạm vi của gói thầu)

1. Tên nhà thầu: ____ [ghi tên đầy đủ của nhà thầu]
2. Quốc gia nơi nhà thầu đăng ký thành lập: ____ [ghi tên quốc gia nơi nhà thầu đăng ký thành lập] Nơi nhà thầu đăng ký kinh doanh, hoạt động: ____ [ghi tên tỉnh/thành phố, quốc gia nơi nhà thầu đăng ký kinh doanh, hoạt động]
3. Năm thành lập: ____ [ghi năm thành lập của nhà thầu]
4. Địa chỉ tại quốc gia nơi đăng ký thành lập: ____ [ghi địa chỉ của nhà thầu tại quốc gia nơi đăng ký thành lập]
5. Thông tin về đại diện theo pháp luật của nhà thầu: Tên: _____ Địa chỉ: _____ Số điện thoại/fax: _____ Địa chỉ thư điện tử: _____
6. Năng lực sản xuất: _____ [ghi các thông tin thể hiện năng lực sản xuất của nhà thầu như: số nhà máy, quy mô sản xuất, công suất tối thiểu, công suất tối đa theo thiết kế, công suất thực tế đang thực hiện... nhằm chứng minh khả năng đáp ứng yêu cầu về số lượng, khối lượng, thời gian giao hàng quy định trong HSMT]
7. Kèm theo là bản sao của một trong các tài liệu sau đây: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh, Quyết định thành lập hoặc tài liệu có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền của quốc gia mà nhà thầu đang hoạt động cấp.
8. Trình bày cơ cấu tổ chức của nhà thầu.



**BẢN KÊ KHAI THÔNG TIN VỀ THÀNH VIÊN  
CỦA NHÀ THẦU LIÊN DANH<sup>(1)</sup>**

*(trường hợp thành viên của nhà thầu liên danh không phải là  
nhà sản xuất ra hàng hóa thuộc phạm vi của gói thầu)*

1. Tên nhà thầu: ____ [ <i>ghi tên đầy đủ của nhà thầu</i> ]
2. Tên thành viên liên danh: ____ [ <i>ghi tên đầy đủ của thành viên liên danh</i> ]
3. Quốc gia nơi thành viên liên danh đăng ký thành lập: ____ [ <i>ghi quốc gia nơi thành viên liên danh đăng ký thành lập</i> ]  Nơi thành viên liên danh đăng ký kinh doanh, hoạt động: ____ [ <i>ghi tên tỉnh/thành phố, quốc gia nơi thành viên liên danh đăng ký kinh doanh, hoạt động</i> ]
4. Năm thành lập: ____ [ <i>ghi năm thành lập của thành viên liên danh</i> ]
5. Địa chỉ tại quốc gia nơi đăng ký thành lập: ____ [ <i>ghi địa chỉ của thành viên liên danh tại quốc gia nơi đăng ký thành lập</i> ]
6. Thông tin về đại diện theo pháp luật của thành viên liên danh Tên: _____ Địa chỉ: _____ Số điện thoại/fax: _____ Địa chỉ thư điện tử: _____
7. Kèm theo là bản sao của một trong các tài liệu sau đây: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh, Quyết định thành lập hoặc tài liệu có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền của nước mà thành viên liên danh đang hoạt động cấp.
8. Trình bày cơ cấu tổ chức của thành viên liên danh.

Ghi chú:

(1) Từng thành viên của nhà thầu liên danh phải kê khai theo Mẫu này.

3140  
HÀ  
IN T  
QUỠ  
H PI

**BẢN KÊ KHAI THÔNG TIN VỀ THÀNH VIÊN  
CỦA NHÀ THẦU LIÊN DANH<sup>(1)</sup>**

*(trường hợp thành viên của nhà thầu liên danh là nhà sản xuất  
ra hàng hóa thuộc phạm vi của gói thầu)*

1. Tên nhà thầu: ____ [ <i>ghi tên đầy đủ của nhà thầu</i> ]
2. Tên thành viên liên danh: ____ [ <i>ghi tên đầy đủ của thành viên liên danh</i> ]
3. Quốc gia nơi thành viên liên danh đăng ký thành lập: ____ [ <i>ghi quốc gia nơi thành viên liên danh đăng ký thành lập</i> ]  Nơi thành viên liên danh đăng ký kinh doanh, hoạt động: ____ [ <i>ghi tên tỉnh/thành phố, quốc gia nơi thành viên liên danh đăng ký kinh doanh, hoạt động</i> ]
4. Năm thành lập: ____ [ <i>ghi năm thành lập của thành viên liên danh</i> ]
5. Địa chỉ tại quốc gia nơi đăng ký thành lập: ____ [ <i>ghi địa chỉ của thành viên liên danh tại quốc gia nơi đăng ký thành lập</i> ]
6. Thông tin về đại diện theo pháp luật của thành viên liên danh Tên: _____ Địa chỉ: _____ Số điện thoại/fax: _____ Địa chỉ thư điện tử: _____
7. Năng lực sản xuất: ____ [ <i>ghi các thông tin thể hiện năng lực sản xuất của nhà thầu như: số nhà máy, quy mô sản xuất, công suất tối thiểu, công suất tối đa theo thiết kế, công suất thực tế đang thực hiện... nhằm chứng minh khả năng đáp ứng yêu cầu về số lượng, khối lượng, thời gian giao hàng quy định trong HSMT</i> ]
8. Kèm theo là bản sao của một trong các tài liệu sau đây: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh, Quyết định thành lập hoặc tài liệu có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền của quốc gia mà thành viên liên danh đang hoạt động cấp.
9. Trình bày cơ cấu tổ chức của thành viên liên danh.

Ghi chú

(1) Từng thành viên của nhà thầu liên danh phải kê khai theo Mẫu này.



## 4. Các đặc tính khác

*[ghi các đặc tính khác nếu cần thiết]*

Nhà thầu phải gửi kèm theo bản chụp các văn bản, tài liệu liên quan đến các hợp đồng đó (chẳng hạn xác nhận của Chủ đầu tư về hợp đồng đã hoàn thành theo các nội dung liên quan trong bảng trên...).

Ghi chú:

Nhà thầu nghiên cứu kỹ HSMT và đề xuất các hợp đồng tương tự khác nhau để bảo đảm đáp ứng yêu cầu của HSMT.

(1) Trong trường hợp liên danh, từng thành viên trong liên danh kê khai theo Mẫu này. Trường hợp nhà thầu có nhiều hợp đồng tương tự thì kê khai từng hợp đồng theo Mẫu này.

(2) Nhà thầu chỉ kê khai nội dung tương tự với yêu cầu của gói thầu.

(3) Trường hợp giá trị hợp đồng không tính bằng VND hoặc EUR hoặc JPY thì quy đổi sang VND hoặc EUR hoặc JPY theo tỷ giá quy định tại Mục 2 Chương III để làm cơ sở đánh giá.

**KÊ KHAI NĂNG LỰC SẢN XUẤT HÀNG HÓA**

(trường hợp nhà thầu là nhà sản xuất ra hàng hóa thuộc phạm vi của gói thầu)

Tên nhà thầu: \_\_\_\_ [ghi tên đầy đủ của nhà thầu].

Số lượng nhà máy, cơ sở sản xuất (gọi chung là nhà máy): \_\_\_\_ [Điền số nhà máy]

Đối với mỗi nhà máy, nhà thầu kê khai thông tin sau đây:

Tên nhà máy:	[Ghi tên nhà máy]
Địa chỉ:	[Ghi địa chỉ nhà máy]
Tổng mức đầu tư:	[Ghi tổng mức đầu tư]
Công suất thiết kế:	[Ghi công suất thiết kế]
Công suất thực hiện:	[Ghi công suất thực hiện trong năm gần nhất]
Tiêu chuẩn sản xuất:	[Ghi tiêu chuẩn sản xuất đang áp dụng, nếu có]
Số lao động đang làm việc:	[Ghi tổng số lao động đang làm việc tại nhà máy]

Ghi chú:

Trong trường hợp liên danh, từng thành viên trong liên danh kê khai theo Mẫu này.

Nhà thầu có thể kê khai và chứng minh theo một trong 2 biểu mẫu “Kê khai năng lực sản xuất hàng hóa” hoặc “Hợp đồng chứng minh năng lực sản xuất hàng hóa” tại Mẫu số 09(b) này.

**HỢP ĐỒNG CHỨNG MINH NĂNG LỰC SẢN XUẤT HÀNG HÓA <sup>(1)</sup>**

(áp dụng đối với nhà thầu là nhà sản xuất)

Tên nhà thầu: \_\_\_\_ [ghi tên đầy đủ của nhà thầu].

Thông tin về từng hợp đồng, mỗi hợp đồng cần bảo đảm các thông tin sau đây:

Tên và số hợp đồng	[ghi tên đầy đủ của hợp đồng, số ký hiệu]
Ngày ký hợp đồng	[ghi ngày, tháng, năm]
Ngày hoàn thành	[ghi ngày, tháng, năm]
Số lượng máy	[ghi số lượng máy theo hợp đồng đã ký]



Tên dự án:	<i>[ghi tên đầy đủ của dự án có hợp đồng đang kê khai]</i>
Tên Chủ đầu tư:	<i>[ghi tên đầy đủ của Chủ đầu tư trong hợp đồng đang kê khai]</i>
Địa chỉ: Điện thoại/fax: E-mail:	<i>[ghi đầy đủ địa chỉ hiện tại của Chủ đầu tư] [ghi số điện thoại, số fax kể cả mã quốc gia, mã vùng] [ghi địa chỉ e-mail]</i>
<b>Mô tả tính chất tương tự theo quy định tại Mục 2 Chương III <sup>(2)</sup></b>	
1. Loại hàng hóa	<i>[ghi thông tin hàng hóa]</i>
2. Về số lượng máy móc đã thực hiện	<i>[ghi số lượng thực tế đã thực hiện căn cứ theo biên bản nghiệm thu, thanh lý hợp đồng]</i>
3. Về tính chất tương tự	<i>[ghi tính chất của các máy móc theo hợp đồng]</i>
4. Các đặc tính khác	<i>[ghi các đặc tính khác nếu cần thiết]</i>

Nhà thầu phải gửi kèm theo bản chụp các văn bản, tài liệu liên quan đến các hợp đồng đó (như Thư xác nhận của Chủ đầu tư/Đơn vị ký hợp đồng về hợp đồng đã hoàn thành theo các nội dung liên quan trong bảng trên hoặc Biên bản nghiệm thu có xác nhận của các bên liên quan hoặc tài liệu khác có tính pháp lý).

Ghi chú:

Nhà thầu nghiên cứu kỹ HSMT và đề xuất các hợp đồng chứng minh năng lực sản xuất hàng hóa khác nhau để bảo đảm đáp ứng yêu cầu của HSMT.

Nhà thầu có thể kê khai và chứng minh theo một trong 2 biểu mẫu “Kê khai năng lực sản xuất hàng hóa” hoặc “Hợp đồng chứng minh năng lực sản xuất hàng hóa” tại Mẫu số 09(b) này.

(1) Trong trường hợp liên danh, từng thành viên trong liên danh kê khai theo Mẫu này. Trường hợp nhà thầu có nhiều hợp đồng chứng minh năng lực sản xuất hàng hóa khác nhau thì kê khai từng hợp đồng theo Mẫu này.

(2) Nhà thầu chỉ kê khai nội dung tương tự với yêu cầu của gói thầu.

## HỢP ĐỒNG KHÔNG HOÀN THÀNH DO LỖI CỦA NHÀ THẦU TRONG QUÁ KHỨ<sup>(1)</sup>

Tên nhà thầu: \_\_\_\_\_

Ngày: \_\_\_\_\_

Tên thành viên của nhà thầu liên danh (nếu có): \_\_\_\_\_

### Các hợp đồng không hoàn thành do lỗi của nhà thầu trong quá khứ theo quy định tại Mục 2 Chương III - Tiêu chuẩn đánh giá HSDT

- Không có hợp đồng không hoàn thành do lỗi của nhà thầu kể từ ngày 01 tháng 01 năm \_\_\_\_ [ghi năm] theo quy định tại Bảng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm thuộc Mục 2 Chương III - Tiêu chuẩn đánh giá HSDT.
- Có hợp đồng không hoàn thành do lỗi của nhà thầu tính từ ngày 01 tháng 01 năm \_\_\_\_ [ghi năm] theo quy định tại Bảng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm thuộc Mục 2 Chương III - Tiêu chuẩn đánh giá HSDT.

Năm	Phần việc hợp đồng không hoàn thành	Mô tả hợp đồng	Tổng giá trị hợp đồng (giá trị, loại đồng tiền và quy đổi sang loại đồng tiền phù hợp)
		Mô tả hợp đồng: _____ Tên Chủ đầu tư: _____ Địa chỉ: _____ Nguyên nhân không hoàn thành hợp đồng:	

Ghi chú:

(1) Nhà thầu phải kê khai chính xác, trung thực các hợp đồng không hoàn thành do lỗi của nhà thầu trong quá khứ; trường hợp ĐVTCĐT phát hiện nhà thầu có hợp đồng không hoàn thành do lỗi của nhà thầu trong quá khứ mà không kê khai thì nhà thầu được coi là có hành vi gian lận và HSDT của nhà thầu sẽ bị loại. Trường hợp nhà thầu liên danh thì từng thành viên của nhà thầu liên danh phải kê khai theo Mẫu này.



**TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CỦA NHÀ THẦU<sup>(1)</sup>**

Tên nhà thầu: \_\_\_\_\_

Ngày: \_\_\_\_\_

Tên thành viên của nhà thầu liên danh (nếu có): \_\_\_\_\_

	<b>Năm tài chính của nhà thầu từ ngày ___ tháng ___ đến ngày ___ tháng ___</b>		
	<b>Số liệu tài chính trong các năm gần nhất theo yêu cầu của HSMT<sup>(2)</sup>:</b>		
	<b>Năm 1: ___</b>	<b>Năm 2: ___</b>	<b>Năm 3: ___</b>
<b>Tổng tài sản</b>			
<b>Tổng nợ</b>			
<b>Giá trị tài sản ròng</b>			
<b>Doanh thu hằng năm (không bao gồm thuế VAT)</b>			
<b>Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT)<sup>(3)</sup></b>			
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>			
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>			
<p>Đính kèm là bản sao các báo cáo tài chính cho các năm như đã nêu trên, tuân thủ các điều kiện sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Phản ánh tình hình tài chính của nhà thầu hoặc thành viên liên danh (nếu là nhà thầu liên danh) mà không phải tình hình tài chính của một chủ thể liên kết như công ty mẹ hoặc công ty con hoặc công ty liên kết với nhà thầu hoặc thành viên liên danh.</li> <li>2. Các báo cáo tài chính phải hoàn chỉnh, đầy đủ nội dung theo quy định của quốc gia mà nhà thầu đăng ký hoạt động.</li> <li>3. Đối với nhà thầu nước ngoài, báo cáo tài chính phải được kiểm toán. Đối với nhà thầu trong nước, các báo cáo tài chính phải tương ứng với các kỳ kế toán đã hoàn thành kèm theo bản chụp của một trong các tài liệu sau đây: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Biên bản kiểm tra quyết toán thuế;</li> </ul> </li> </ol>			



- Tờ khai tự quyết toán thuế (thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp) có xác nhận của cơ quan thuế về thời điểm đã nộp tờ khai;
- Tài liệu chứng minh việc nhà thầu đã kê khai quyết toán thuế điện tử;
- Văn bản xác nhận của cơ quan quản lý thuế (xác nhận số nộp cả năm tài chính) về việc thực hiện nghĩa vụ nộp thuế;
- Báo cáo kiểm toán (nếu có);
- Các tài liệu khác.

Ghi chú:

- (1) Trường hợp nhà thầu liên danh thì từng thành viên liên danh phải kê khai theo Mẫu này.
- (2) Khoảng thời gian được nêu ở đây cần giống khoảng thời gian được quy định tại Mục 2 Chương III - Tiêu chuẩn đánh giá HSĐT.
- (3) Để xác định doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT), nhà thầu chia tổng doanh thu (không bao gồm thuế VAT) của các năm theo yêu cầu của HSMT cho số năm.

Doanh thu hằng năm được tính bằng tổng doanh thu trong báo cáo tài chính của năm đó (không bao gồm thuế VAT).

Trường hợp nhà thầu mới thành lập không đủ số năm theo yêu cầu của HSMT thì doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) được tính trên cơ sở số năm mà nhà thầu có số liệu tài chính.



**DANH SÁCH CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY THÀNH VIÊN ĐẢM NHẬN  
PHẦN CÔNG VIỆC CỦA GÓI THẦU<sup>(1)</sup>**

STT	Tên công ty con, công ty thành viên <sup>(2)</sup>	Công việc đảm nhận trong gói thầu <sup>(3)</sup>	Giá trị % so với giá dự thầu <sup>(4)</sup>
1			
2			
...			

Ghi chú:

(1) Trường hợp nhà thầu tham dự thầu là công ty mẹ (ví dụ như Tổng công ty) huy động công ty con, công ty thành viên thực hiện một phần công việc của gói thầu thì phải kê khai cụ thể tại Mẫu này. Việc đánh giá kinh nghiệm thực hiện hợp đồng tương tự của nhà thầu căn cứ vào giá trị, khối lượng do công ty mẹ, công ty con, công ty thành viên đảm nhận trong gói thầu. Trường hợp nhà thầu tham dự thầu không phải là công ty mẹ thì không áp dụng Mẫu này.

(2) Ghi cụ thể tên công ty con, công ty thành viên.

(3) Ghi cụ thể phần công việc đảm nhận của công ty con, công ty thành viên.

(4) Ghi cụ thể giá trị % công việc của công ty con, công ty thành viên đảm nhận so với giá dự thầu.

